



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÒA BÌNH



ĐẠI HỌC
HÒA BÌNH

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 667/QĐ-ĐHNB ngày 25 tháng 07 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình)*

Tên chương trình :	Luật kinh tế
Trình độ đào tạo :	Đại học
Ngành đào tạo :	Luật kinh tế
Mã ngành đào tạo :	7380107
Loại hình đào tạo :	Chính quy

HÀ NỘI, 2024

Số: 667/QĐ-ĐHQB

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo
ngành Luật kinh tế trình độ đại học hệ chính quy năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÒA BÌNH

Căn cứ Quyết định số 244/QĐ-TTg ngày 28/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Hòa Bình;

Căn cứ Quyết định số 16/2024/QĐ-HĐT ngày 28/5/2024 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hòa Bình;

Căn cứ Quyết định số 03/2020/QĐ-HĐT ngày 01/10/2020 của Hội đồng trường về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ngày 19/7/2024 về việc Thông qua chương trình đào tạo và bản mô tả chương trình đào tạo điều chỉnh từ năm 2024 trở đi;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học và Sau Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo (kèm theo bản mô tả chương trình đào tạo và bộ đề cương chi tiết học phần) theo hệ thống tín chỉ ngành Luật kinh tế, trình độ đại học chính quy năm 2024, mã số 7380107.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho khóa K17 tuyển sinh năm 2024 trở đi.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo Đại học và Sau Đại học, Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng, Trưởng khoa Luật, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CT HĐT (để b/c);
- Các Phó HT;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

NGND.PGS.TS. Tô Ngọc Hưng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÒA BÌNH



ĐẠI HỌC
HÒA BÌNH

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 667/QĐ-ĐHNB ngày 25 tháng 07 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình)*

Tên chương trình :	Luật kinh tế
Trình độ đào tạo :	Đại học
Ngành đào tạo :	Luật kinh tế
Mã ngành đào tạo :	7380107
Loại hình đào tạo :	Chính quy

HÀ NỘI, 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo	3
1.2. Thông tin chung	3
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
2.1. Triết lý giáo dục của trường Đại học Hòa Bình	3
2.2. Tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Hòa Bình	6
2.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo	6
3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	7
4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP	11
5. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	11
5.1. Trong nước	11
5.2. Quốc tế	49
6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	50
6.1. Cấu trúc chương trình đào tạo	50
6.2. Danh sách học phần	51
6.3. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT	55
6.4. Kế hoạch dạy học	59
6.5. Chiến lược giảng dạy – học tập	65
6.6. Chiến lược và phương pháp đánh giá	65
6.7. Sơ đồ tiến trình đào tạo	66
7. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN	68
8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	102
8.1. Những căn cứ xây dựng và phát triển CTĐT:	102
8.2. Hướng dẫn sinh viên định hướng hoàn thành chương trình:	103
8.3. Trách nhiệm của Bộ môn/Khoa/Trường	104
8.4. Trách nhiệm của giảng viên/CVHT, sinh viên	104

1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

1.2. Thông tin chung

- Tên ngành đào tạo:
 - Tên tiếng Việt: Luật kinh tế
 - + Tên tiếng Anh: Economic Law
- Mã ngành đào tạo: 7380107
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân Luật kinh tế
 - + Tiếng Anh: Bachelor of economic law
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Luật
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Hòa Bình
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt
- Thông tin tuyển sinh:
 - + Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương; Đáp ứng các tiêu chí khác theo Đề án tuyển sinh Đại học của trường Đại học Hòa Bình.
 - + Phương thức tuyển sinh: xét tuyển thẳng; kết quả học tập THPT (Học bạ); Kết quả thi đánh giá năng lực; Kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024.
- Chuẩn đầu vào:
- Điều kiện tốt nghiệp:
 - a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
 - b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
 - c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Triết lý giáo dục của trường Đại học Hòa Bình

Triết lý giáo dục đó của trường Đại học Hòa Bình là **Chất lượng - Hội nhập - Sáng tạo**.

Chất lượng là đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan và các chuẩn kiểm định trong nước và quốc tế về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; lấy chất lượng để xây dựng uy tín của Nhà trường; xây dựng môi trường giáo dục để người học "học thật, thi thật, chất lượng thật".

Hội nhập là đối sánh và tiếp thu những thành tựu khoa học - công nghệ mới, cách tiếp cận dạy, học và kỹ năng quản trị đại học tiên tiến trong và ngoài nước nhằm liên tục nâng cao chất lượng.

Sáng tạo là có phong cách học tập và làm việc năng động, thích ứng nhanh với thị trường lao động và việc làm luôn biến động trong xã hội, để người học trở thành "nhân tài thật".

Triết lý giáo dục đó của Trường Đại học Hòa Bình được chuyển tải một cách cụ thể vào chương trình đào tạo và được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1 Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hòa Bình được chuyển tải vào chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Luật			Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hòa Bình		
			Chất lượng	Hội nhập	Sáng tạo
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	Khoa học chính trị, xã hội, tự nhiên, kinh tế, quản trị, ngoại ngữ, tin học	X	X	X
	Khối kiến thức cơ sở ngành	Lý luận, lịch sử Nhà nước và pháp luật; luật hiến pháp; luật hành chính; luật dân sự; luật hôn nhân và gia đình; luật tố tụng; pháp luật quốc tế; luật so sánh	X	X	X
	Khối kiến thức chuyên ngành	Doanh nghiệp, thương mại, đầu tư, hợp đồng, tài chính, ngân hàng, môi trường, đất đai, cạnh tranh, thuế, hải quan, bảo hiểm, chứng khoán, lao động, an sinh xã hội, sở hữu trí tuệ, giải quyết tranh chấp, phá sản...	X	X	X
	Khóa luận tốt nghiệp/Đồ án...	Khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành	X	X	X
Hoạt động ngoại khóa (<i>Liệt kê các hoạt động ngoại khóa</i>)	Câu lạc bộ diễn án, tham quan, trải nghiệm nghề nghiệp	Khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành	X	X	X
Chuẩn đầu ra trong Chương trình đào tạo (PLOs) PLO1	PLO1.1	Kiến thức về khoa học chính trị, xã hội, tự nhiên, kinh tế, quản trị, ngoại ngữ, tin học vào hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.	X	X	X
	PLO1.2	Kiến thức cơ sở ngành: lý luận, lịch sử Nhà nước và pháp luật; luật hiến pháp; luật hành chính; luật dân sự; luật hôn nhân và gia đình; luật tố tụng; pháp luật quốc tế; luật so sánh trong lĩnh vực kinh tế.	X	X	X

Chương trình đào tạo ngành Luật		Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hòa Bình			
		Chất lượng	Hội nhập	Sáng tạo	
	PLO1.3	Kiến thức chuyên ngành: doanh nghiệp, thương mại, đầu tư, hợp đồng, tài chính, ngân hàng, môi trường, đất đai, cạnh tranh, thuế, hải quan, bảo hiểm, chứng khoán, lao động, an sinh xã hội, sở hữu trí tuệ, giải quyết tranh chấp, phá sản... trong hoạt động thực tiễn.	x	x	x
	PLO1.4	Vận dụng được kiến thức hỗ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường Đại học Hòa Bình và các trường thuộc khối ngành luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng.	x	x	x
PLO2	PLO2.1	Kỹ năng thuộc khối kiến thức đại cương	x	x	x
	PLO2.2	Kỹ năng thuộc khối kiến thức đại cương	x	x	x
	PLO2.3	Kỹ năng thuộc khối kiến thức đại cương	x	x	x
	PLO2.4	Kỹ năng thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành	x	x	x
	PLO2.5	Kỹ năng thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành	x	x	x
	PLO2.6	Kỹ năng thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành	x	x	x
PLO3	PLO3.1	Mức độ tự chủ thuộc tất cả các khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành	x	x	x
	PLO3.2	Mức độ tự chủ thuộc tất cả các khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành	x	x	x
	PLO3.3	Mức độ tự chủ thuộc tất cả các khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành	x	x	x

Chương trình đào tạo ngành Luật		Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hòa Bình		
		Chất lượng	Hội nhập	Sáng tạo
PLO3.4	Mức độ tự chủ thuộc tất cả các khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành	x	x	x
PLO3.5	Mức độ tự chủ thuộc tất cả các khối kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành	x	x	x

2.2. Tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Hòa Bình

2.2.1. Tầm nhìn

Đến năm 2045 trở thành một trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực hàng đầu của Việt Nam, có thứ hạng cao trong hệ thống giáo dục đại học khu vực và toàn cầu; là trung tâm xuất sắc về đào tạo công nghệ cao, khoa học sức khỏe, kinh tế số, phát triển bền vững; là trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ uy tín trong nước và quốc tế.

2.2.2. Sứ mạng

- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có nền tảng kiến thức vững chắc, có năng lực đổi mới sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc toàn cầu, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội và toàn nhân loại, góp phần xây dựng Việt Nam phồn vinh, đậm đà bản sắc dân tộc;

- Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các lĩnh vực khoa học và công nghệ tiên tiến phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

- Mở rộng hợp tác quốc tế với các trường đại học hàng đầu của thế giới và khu vực, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và quốc tế.

2.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân Luật kinh tế theo định hướng ứng dụng nhằm đào tạo ra các cử nhân Luật kinh tế có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp; có năng lực phân tích, đánh giá, tổng hợp, nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm; có năng lực tổ chức thực hiện quy định của pháp luật trong hoạt động kinh tế.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đặt mục tiêu cung cấp lực lượng lao động chất lượng cao trong lĩnh vực Luật kinh tế:

PO1: Có kiến thức cơ bản về triết học, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên để áp dụng trong cuộc sống, học tập và công việc liên quan đến lĩnh vực pháp lý.

PO2: Có kiến thức chuyên sâu về pháp luật và thực tiễn pháp lý thuộc nhóm kiến thức khối ngành và khối kiến thức chung của chuyên ngành như: lý luận chung về Nhà nước và pháp luật; lịch sử Nhà nước và pháp luật, luật hiến pháp, luật hành chính, luật dân sự và tố tụng dân sự, luật hình sự và tố tụng hình sự, luật hành chính và tố tụng hành chính, luật hôn nhân và gia đình, pháp luật quốc tế ... để sinh viên áp

dụng pháp luật giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn.

PO3: Có kiến thức chuyên sâu về pháp luật và thực tiễn pháp lý thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành như: Luật doanh nghiệp, Luật kinh tế quốc tế, Luật Lao động, Luật môi trường, Luật chứng khoán, Luật thương mại, Luật đất đai, Luật tài chính, Luật cạnh tranh... để phản biện, tham gia xây dựng, vận dụng các quy phạm pháp luật trong hoạt động kinh tế.

PO4: Có khả năng vận dụng được các kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề pháp lý như: Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng, kỹ năng tư vấn pháp luật; kỹ năng soạn thảo các văn bản có tính chất pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc lĩnh vực pháp luật điều chỉnh.

PO5: Có kỹ năng ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế.

PO6: Có phẩm chất đạo đức nghề luật, năng lực tự chủ và trách nhiệm trong thực hiện công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực pháp luật.

3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra	Mô tả Chuẩn đầu ra	Mức năng lực
Kiến thức (PLO1)		
PLO1.1	Vận dụng được những nguyên lý, quy luật, kiến thức về khoa học chính trị, xã hội, tự nhiên, kinh tế, quản trị, ngoại ngữ, tin học vào hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.	K3
PLO1.2	Vận dụng được các kiến thức căn bản về Nhà nước, pháp luật: lý luận, lịch sử Nhà nước và pháp luật; luật hiến pháp; luật hành chính; luật dân sự; luật hôn nhân và gia đình; luật tố tụng; pháp luật quốc tế; luật so sánh trong lĩnh vực kinh tế.	K3
PLO1.3	Phân tích được những kiến thức chuyên sâu về luật: doanh nghiệp, thương mại, đầu tư, hợp đồng, tài chính, ngân hàng, môi trường, đất đai, cạnh tranh, thuế, hải quan, bảo hiểm, chứng khoán, lao động, an sinh xã hội, sở hữu trí tuệ, giải quyết tranh chấp, phá sản... trong hoạt động thực tiễn.	K4
PLO1.4	Vận dụng được kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường Đại học Hòa Bình và các trường thuộc khối ngành luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng...	K3
Kỹ năng (PLO2)		

PLO2.1	Vận dụng những quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế để thực hiện, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn.	S3
PLO2.2	Sử dụng được ngoại ngữ (trình độ tiếng anh bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam) và công nghệ thông tin trong học tập, hoạt động nghề luật.	S3
PLO2.3	Đạt tới khả năng phân tích, soạn thảo nội dung pháp lý, tư vấn giao kết các hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại.	S3
PLO2.4	Kết hợp những nội dung cơ bản của pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh tế vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn.	S4
PLO2.5	Đạt tới trình độ làm việc nhóm hiệu quả trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn hoạt động kinh tế.	S3
PLO2.6	Phát hiện vấn đề, đưa ra các lập luận logic, thuyết phục trong hoạt động nghề luật và cuộc sống.	S3
Mức tự chủ và trách nhiệm(PLO3)		
PLO3.1	Tuân theo tiêu chuẩn đạo đức, pháp luật, trách nhiệm công dân, bản lĩnh chính trị. Đề cao đạo đức nghề luật.	A2
PLO3.2	Chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức trong hoạt động nghề luật.	A3
PLO3.3	Khái quát hoá vấn đề trong học tập, nghiên cứu, thực hành nghề luật một cách chủ động, tự lập; Có bản lĩnh và tinh thần học tập vươn lên khẳng định năng lực bản thân.	A4
PLO3.4	Phối hợp trong hoạt động nghề luật, tổ chức trong hoạt động tập thể để giải quyết những vấn đề pháp lý phức tạp phát sinh.	A4
PLO3.5	Sẵn sàng thực hiện hiệu quả công việc trong điều kiện làm việc thay đổi, môi trường có nhiều áp lực của cạnh tranh, hội nhập và phát triển.	A4

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973);

Bảng 2. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo (POs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo														
	1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4	3.5
PO1	x			x											
PO2		x													
PO3			x		x		x			x					
PO4							x		x						
PO5					x										
PO6											x	x	x	x	x

(Đánh dấu x tương ứng vào các chuẩn đầu ra tương ứng)

Bảng 3. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo với khung trình độ quốc gia

TT	Kiến thức				Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO1.1			x											
PLO1.2			x											
PLO1.3				x										
PLO1.4			x											
PLO2.1							x							
PLO2.2							x							
PLO2.3							x							
PLO2.4								x						

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật có khả năng làm việc ở các vị trí công việc sau:

- Làm việc tại tòa án, viện kiểm sát, cơ quan thi hành án; thực hiện các công việc mang tính pháp lý theo chức năng tại các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan quản lý nhà nước khác.

- Làm việc tại các văn phòng luật sư, văn phòng công chứng, các trung tâm trọng tài, tổ chức thừa phát lại, các trung tâm đấu giá tài sản; thực hiện các công việc có tính chất pháp lý tại các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác (như đàm phán và soạn thảo hợp đồng trong các lĩnh vực, thẩm định giá, xử lý nợ; thành lập, giải thể các chi nhánh...).

- Làm việc trong các tổ chức liên chính phủ, phi chính phủ và các tổ chức quốc tế.

- Tham gia giảng dạy môn pháp luật và một số môn học khác tại các cơ sở giáo dục, đào tạo. Tham gia nghiên cứu về pháp luật tại các cơ quan thực hành pháp luật, các cơ sở đào tạo luật, các viện nghiên cứu...

5. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

BẢNG SO SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH LUẬT KINH TẾ ĐẠI HỌC HÒA BÌNH VỚI CÁC TRƯỜNG ĐÀO
TẠO NGÀNH LUẬT KINH TẾ TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI

5.1. Trong nước

TT	NỘI DUNG ĐỐI SÁNH	CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		
		Ngành Luật kinh tế (Ban hành năm 2024) (Mã ngành: 7380107) Trường Đại học Hòa Bình	Ngành Luật kinh tế (Ban hành năm 2021) (Mã ngành: 7380107) Trường Đại học Luật Hà Nội	Ngành Luật (Điều chỉnh năm 2023) (Mã ngành: 7380101) Trường Đại học Luật- ĐHQGHN
THÔNG TIN CHUNG				
1	Khối lượng kiến thức toàn khóa	132 tín chỉ	129 tín chỉ	127 tín chỉ
2	Mục tiêu đào tạo	- <i>Mục tiêu chung:</i> Chương trình đào tạo cử nhân Luật kinh tế theo định hướng ứng dụng nhằm đào tạo ra các cử nhân Luật kinh tế có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp; có năng lực	- <i>Mục tiêu chung:</i> Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế, thực tiễn pháp lý và những kiến thức về chính	- <i>Mục tiêu chung:</i> Mục tiêu của chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Luật là cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực pháp luật

		<p>phân tích, đánh giá, tổng hợp, nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm; có năng lực tổ chức thực hiện quy định của pháp luật trong hoạt động kinh tế.</p> <p>- <i>Mục tiêu cụ thể:</i> Chương trình đặt mục tiêu cung cấp lực lượng lao động chất lượng cao trong lĩnh vực Luật kinh tế: Có kiến thức cơ bản về triết học, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên để áp dụng trong cuộc sống, học tập và công việc liên quan đến lĩnh vực pháp lý. Có kiến thức chuyên sâu về pháp luật và thực tiễn pháp lý thuộc nhóm kiến thức khối ngành và khối kiến thức chung của chuyên ngành như: lý luận chung về Nhà nước và pháp luật; lịch sử Nhà nước và pháp luật, luật hiến pháp, luật hành chính, luật dân sự và tố tụng dân sự, luật hình sự và tố tụng hình sự, luật hành chính và tố tụng hành chính, luật hôn nhân và gia đình, pháp luật</p>	<p>trị, kinh tế, văn hóa, xã hội có liên quan đến lĩnh vực pháp luật kinh tế; bước đầu có định hướng chuyên sâu, rèn luyện kỹ năng nghiên cứu và thực hành. Sản phẩm của chương trình đào tạo là các cử nhân luật kinh tế có phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức, có kiến thức và có năng lực để có thể nghiên cứu cũng như giải quyết được các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực pháp luật kinh tế, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế, đủ điều kiện dự tuyển vào các chương trình đào tạo sau đại học ngành Luật kinh tế và các ngành luật khác theo quy định tại Việt Nam.</p> <p>- <i>Mục tiêu cụ thể:</i> Người học đạt được kiến thức nền tảng về pháp luật kinh tế và một số lĩnh vực pháp luật kinh tế chuyên sâu</p>	<p>kinh doanh cho xã hội, đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Chương trình đào tạo nhằm trang bị cho người học hệ thống kiến thức nền tảng và chuyên sâu về khoa học pháp lý, bao gồm cả kiến thức lý luận và thực tiễn; cung cấp cho người học các kỹ năng cần thiết cho việc thực hiện các hoạt động nghề nghiệp sau khi ra trường; giúp người học có được phẩm chất và năng lực phù hợp để phát triển thành những chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật, có thể tham gia nghiên cứu, xây dựng và thực thi pháp luật kinh doanh tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức quốc tế, tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, đơn vị nghiên cứu, giảng dạy về luật học; có khả năng tự học hoặc tiếp tục</p>
--	--	--	---	---

		<p>quốc tế ... để sinh viên áp dụng pháp luật giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn. Có kiến thức chuyên sâu về pháp luật và thực tiễn pháp lý thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành như: Luật doanh nghiệp, Luật kinh tế quốc tế, Luật Lao động, Luật môi trường, Luật chứng khoán, Luật thương mại, Luật đất đai, Luật tài chính, Luật cạnh tranh... để phân biện, tham gia xây dựng, vận dụng các quy phạm pháp luật trong hoạt động kinh tế.</p> <p>Có khả năng vận dụng được các kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề pháp lý như: Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng, kỹ năng tư vấn pháp luật; kỹ năng soạn thảo các văn bản có tính chất pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc lĩnh vực pháp luật điều chỉnh.</p> <p>Có kỹ năng ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc</p>	<p>đáp ứng đòi hỏi nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao.</p> <p>Người học nắm vững kiến thức pháp luật về hành chính, pháp luật dân sự, pháp luật quốc tế và các lĩnh vực pháp luật khác có liên quan nhằm khẳng định Trường Đại học Luật Hà Nội là trường trọng điểm về đào tạo cán bộ pháp luật tại Việt Nam.</p> <p>Người học có được khả năng nghiên cứu pháp luật và năng lực giải quyết hiệu quả các vụ việc pháp luật, trọng tâm là các vụ việc trong lĩnh vực kinh tế, đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế.</p> <p>Người học có kỹ năng nghiên cứu và thực hành nghề luật, trọng tâm là ngành luật kinh tế, góp phần đưa Đại học Luật Hà Nội trở thành trường trọng điểm về đào tạo cán bộ pháp luật.</p> <p>Người học được rèn luyện bản thân và hình thành tư chất con người pháp luật, có tinh</p>	<p>học lên ở các bậc học cao hơn.</p> <p><i>- Mục tiêu cụ thể:</i> <i>Về kiến thức:</i> Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về triết học, kinh tế học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn và công nghệ thông tin... Cung cấp cho người học những kiến thức lý luận và thực tiễn về Nhà nước và pháp luật, những kiến thức pháp lý từ nền tảng đến chuyên sâu trong các lĩnh vực khác nhau, như: luật hiến pháp và luật hành chính, pháp luật hình sự, pháp luật dân sự, pháp luật kinh doanh, pháp luật quốc tế... Giúp người học hình thành và phát triển tư duy pháp lý mang tính hệ thống để có thể giải quyết những vấn đề pháp lý phức tạp phát sinh từ thực tiễn.</p> <p><i>Về kỹ năng:</i> Giúp người học đạt được các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để người</p>
--	--	--	--	--

		<p>trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế.</p> <p>Có phẩm chất đạo đức nghề luật, năng lực tự chủ và trách nhiệm trong thực hiện công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực pháp luật.</p>	<p>thần trách nhiệm, trung thực, khách quan, đạo đức nghề nghiệp trong công việc, góp phần đưa Trường Đại học Luật Hà Nội có vị thế trong khu vực và trên thế giới.</p>	<p>học có thể vận dụng tốt các kiến thức đã được trang bị vào thực tiễn cuộc sống và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, như: áp dụng pháp luật; phổ biến, tuyên truyền và giáo dục pháp luật; giải quyết các tranh chấp pháp lí; tư vấn pháp luật và cung cấp các dịch vụ pháp lí; phản biện, hoàn thiện và xây dựng các chính sách, pháp luật; nghiên cứu khoa học pháp lí, tiếp nhận và vận dụng các kết quả nghiên cứu trong khoa học pháp lí...</p> <p>Cung cấp cho người học các kĩ năng bổ trợ cơ bản, hữu ích cho hoạt động chuyên môn, như: tra cứu, cập nhật thông tin, tài liệu; làm việc độc lập và làm việc nhóm; giao tiếp hiệu quả bằng các phương thức và hình thức khác nhau...</p> <p>Giúp người học có khả năng sử</p>
--	--	---	---	--

			<p>dụng tốt ít nhất một ngoại ngữ.</p> <p><i>Về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i></p> <p>Giúp người học đạt được năng lực ở mức có thể phát triển thành một chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật; có khả năng đưa ra những kết luận khoa học; những kiến nghị, giải pháp có giá trị trong hoạt động chuyên môn; hình thành năng lực lãnh đạo, điều hành, kiểm soát và dẫn dắt người khác thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao, có khả năng tự định hướng, hoàn thiện và nâng cao năng lực bản thân; thích nghi nhanh với môi trường làm việc áp lực cao và luôn có sự thay đổi; sáng tạo, tự khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p> <p>Giúp người học rèn luyện, trau dồi, nâng cao các giá trị đạo đức cá nhân, đạo đức xã hội và nghề</p>
--	--	--	--

				<p>nghiệp để trở thành những con người toàn diện trong cuộc sống, học tập, công tác, có lòng tự tôn dân tộc, có trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội và đất nước.</p>
3	Chuẩn đầu ra			
3.1	Về kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> - PLO1.1: Vận dụng được những nguyên lý, quy luật, kiến thức về khoa học chính trị, xã hội, tự nhiên, kinh tế, quản trị, ngoại ngữ, tin học vào hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống. - PLO1.2: Vận dụng được các kiến thức căn bản về Nhà nước, pháp luật: lý luận, lịch sử Nhà nước và pháp luật; luật hiến pháp; luật hành chính; luật dân sự; luật hôn nhân và gia đình; luật tố tụng; pháp luật quốc tế; luật so sánh trong lĩnh vực kinh tế. - PLO1.3: Phân tích được những kiến thức chuyên sâu về luật: doanh nghiệp, thương mại, đầu tư, hợp đồng, tài chính, ngân hàng, môi 	<ul style="list-style-type: none"> - K1: Kiến thức chuyên sâu pháp luật thương mại và cạnh tranh - K2: Kiến thức chuyên sâu pháp luật lao động và an sinh xã hội; - K3: Kiến thức chuyên sâu pháp luật về tài chính và ngân hàng; - K4: Kiến thức chuyên sâu pháp luật đất đai, kinh doanh bất động sản, bồi thường và giải phóng mặt bằng; - K5: Kiến thức chuyên sâu pháp luật môi trường, môi trường trong kinh doanh; - K6: Kiến thức chuyên sâu pháp luật về sở hữu trí tuệ; - K7: Nắm vững tri thức pháp luật về một hoặc một số lĩnh vực hẹp và 	<p>PLO1: Áp dụng vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng để tiếp cận và luận giải các vấn đề về Nhà nước và pháp luật;</p> <p>PLO2: Vận dụng các kiến thức cơ bản của khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, kinh tế học và các kiến thức theo khối ngành (như: lý luận về Nhà nước và pháp luật; lịch sử Nhà nước và pháp luật; lịch sử các học thuyết chính trị, luật hiến pháp, luật hành chính; luật học so sánh;</p>

		<p>trường, đất đai, cạnh tranh, thuế, hải quan, bảo hiểm, chứng khoán, lao động, an sinh xã hội, sở hữu trí tuệ, giải quyết tranh chấp, phá sản... trong hoạt động thực tiễn.</p> <p>- PLO1.4: Vận dụng được kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường Đại học Hòa Bình và các trường thuộc khối ngành luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng...</p>	<p>chuyên sâu như hợp đồng trong thương mại, đầu tư.</p> <p>- K8: Nắm vững tri thức pháp luật hẹp và chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp, kinh doanh bảo hiểm, chứng khoán.</p> <p>- K9: Nắm vững tri thức pháp luật hẹp và chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp, kinh doanh bảo hiểm, chứng khoán.</p> <p>- K10: Nắm vững tri thức pháp luật hẹp và chuyên sâu về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.</p> <p>- K11: Nắm vững tri thức pháp luật thương mại quốc tế và kinh doanh xuất nhập khẩu.</p> <p>- K12: Nắm vững tri thức pháp luật hẹp và chuyên sâu về logistics, pháp luật về nhượng quyền thương mại, pháp luật về khởi nghiệp.</p> <p>- K13: Nắm vững kiến thức kinh tế học Mác-Lênin.</p> <p>- K14: Nắm vững kiến thức Lý luận về Nhà nước và pháp luật.</p> <p>- K15: Nắm vững</p>	<p>tư duy pháp lí...) vào việc giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo;</p> <p>PLO3: Vận dụng các kiến thức nền tảng của khoa học pháp lí theo nhóm ngành (như: luật dân sự; luật tố tụng dân sự; luật hình sự, luật tố tụng hình sự. luật thương mại, công pháp quốc tế; tư pháp quốc tế...), các kiến thức pháp lí chuyên sâu theo ngành đào tạo (như: pháp luật về sở hữu trí tuệ; tội phạm học, lý luận pháp luật về quyền con người; pháp luật an sinh xã hội, luật thương mại quốc tế...) và kiến thức thực tập để nhận biết và giải quyết các vấn đề pháp lí cụ thể phát sinh trong thực tiễn công tác;</p> <p>PLO4: Tổng hợp các kiến thức lý luận và thực tiễn đã được trang bị để hình thành tư duy pháp lí hệ thống, tư duy phản biện trong</p>
--	--	--	--	---

			<p>kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản như Hiến pháp.</p> <p>- K16: Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản về tổ chức bộ máy Nhà nước.</p> <p>- K17: Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản về hành chính.</p> <p>- K18: Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản dân sự.</p> <p>- K19: Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản hình sự, tố tụng dân sự, thi hành án dân sự.</p> <p>- K20: Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản hôn nhân và gia đình.</p> <p>- K21: Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản công pháp quốc tế.</p> <p>- K22: Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản tư pháp quốc tế.</p> <p>- K23: Nắm vững kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản kinh tế học, quản trị-kinh doanh, kinh tế-luật.</p> <p>- K24: Nắm vững</p>	<p>hoạt động áp dụng pháp luật, xây dựng pháp luật và nghiên cứu khoa học pháp lí:</p> <p>PLO5: Đánh giá được các quy định pháp luật thực định trên cơ sở việc phân tích các quy định này, đối chiếu với thực tiễn thực thi, các yếu tố tác động và pháp luật nước ngoài để đề xuất các kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong từng trường hợp cụ thể.</p>
--	--	--	--	---

			<p>kiến thức các lĩnh vực pháp luật cơ bản kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.</p> <p>- K25: có năng lực giải quyết công việc một cách hiệu quả và sáng tạo, kể cả một số công việc phức tạp trong lĩnh vực luật kinh tế cũng như các lĩnh vực khác có liên quan.</p> <p>- K26: Có năng lực cố vấn pháp lý trong doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế.</p> <p>- K27: Có năng lực soạn thảo các hợp đồng thương mại; phân tích và đưa ý kiến về chiến lược kinh doanh; giải quyết các vấn đề về thuế, chi phí trong kinh doanh.</p>	
			<p>- Kiến thức khoa học về chính trị, kinh tế, văn hoá, lịch sử, tâm lý là nền tảng cho việc tiếp nhận, nghiên cứu và phát triển tri thức về nhà nước và pháp luật.</p>	

			- Kiến thức cơ sở về nhà nước và pháp luật, kiến thức chuyên sâu về pháp luật và chuyên ngành, thực tiễn pháp lý Việt Nam là nền tảng vận dụng giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong các lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, kinh tế, quốc tế.	
3.2.	Về kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> - PLO2.1: Nắm vững những quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế để thực hiện, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn. - PLO2.2: Sử dụng được ngoại ngữ (trình độ tiếng anh bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam) và công nghệ thông tin trong học tập, hoạt động nghề luật. - PLO2.3: Đạt tới khả năng phân tích, soạn thảo nội dung pháp lý, tư vấn giao kết các hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại. - PLO2.4: Kết hợp những nội dung cơ 	<ul style="list-style-type: none"> - S28: Kỹ năng nghiên cứu, đánh giá tính hợp lý của luật thực định trong mối liên hệ với lý luận, phát hiện và giải quyết các vấn đề từ đơn giản tới phức tạp thuộc lĩnh vực khoa học pháp lý; - S29: Kỹ năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá một cách chuẩn xác các văn bản pháp luật có liên quan đến công việc của mình; - S30: Kỹ năng phân tích các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật và đưa ra được các giải pháp chuyên môn để giải quyết các tình huống đó; - S31: Kỹ năng tư vấn, xây dựng lập luận pháp lý và 	<p>* Kỹ năng chuyên môn</p> <p>PLO6: Áp dụng đúng quy định pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn công tác trên cơ sở đánh giá chính xác dữ liệu, thông tin thu nhận được và xác định đúng yêu cầu pháp lý cần giải quyết;</p> <p>PLO7: Vận dụng tổng hợp kiến thức lý thuyết, thực tiễn của ngành đào tạo và tư duy pháp lý hệ thống để giải quyết những vấn đề pháp lý phức tạp và tổng kết được các bài học kinh nghiệm nghề nghiệp cho bản thân;</p> <p>PLO8: Phản biện</p>

		<p>bản của pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh tế vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn.</p> <p>- PLO2.5: Đạt tới trình độ làm việc nhóm hiệu quả trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn hoạt động kinh tế.</p> <p>- PLO2.6: Phát hiện vấn đề, đưa ra các lập luận logic, thuyết phục trong hoạt động nghề luật và cuộc sống.</p>	<p>bảo vệ quan điểm cá nhân trong thực hành nghề luật;</p> <p>- S32: Kỹ năng đàm phán và soạn thảo các văn bản có tính pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc lĩnh vực pháp luật liên quan đến công việc đảm nhiệm;</p> <p>- S33: Kỹ năng khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác trong nghề luật;</p> <p>- S34: Kỹ năng liên tục tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ; cập nhật, ứng dụng thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết công việc;</p> <p>- S35: Kỹ năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý công việc, đánh giá và cải thiện hiệu quả công việc,</p> <p>- S36: Kỹ năng làm việc nhóm, hướng dẫn, giám sát và phối hợp với các đồng nghiệp trong xử lý công việc,</p> <p>- S37: Kỹ năng giao tiếp ứng xử với đồng nghiệp, với cá nhân, đơn vị, tổ chức khác;</p> <p>- S38: Kỹ năng sử</p>	<p>các quy định pháp luật và các vấn đề có liên quan khác trong hoạt động nghề nghiệp, trong học tập và nghiên cứu khoa học pháp lí:</p> <p>PLO9: Đàm phán, tư vấn và cung cấp dịch vụ pháp lí cho khách hàng; tuyển truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho cộng đồng;</p> <p>PLO10: Sử dụng tốt ít nhất một ngoại ngữ (Đạt trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) và kiến thức cơ bản về tin học để phục yêu cầu công việc, học tập và nghiên cứu khoa học:</p> <p><i>* Kỹ năng bổ trợ</i></p> <p>PLO11: Sử dụng hiệu quả các công cụ giao tiếp, thuyết trình trước đám đông: viết và trình bày một cách thuyết phục các luận cứ, luận điểm, kết quả nghiên cứu trong các diễn đàn khoa học;</p> <p>PLO12: Chủ động cập nhật thông</p>
--	--	---	---	--

			<p>dụng ngoại ngữ thông dụng;</p> <p>-S39: Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin ở mức cơ bản (gồm đủ 6 mô đun cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT).</p>	<p>tin, kiến thức mới trong công việc và cuộc sống; dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</p>
3.3.	Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	<p>- PLO3.1: Tuân theo tiêu chuẩn đạo đức, pháp luật, trách nhiệm công dân, bản lĩnh chính trị. Đề cao đạo đức nghề luật.</p> <p>- PLO3.2: Chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức trong hoạt động nghề luật.</p> <p>- PLO3.3: Khái quát hoá vấn đề trong học tập, nghiên cứu, thực hành nghề luật một cách chủ động, tự lập;</p> <p>- PLO3.4: Có bản lĩnh và tinh thần học tập vươn lên khẳng định năng lực bản thân</p> <p>- PLO3.5: Phối hợp trong hoạt động nghề luật, tổ chức trong hoạt động tập thể để giải quyết những vấn đề pháp lý phức tạp phát sinh.</p> <p>- PLO3.6: Sẵn sàng thực hiện hiệu quả công việc trong điều kiện làm việc</p>	<p>- T40: Phẩm chất nghề nghiệp cần thiết của một luật gia nói chung và của một cố vấn pháp lý về kinh tế nói riêng.</p> <p>- T41: Bản lĩnh nghề nghiệp, trung thực và yêu nghề.</p> <p>- T42: Lòng tự trọng, tôn trọng người khác và chịu trách nhiệm cá nhân.</p> <p>- T43: Tinh thần thượng tôn pháp luật, phụng sự công lý, công bằng, liêm chính và nhân văn.</p> <p>- T44: Tinh thần trách nhiệm trong việc bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp, công ty</p> <p>- T45: Tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc.</p> <p>- T46: Chủ động, tự tin trong công việc, dám chịu trách nhiệm, mạnh</p>	<p>PLO13: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; chủ động thích nghi với môi trường làm việc luôn biến động và có tính cạnh tranh cao;</p> <p>PLO14: Có nền tảng cần thiết để hình thành và phát triển năng lực quản lí và lãnh đạo, khả năng phát huy trí tuệ tập thể, khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị công tác; có thể lập kế hoạch, điều hành, giám sát việc thực hiện một nhiệm vụ cụ thể được giao và đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành của bản thân và các thành viên trong nhóm.</p>

		<p>thay đổi, môi trường có nhiều áp lực của cạnh tranh, hội nhập và phát triển.</p>	<p>dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe.</p> <ul style="list-style-type: none"> - T47: Tinh thần ủng hộ sáng tạo và đổi mới - T48: tinh thần cầu thị, hợp tác, thân thiện với người khác trong công việc - T49: Tinh thần làm việc nhóm, biết phối hợp với đồng nghiệp để chia sẻ kinh nghiệm, giải quyết công việc. 	<p>PLO15: Có khả năng làm việc độc lập, hợp tác làm việc theo nhóm một cách hiệu quả, giải quyết công việc với tư duy logic, sáng tạo và chịu trách nhiệm với kết quả công việc của mình;</p> <p>PLO16: Chuẩn mực trong lời nói và hành vi, thẳng thắn, trung thực trong cuộc sống; cầu thị trong học tập và lao động; thân thiện, hợp tác với đồng nghiệp, khách hàng; chủ động, tự tin trong công việc;</p> <p>PLO17: Có đầy đủ phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của một luật gia; có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; có tinh thần bảo vệ công lí, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mọi tổ chức, cá nhân;</p> <p>PLO18: Có lòng tự tôn dân tộc; có ý thức đầy đủ về trách nhiệm công dân: sẵn sàng đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm chuẩn mực đạo đức, sẵn sàng bảo vệ lợi ích chung</p>
--	--	---	---	--

				của cộng đồng và xã hội, góp phần xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.
4	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	<p>- Làm việc tại tòa án, viện kiểm sát, cơ quan thi hành án; thực hiện các công việc mang tính pháp lý theo chức năng tại các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan quản lý nhà nước khác.</p> <p>- Làm việc tại các văn phòng luật sư, văn phòng công chứng, các trung tâm trọng tài, tổ chức thừa phát lại, các trung tâm đầu giá tài sản; thực hiện các công việc có tính chất pháp lý tại các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác (như đàm phán và soạn thảo hợp đồng trong các lĩnh vực, thẩm định giá, xử lý nợ; thành lập, giải thể các chi nhánh...).</p> <p>- Làm việc trong các tổ chức liên chính phủ, phi chính phủ và các tổ chức quốc tế.</p>	<p>Sinh viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Luật Hà Nội có thể đảm nhiệm được các vị trí việc làm thuộc các nhóm công việc: Thực hiện pháp luật; tư vấn pháp luật; giảng dạy và nghiên cứu pháp luật. Trong đó:</p> <p>- Thực hiện pháp luật gồm tham gia thực hiện hoạt động áp dụng pháp luật tại các doanh nghiệp, công ty, bộ phận pháp chế của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp; của Quốc hội, Chính phủ, Ban Kinh tế Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan thi hành án dân sự; Trung tâm bán đấu giá; các công ty định giá, các văn phòng công chứng, cơ quan thuế, hải quan, biên phòng, cơ quan Cảnh sát</p>	<p>Nhóm 1: Làm việc cho các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp từ trung ương tới địa phương, đặc biệt là các cơ quan bảo vệ pháp luật như: tòa án, kiểm sát, thi hành án, công an... và các cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội;</p> <p>- Nhóm 2: Hành nghề độc lập hoặc làm việc cho các tổ chức cung cấp dịch vụ pháp lý như: văn phòng luật sư, công ty luật, văn phòng công chứng, thừa phát lại, quản tài viên, doanh nghiệp quản lý và thanh lý tài sản, các trung tâm trọng tài, hòa giải... của Việt Nam và nước ngoài;</p> <p>- Nhóm 3: Làm việc cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước với tư cách là các chuyên viên, nhân viên</p>

		<p>- Tham gia giảng dạy môn pháp luật và một số môn học khác tại các cơ sở giáo dục, đào tạo. Tham gia nghiên cứu về pháp luật tại các cơ quan thực hành pháp luật, các cơ sở đào tạo luật, các viện nghiên cứu...</p>	<p>môi trường; Ủy ban chứng khoán Nhà nước, các sở giao dịch chứng khoán; các công ty đầu tư kinh doanh bất động sản; các ngân hàng thương mại, kho bạc; Ủy ban giám sát tài chính quốc gia; tham gia các công việc có liên quan đến pháp luật (đặc biệt là lĩnh vực pháp luật kinh tế) tại các cơ quan thông tấn, truyền thông như phóng viên, biên tập viên về pháp luật; thực hiện các công việc pháp lý tại các cơ quan Nhà nước khác.</p> <p>- Tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền lợi cho khách hàng gồm tư vấn, trợ giúp pháp lý, bảo vệ quyền lợi cho khách hàng trong nước và nước ngoài trong các lĩnh vực pháp luật: pháp luật hành chính, hình sự, dân sự, kinh tế, thương mại, quốc tế,... tại các công ty luật, văn phòng luật sư, văn phòng công chứng, trung tâm trọng tài thương</p>	<p>pháp chế, tư vấn pháp luật, quản trị nhân sự, thu hồi</p> <p>- Nhóm 4: Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu về pháp luật, hành chính - chính trị như các trường đại học, cao đẳng, trung học, trung tâm nghiên cứu, viện nghiên cứu....</p> <p>- Nhóm 5: Làm việc cho các tổ chức phi chính phủ, liên chính phủ hoặc các tổ chức quốc tế có các hoạt động liên quan đến pháp luật.</p>
--	--	--	--	--

			<p>mai, cố vấn pháp lý, chuyên viên pháp lý của doanh nghiệp, chuyên viên pháp lý tại các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội; tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các vị trí việc làm khác thuộc lĩnh vực tư,</p> <p>- Giảng dạy, nghiên cứu pháp luật gồm tham gia giảng dạy các môn chuyên ngành luật kinh tế tại các cơ sở đào tạo luật (đối với các cử nhân tốt nghiệp từ loại khá trở lên), tham gia giảng dạy môn Pháp luật đại cương và một số môn học khác thuộc lĩnh vực pháp luật như môn giáo dục công dân tại các cơ sở giáo dục, đào tạo; tham gia nghiên cứu khoa học với tư cách là nghiên cứu viên tại các cơ sở đào tạo đại học, các viện nghiên cứu và các cơ sở nghiên cứu pháp luật khác.</p>	
5	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi	- Có thể học lên thạc sĩ, tiến sĩ; tham gia học các chương trình đào tạo nghề luật như thẩm phán,	Sinh viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật của Trường	- Có thể tự học để nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ lý luận và kiến thức thực tiễn

	<p>tốt nghiệp</p>	<p>luật sư, công chứng viên, thừa phát lại....</p> <p>- Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế có thể đăng ký dự thi các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu hoặc ứng dụng thuộc khối ngành luật.</p>	<p>Đại học Luật Hà Nội có thể tiếp tục tham dự:</p> <p>- Khoá đào tạo các chức danh tư pháp (như thẩm phán, công chứng viên, chấp hành viên, luật sư, đấu giá viên.v.v...), các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghề nghiệp tại các cơ sở đào tạo nghề luật;</p> <p>- Khoá đào tạo luật ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo luật trong nước và nước ngoài, nếu đáp ứng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ sở giáo dục đại học.</p> <p>- Sinh viên tốt nghiệp Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật có thể đăng ký dự thi tất cả các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu hoặc ứng dụng thuộc khối ngành luật (bao gồm ngành Luật kinh tế, Luật quốc tế, Lý luận và lịch sử nhà nước pháp luật, Luật hiến pháp và Luật hành chính, Luật hình sự và tố tụng</p>	<p>trong cuộc sống;</p> <p>- Có thể tiếp tục học lên ở các bậc học cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) tại các cơ sở đào tạo luật trong và ngoài nước;</p> <p>- Có thể tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu về chuyên môn nghiệp vụ như đào tạo thẩm phán, thư kí tòa án, kiểm sát viên, điều tra viên, luật sư, công chứng viên, thừa phát lại, quân tài viên....</p>
--	--------------------------	--	---	---

6. Nội dung Chương trình đào tạo				
Tổng số tín chỉ		132	129	127
6.1.	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	Khối kiến thức giáo dục đại cương (37 tín chỉ) * Bắt buộc (31 tín chỉ) - Triết học Mác-Lênin - Kinh tế chính trị Mác-Lênin - Chủ nghĩa xã hội khoa học - Tư tưởng Hồ Chí Minh - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Logic học đại cương - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Tin học đại cương - Tiếng Anh 1 - Tiếng Anh 2 - Tiếng Anh 3 Tự chọn (6 tín chỉ) - Xã hội học đại cương - Tâm lý học - Tâm lý kinh doanh - Quản trị học	Kiến thức giáo dục đại cương (26 tín chỉ) * Bắt buộc (20 tín chỉ) - Triết học Mác – Lênin - Kinh tế chính trị Mác- Lênin - Chủ nghĩa xã hội khoa học - Tư tưởng Hồ Chí Minh - Lịch sử Đảng CSVN - Tin học * Tự chọn (6 tín chỉ) - Quản trị doanh nghiệp - Tài chính học - Tâm lí học đại cương - Nguyên lí kế toán - Xã hội học pháp luật - Văn hóa kinh doanh - Logic học	Khối kiến thức chung (19 tín chỉ) - Triết học Mác – Lênin - Kinh tế chính trị Mác- Lênin - Chủ nghĩa xã hội khoa học - Tư tưởng Hồ Chí Minh - Lịch sử Đảng CSVN - Ngoại ngữ B1 - Tin học cơ sở - Kỹ năng hỗ trợ - Logic học đại cương * Tự chọn (4 tín chỉ) - Tâm lí học đại cương - Quản trị học - Kinh tế học đại cương - Xã hội học đại cương - Xã hội học đại cương - Cơ sở văn hóa Việt Nam - Môi trường và phát triển - Môi trường và bền vững Phát triển - Thống kê cho khoa học xã hội
6.2.	KIẾN THỨC	95 Tín chỉ	87 tín chỉ	Kiến thức theo lĩnh vực

	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			77 tín chỉ
6.2.1.	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	9 tín chỉ	Kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành	Khối kiến thức theo khối ngành (24 tín chỉ)
	<i>Các học phần bắt buộc (9 tín chỉ)</i>	Bắt buộc (9 tín chỉ) Lý luận Nhà nước và Pháp luật Lịch sử Nhà nước và Pháp luật Luật So sánh	Bắt buộc (64 tín chỉ) Lý luận Nhà nước và Pháp luật Luật Hiến pháp Việt Nam Kinh tế vi mô Kinh tế vĩ mô Luật hành chính Việt Nam Luật dân sự 1 Luật dân sự 2 Luật thương mại 1 Luật thương mại 2 Luật tố tụng dân sự Luật lao động Luật ngân hàng Luật đất đai Luật môi trường Luật cạnh tranh Luật an sinh xã hội Luật sở hữu trí tuệ Luật thương mại quốc tế Luật kinh doanh bất động sản Luật hình sự 1 Xây dựng văn bản pháp luật Công pháp quốc tế Tư pháp quốc tế	Các học phần bắt buộc (20 tín chỉ) Lý luận Nhà nước và Pháp luật Lịch sử nhà nước pháp luật Luật Hiến pháp Luật Hành chính Luật học so sánh Luật La Mã
	<i>Các học phần tự chọn</i>		Tự chọn (23 tín chỉ) Kinh tế học pháp luật	Các học phần tự chọn (4 tín chỉ) Ngoại ngữ pháp lý 1

			<p>Luật học so sánh Pháp luật về lao động đặc thù Luật hình sự 2 Pháp luật cộng đồng ASEAN Luật thi hành án dân sự Luật Tố tụng hình sự Tiếng Anh pháp lý Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ Luật đầu tư Hợp đồng trong hoạt động thương mại Pháp luật tài chính doanh nghiệp Luật kinh doanh bảo hiểm Pháp luật về hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu Pháp luật về thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng Quản lý tài sản trí tuệ trong doanh nghiệp Luật chứng khoán Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng Luật môi trường trong kinh doanh Pháp luật về quản trị nhân sự - Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật - Kỹ năng soạn thảo văn bản hành</p>	<p>Tư duy pháp lý Lịch sử các học thuyết chính trị pháp lý Xây dựng văn bản pháp luật Chính trị học</p>
--	--	--	--	--

			<p>chính thông dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng thẩm định, thâm tra văn bản quy phạm pháp luật - Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính - Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự - Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự - Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình - Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ - Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại - Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động - Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai - Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế, tài chính doanh nghiệp - Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng - Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án hành chính - Kỹ năng thực hành một số hoạt 	
--	--	--	--	--

			<p>động trong tố tụng hình sự</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án dân sự - Kỹ năng nghiên cứu và phân tích án lệ - Kỹ năng diễn án giả tưởng trong lĩnh vực pháp luật thương mại quốc tế 	
6.2.2.	KIẾN THỨC NGÀNH	35 tín chỉ		Kiến thức theo nhóm ngành (53 tín chỉ)
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	<p>* Bắt buộc (29 tín chỉ)</p> <p>Tiếng Anh chuyên ngành</p> <p>Luật Hiến pháp Việt Nam</p> <p>Luật Hành chính</p> <p>Luật Dân sự</p> <p>Luật Tố tụng dân sự</p> <p>Luật Hình sự</p> <p>Luật Tố tụng hình sự</p> <p>Luật Hôn nhân và gia đình</p> <p>Công pháp Quốc tế</p> <p>Kỹ thuật soạn thảo văn bản</p>		<p>* Bắt buộc (47 tín chỉ)</p> <p>Luật dân sự 1</p> <p>Luật dân sự 2</p> <p>Luật dân sự 3</p> <p>Luật hình sự 1</p> <p>Luật hình sự 2</p> <p>Luật thương mại 1</p> <p>Luật thương mại 2</p> <p>Luật tài chính</p> <p>Luật ngân hàng</p> <p>Pháp luật về đất đai – môi trường</p> <p>Luật hôn nhân và gia đình</p> <p>Luật tố tụng hình sự</p> <p>Luật tố tụng dân sự</p> <p>Luật lao động</p> <p>Công pháp quốc tế</p> <p>Tư pháp quốc tế</p>
	<i>Các học phần tự chọn</i>	<p>* Tự chọn (6 tín chỉ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng đàm phán soạn thảo và ký kết hợp đồng 		<p>* Tự chọn (6 tín chỉ)</p> <p>Lí luận và pháp luật về phòng chống tham</p>

		thương mại - Kỹ năng tư vấn pháp luật - Pháp luật tài chính cá nhân và hộ gia đình - Pháp luật kinh doanh bất động sản		nhữ Luật cạnh tranh Luật thi hành án hình sự Luật thi hành án dân sự Luật hàng hải quốc tế Xã hội học pháp luật
6.2.3	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	41 tín chỉ		Khối kiến thức ngành 25 tín chỉ
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	* Bắt buộc (33 tín chỉ) Luật doanh nghiệp Luật kinh tế quốc tế Luật lao động Luật môi trường Luật chứng khoán Luật thương mại Luật đất đai Luật tài chính Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng Luật ngân hàng		* Các học phần bắt buộc (12 tín chỉ) - Luật Thương mại quốc tế - Luật tổ tụng hành chính - Pháp luật về sở hữu trí tuệ - Pháp luật về an sinh xã hội - Lí luận pháp luật về quyền con người - Tội phạm học
	<i>Các học phần tự chọn</i>	* Tự chọn (8 tín chỉ) Luật kinh doanh bảo hiểm Luật phá sản doanh nghiệp Phá sản và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh Thủ tục đăng ký doanh nghiệp và thủ tục đầu tư Luật thuế Luật hải quan Luật giao dịch điện		* Các học phần tự chọn (4 tín chỉ) - Nhà nước và pháp luật các quốc gia thuộc Asean - Luật hiến pháp nước ngoài - Hệ thống tư pháp hình sự - Kỹ năng tư vấn pháp luật - Kỹ năng giải quyết các tranh chấp về dân sự

		từ Luật An sinh xã hội Luật Dân sự La Mã Luật Sở hữu trí tuệ		- Các thiết chế tài phán quốc tế - Pháp luật về thị trường chứng khoán - Trách nhiệm hình sự và thủ tục tố tụng truy cứu trách nhiệm hình sự pháp nhân
6.3.	THỰC TẬP, KHOÁ LUẬN	10 tín chỉ	16 tín chỉ	9 tín chỉ
6.3.1.	Thực tập tốt nghiệp	4 tín chỉ	7 tín chỉ	3 tín chỉ
6.3.2.	Tự chọn khóa luận hoặc tích lũy thay thế	6 tín chỉ	9 tín chỉ	6 tín chỉ
6.3.2.1	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	6 tín chỉ		
6.3.2.2.	Học phần thay thế	6 tín chỉ		
		<i>Chuyên đề 1 về Pháp luật thương mại (3 tín chỉ) Chuyên đề 2 về lý luận Nhà nước về Pháp luật (3 tín chỉ)</i>	<i>Chọn học phần thay thế từ các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành với số tín chỉ tương đương Khóa luận tốt nghiệp.</i>	<i>Chọn học phần thay thế từ các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức theo khối ngành, theo nhóm ngành, khối kiến thức ngành với số tín chỉ tương đương.</i>

* So sánh với Chương trình đào tạo của Trường Đại học Phenikaa

TT	NỘI DUNG ĐỐI SÁNH	CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	
		Ngành Luật kinh tế (Ban hành năm 2024) (Mã ngành: 7380107) Trường Đại học Hòa Bình	Ngành Luật kinh tế (Ban hành năm 2023) (Mã ngành: 7380107) Trường Đại học Phenikaa
1	Khối lượng kiến thức toàn khóa	132 tín chỉ	132 tín chỉ
2	Mục tiêu đào tạo	<p>- <i>Mục tiêu chung:</i> Chương trình đào tạo cử nhân Luật kinh tế theo định hướng ứng dụng nhằm đào tạo ra các cử nhân Luật kinh tế có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp; có năng lực phân tích, đánh giá, tổng hợp, nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm; có năng lực tổ chức thực hiện quy định của pháp luật trong hoạt động kinh tế.</p> <p>- <i>Mục tiêu cụ thể:</i> Chương trình đặt mục tiêu cung cấp lực lượng lao động chất lượng cao trong lĩnh vực Luật kinh tế: Có kiến thức cơ bản về triết học, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên để áp dụng trong cuộc sống, học tập và công việc liên quan đến lĩnh vực pháp lý. Có kiến thức chuyên sâu về pháp luật và thực tiễn pháp lý thuộc nhóm kiến thức khối ngành và khối kiến thức chung của chuyên ngành như: lý luận chung về Nhà nước và pháp luật; lịch sử Nhà nước và pháp luật, luật hiến pháp,</p>	<p>- <i>Mục tiêu chung:</i> Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội dựa trên nền tảng đổi mới, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và thực hành nhằm đánh thức và hiện thực hóa tiềm năng của người học, gắn kết chặt chẽ với nhu cầu phát triển đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế, góp phần tạo ra những giá trị gia tăng cho cộng đồng và xã hội, hướng tới một đại học đổi mới sáng tạo, xuất sắc trong đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao, khởi nghiệp và hướng nghiệp, đạt Top 100 trường đại học Châu Á vào năm 2035. Tạo môi trường nghiên cứu chuyên nghiệp và tự do sáng tạo, phát huy tối đa sở trường của mỗi người. tạo ra những ảnh hưởng đột phá trong khoa học công nghệ và phát triển kinh tế xã hội. Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao dựa trên nền tảng khoa học pháp lý tiên tiến nhằm đào tạo bậc cử nhân luật học (Bachelor of</p>

	<p>luật hành chính, luật dân sự và tố tụng dân sự, luật hình sự và tố tụng hình sự, luật hành chính và tố tụng hành chính, luật hôn nhân và gia đình, pháp luật quốc tế ... để sinh viên áp dụng pháp luật giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn.</p> <p>Có kiến thức chuyên sâu về pháp luật và thực tiễn pháp lý thuộc nhóm kiến thức chuyên ngành như: Luật doanh nghiệp, Luật kinh tế quốc tế, Luật Lao động, Luật môi trường, Luật chứng khoán, Luật thương mại, Luật đất đai, Luật tài chính, Luật cạnh tranh... để phản biện, tham gia xây dựng, vận dụng các quy phạm pháp luật trong hoạt động kinh tế.</p> <p>Có khả năng vận dụng được các kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề pháp lý như: Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng, kỹ năng tư vấn pháp luật; kỹ năng soạn thảo các văn bản có tính chất pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc lĩnh vực pháp luật điều chỉnh.</p> <p>Có kỹ năng ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế.</p> <p>Có phẩm chất đạo đức nghề luật, năng lực tự chủ và trách nhiệm trong thực hiện công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực pháp luật.</p>	<p>Laws), chuyên ngành Luật kinh tế (Economic Law); những người có bản lĩnh chính trị và bản lĩnh khoa học; có tư cách, đạo đức tốt, có trách nhiệm với cộng đồng xã hội; có kiến thức pháp luật, có tư duy sáng tạo, có năng lực và khả năng vận dụng các kiến thức giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật; có kỹ năng thực hành nghề theo chuẩn quốc tế, có khả năng vận dụng các kiến thức pháp luật kinh tế để khởi nghiệp; có khả năng nghiên cứu chuyên sâu về pháp luật và tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn; có khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành trong hoạt động nghề nghiệp.</p> <p style="text-align: right;"><i>Mục</i></p> <p style="text-align: center;">- <i>tiêu cụ thể:</i></p> <p>MTCT1: Có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học xã hội, công nghệ thông tin và khoa học pháp lý; giúp người học có khả năng áp dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong đời sống xã hội, khởi nghiệp hoặc nghiên cứu học tập ở bậc học cao hơn.</p> <p>MTCT2: Có kỹ năng nghề nghiệp và vận dụng giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn; Có khả năng lập luận, tranh luận để bảo vệ các quan điểm pháp lý khoa học; có kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng truyền tải, phổ biến kiến thức và tổ chức thực hiện các</p>
--	---	--

			<p>nhiệm vụ trong hoạt động nghề nghiệp; có khả năng phân tích, bình luận, phản biện; có phương pháp học tập, tự học, tự cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ và hội nhập.</p> <p>MTCT3: Có khả năng làm việc độc lập về chuyên môn trong hoạt động nhóm; có kỹ năng làm việc nhóm; có khả năng dẫn dắt, định hướng, lập kế hoạch, quản lý, giám sát hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong hoạt động nhóm. Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, phản biện nghề nghiệp; có khả năng thuyết phục người khác</p> <p>MTCT4: Có khả năng ứng dụng được các kiến thức đã học để giải quyết các yêu cầu về việc cung cấp, đánh giá, xử lý thông tin và đưa ra các quyết định trong lĩnh vực pháp luật về kinh tế; có khả năng hội nhập quốc tế và cạnh tranh cao.</p>
3	Chuẩn đầu ra		
3.1	Về kiến thức	<p>- PLO1.1: Vận dụng được những nguyên lý, quy luật, kiến thức về khoa học chính trị, xã hội, tự nhiên, kinh tế, quản trị, ngoại ngữ, tin học vào hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.</p> <p>- PLO1.2: Vận dụng được các kiến thức căn bản về Nhà nước, pháp luật: lý luận, lịch sử Nhà nước và pháp luật; luật hiến pháp; luật hành chính; luật dân sự; luật hôn nhân và gia đình; luật tố tụng; pháp luật quốc tế; luật so sánh</p>	<p>KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH Kiến thức giáo dục đại cương</p> <p>Vận dụng được những kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn vào hoạt động nghề nghiệp.</p> <p>Trình bày được các kiến thức cơ bản lý luận chính trị về chủ nghĩa xã hội khoa học, triết học Mác-Lê nin, kinh tế chính trị học, lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật</p>

	<p>trong lĩnh vực kinh tế.</p> <p>- PLO1.3: Phân tích được những kiến thức chuyên sâu về luật: doanh nghiệp, thương mại, đầu tư, hợp đồng, tài chính, ngân hàng, môi trường, đất đai, cạnh tranh, thuế, hải quan, bảo hiểm, chứng khoán, lao động, an sinh xã hội, sở hữu trí tuệ, giải quyết tranh chấp, phá sản... trong hoạt động thực tiễn.</p> <p>- PLO1.4: Vận dụng được kiến thức hỗ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của trường Đại học Hòa Bình và các trường thuộc khối ngành luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng...</p>	<p>trong hoạt động kinh tế - xã hội.</p> <p>Vận dụng được các kiến thức về quản trị học trong giải quyết vấn đề của ngành luật kinh tế.</p> <p>Kiến thức cơ sở ngành</p> <p>Vận dụng được những kiến thức kinh tế xã hội phục vụ cho học tập, nghiên cứu và thực hành trong lĩnh vực phát luật về kinh tế.</p> <p>Vận dụng được những kiến thức chung về Nhà nước và pháp luật làm cơ sở nghiên cứu các phân học kiến thức ngành.</p> <p>Kiến thức ngành</p> <p>Đánh giá có hệ thống các kiến thức pháp luật chuyên ngành phục vụ việc nghiên cứu và tư vấn pháp lý trong lĩnh vực kinh tế - xã hội</p> <p>Vận dụng chính xác các quy định của pháp luật thành lập doanh nghiệp, khởi nghiệp và quản trị doanh nghiệp; tham gia tư vấn pháp lý trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh; giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh và nghiên cứu khoa học.</p> <p>Kiến thức thực tập và tốt nghiệp</p> <p>Phân tích được những kiến thức ngành luật vào thực tiễn để giải quyết một vấn đề pháp lý chuyên sâu trong hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc các tranh chấp pháp lý trong đời sống xã hội</p> <p>Sử dụng được những kiến thức từ đại cương đến chuyên ngành và các kỹ năng cần thiết được học để viết báo cáo</p>
--	--	--

			<p>khoa học và tham gia viết các bài báo khoa học.</p>
3.2.	Về kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> - PLO2.1: Nắm vững những quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế để thực hiện, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn. - PLO2.2: Sử dụng được ngoại ngữ (trình độ tiếng anh bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam) và công nghệ thông tin trong học tập, hoạt động nghề luật. - PLO2.3: Đạt tới khả năng phân tích, soạn thảo nội dung pháp lý, tư vấn giao kết các hợp đồng trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại. - PLO2.4: Kết hợp những nội dung cơ bản của pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh tế vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn. - PLO2.5: Đạt tới trình độ làm việc nhóm hiệu quả trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn hoạt động kinh tế. - PLO2.6: Phát hiện vấn đề, đưa ra các lập luận logic, thuyết phục trong hoạt động nghề luật và cuộc sống. 	<p>KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP</p> <p>Khả năng lập luận và giải quyết vấn đề Thể hiện được khả năng phân tích các thông tin, đánh giá chứng cứ và đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề pháp lý nảy sinh trong đời sống, xã hội. Nhận diện được vấn đề một cách khoa học và luận giải được các vấn đề pháp lý trong thực tiễn.</p> <p>Thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức Thể hiện được năng lực nghiên cứu, đánh giá tình huống pháp lý để giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn.</p> <p>Kỹ năng nghề nghiệp Thể hiện tốt kỹ năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá tình huống pháp lý. Thực hiện thành thạo kỹ năng vận dụng lý thuyết để giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn. Thực hiện thành thạo kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng, kỹ năng tư vấn pháp luật; kỹ năng tư vấn và soạn thảo các văn bản pháp luật. Thực hiện thành thạo kỹ năng lập luận, tranh luận; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng truyền tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng phân tích, bình luận, phản biện, đánh giá chất lượng công việc.</p>

		<p>Tư duy tâm hệ thống KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP</p> <p>Khả năng lập luận và giải quyết vấn đề Thể hiện được khả năng phân tích các thông tin, đánh giá chứng cứ và đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề pháp lý nảy sinh trong đời sống, xã hội. Nhận diện được vấn đề một cách khoa học và luận giải được các vấn đề pháp lý trong thực tiễn.</p> <p>Thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức Thể hiện được năng lực nghiên cứu, đánh giá tình huống pháp lý để giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn.</p> <p>Kỹ năng nghề nghiệp Thể hiện tốt kỹ năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá tình huống pháp lý. Thực hiện thành thạo kỹ năng vận dụng lý thuyết để giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn. Thực hiện thành thạo kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng, kỹ năng tư vấn pháp luật; kỹ năng tư vấn và soạn thảo các văn bản pháp luật. Thực hiện thành thạo kỹ năng lập luận, tranh luận; kỹ năng phản biện, phê phán; kỹ năng truyền tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng phân tích, bình luận, phản biện, đánh giá chất lượng công việc.</p> <p>Tư duy tâm hệ thống Phân tích được các vấn đề và</p>
--	--	---

		<p>đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề pháp lý nảy sinh trong đời sống thực tiễn</p> <p>Thể hiện được tính sáng tạo và sẵn sàng quyết định chấp nhận rủi ro, kiên trì theo đuổi mục tiêu, tự nhận thức và tự duy phản biện trong tiếp cận và tích hợp kiến thức mới, kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực</p> <p>Thái độ, tư tưởng, đạo đức, công bằng và các trách nhiệm khác</p> <p>Thể hiện được đạo đức, liêm chính và trách nhiệm xã hội, xây dựng lối sống, kỹ năng hành xử chuyên nghiệp; sống và làm việc theo pháp luật.</p> <p>Tin học, ứng dụng</p> <p>Sử dụng được các phần mềm tin học văn phòng và tin học ứng dụng, trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực pháp luật; khai thác các dịch vụ nền tảng của mạng Internet phục vụ quá trình học tập và làm việc trong và sau khi tốt nghiệp.</p> <p>KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP</p> <p>Làm việc nhóm</p> <p>Thực hiện được phát triển nhóm và hợp tác hoạt động nhóm liên ngành.</p> <p>Lập được kế hoạch triển khai hiệu quả các hoạt động nhóm.</p> <p>Giao tiếp</p> <p>Thành thạo kỹ năng giao tiếp, lựa chọn và áp dụng hợp lý các hình thức giao tiếp trong hoạt động nghề nghiệp như văn bản, điện tử/đa phương tiện...</p> <p>Giao tiếp bằng ngoại ngữ</p> <p>Sử dụng được tiếng Anh</p>
--	--	---

			trong các hoạt động quản trị doanh nghiệp (Đạt trình độ năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dung cho Việt nam).
3.3.	Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	<ul style="list-style-type: none"> - PLO3.1: Tuân theo tiêu chuẩn đạo đức, pháp luật, trách nhiệm công dân, bản lĩnh chính trị. Đề cao đạo đức nghề luật. - PLO3.2: Chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức trong hoạt động nghề luật. - PLO3.3: Khái quát hoá vấn đề trong học tập, nghiên cứu, thực hành nghề luật một cách chủ động, tự lập; - PLO3.4: Có bản lĩnh và tinh thần học tập vươn lên khẳng định năng lực bản thân - PLO3.5: Phối hợp trong hoạt động nghề luật, tổ chức trong hoạt động tập thể để giải quyết những vấn đề pháp lý phức tạp phát sinh. - PLO3.6: Sẵn sàng thực hiện hiệu quả công việc trong điều kiện làm việc thay đổi, môi trường có nhiều áp lực của cạnh tranh, hội nhập và phát triển. 	<p>HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG; X Y DỰNG, THIẾT KẾ; THỰC HIỆN VÀ VẬN HÀNH Ý TƯỞNG TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG – QUÁ TRÌNH SÁNG TẠO</p> <p>Bối cảnh bên ngoài, xã hội và môi trường Xác định được vai trò của pháp luật trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội và trong đời sống dân sự; vai trò và trách nhiệm của người hành nghề luật tới đời sống kinh tế, xã hội tới nền kinh tế.</p> <p>Bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh Xác định được bối cảnh nghề nghiệp và những tác động có tính khách quan, chủ quan đến hoạt động nghề nghiệp.</p> <p>Hình thành ý tưởng, kỹ thuật hệ thống và quản lý Xây dựng được ý tưởng, tạo lập tình huống có vấn đề; xây dựng quy trình xem xét và giải quyết vấn đề; xác định chức năng, nguyên lý và kiến trúc ý tưởng.</p> <p>Thiết kế Xây dựng được các dự án, phân tích thực tế, phát hiện những vấn đề pháp lý nảy sinh trong đời sống xã hội.</p> <p>Thực hiện Lập được kế hoạch để giải quyết các vấn đề pháp lý</p>

			<p>trong doanh nghiệp và dân sự</p> <p>Vận hành Thực hành được việc vận hành dự án pháp lý một cách rõ ràng, minh bạch. Dự đoán được các tình huống nảy sinh, phòng ngừa rủi ro và biện pháp khắc phục trong các giai đoạn của quá trình thực hiện các dự án pháp lý</p> <p>Năng lực lãnh đạo Thể hiện được kỹ năng lãnh đạo một nhóm/tổ chức, hoạch định và quản lý dự án pháp lý.</p> <p>Khởi nghiệp Vận dụng được kiến thức về khởi nghiệp, lãnh đạo trong hoạt động nghề luật.</p>
4	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Làm việc tại tòa án, viện kiểm sát, cơ quan thi hành án; thực hiện các công việc mang tính pháp lý theo chức năng tại các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan quản lý nhà nước khác. - Làm việc tại các văn phòng luật sư, văn phòng công chứng, các trung tâm trọng tài, tổ chức thừa phát lại, các trung tâm đấu giá tài sản; thực hiện các công việc có tính chất pháp lý tại các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác (như đàm phán và soạn thảo hợp đồng trong các lĩnh vực, thẩm định giá, xử lý nợ; thành lập, giải thể các chi nhánh...). - Làm việc trong các tổ chức liên chính phủ, phi chính phủ và các tổ chức quốc tế. 	<p>Người tốt nghiệp luật học chuyên ngành Luật kinh tế Trường đại học Phenikaa gọi là Cử nhân Luật (Bachelor of Laws) có thể làm việc với vai trò là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên pháp lý; phân tích, đánh giá, giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức và các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế; đảm bảo rằng, hoạt động của các doanh nghiệp, tổ chức và các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế thực hiện đúng chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước và các điều ước quốc tế có liên quan đến lĩnh vực kinh tế; - Chuyên viên thực hiện các dịch vụ pháp lý của luật sư hoặc người hành nghề luật sư; - Chuyên viên tư vấn pháp

		<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia giảng dạy môn pháp luật và một số môn học khác tại các cơ sở giáo dục, đào tạo. Tham gia nghiên cứu về pháp luật tại các cơ quan thực hành pháp luật, các cơ sở đào tạo luật, các viện nghiên cứu... 	<ul style="list-style-type: none"> luật, chuyên viên lập pháp, hành pháp và tư pháp; - Có khả năng tự lập nghiệp để kinh doanh và tham gia quản trị doanh nghiệp; - Nghiên cứu viên, cán bộ giảng dạy về pháp luật kinh tế; - Học tiếp lên Thạc sĩ, Tiến sĩ ở trong nước và nước ngoài. Với các công việc trên, người học có thể khẳng định năng lực của mình tại: <ul style="list-style-type: none"> - Các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế; các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức quốc tế tại Việt Nam. - Các cơ quan nhà nước các cấp; - Hệ thống tòa án nhân dân, các trung tâm trọng tài thương mại và các đơn vị cung cấp các dịch vụ tư vấn pháp lý; các viện nghiên cứu, các cơ sở giáo dục; các cơ quan thông tấn, báo chí chuyên về các vấn đề kinh tế - xã hội và pháp luật.
5	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể học lên thạc sĩ, tiến sĩ; tham gia học các chương trình đào tạo nghề luật như thẩm phán, luật sư, công chứng viên, thừa phát lại.... - Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật kinh tế có thể đăng ký dự thi các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu hoặc ứng dụng thuộc khối ngành luật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học tiếp lên Thạc sĩ, Tiến sĩ ở trong nước và nước ngoài.
Tổng số tín chỉ		132	132
6.1.	KIẾN THỨC	Khối kiến thức giáo dục đại cương (37 tín chỉ)	Kiến thức giáo dục đại cương (29 tín chỉ)

	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	<p>* Bắt buộc (31 tín chỉ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triết học Mác-Lênin - Kinh tế chính trị Mác-Lênin - Chủ nghĩa xã hội khoa học - Tư tưởng Hồ Chí Minh - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Logic học đại cương - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Tin học đại cương - Tiếng Anh 1 - Tiếng Anh 2 - Tiếng Anh 3 <p>Tự chọn (6 tín chỉ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xã hội học đại cương - Tâm lý học - Tâm lý kinh doanh - Quản trị học 	<p>* Bắt buộc (29 tín chỉ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tin học văn phòng - Nhập môn Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo - Tiếng Anh 1 - Tiếng Anh 2 - Tiếng Anh 3 - Triết học Mác - Lê nin - Kinh tế chính trị Mác - Lênin - Chủ nghĩa xã hội khoa học - Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam - Tư tưởng Hồ Chí Minh - Logic học - Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam <p>* Tự chọn (0 tín chỉ)</p>
6.2.	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	95 Tín chỉ	103 tín chỉ
6.2.1.	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	9 tín chỉ	32 tín chỉ
	<i>Các học phần bắt buộc(9 tín chỉ)</i>	<p>Bắt buộc (9 tín chỉ)</p> <ul style="list-style-type: none"> Lý luận Nhà nước và Pháp luật Lịch sử Nhà nước và Pháp luật Luật So sánh 	<p>Bắt buộc (26 tín chỉ)</p> <ul style="list-style-type: none"> Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế Quản trị học Tâm lý học đại cương Kinh tế vĩ mô Kinh tế vi mô Nhập môn pháp luật kinh tế Lý luận Nhà nước và Pháp luật Xây dựng văn bản pháp luật Luật Hiến pháp Quản lý công
	<i>Các học</i>		Tự chọn (6 tín chỉ)

	<i>phần tự chọn</i>		Hành vi người tiêu dùng Quản lý Nhà nước về kinh tế Đạo đức trong kinh doanh & Văn hóa doanh nghiệp Quản trị nhân lực
	Khối kiến thức bổ trợ		6 tín chỉ * Bắt buộc (4 tín chỉ) - Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Kỹ năng viết và thuyết trình bằng tiếng Anh * Tự chọn (2 tín chỉ) - Kỹ năng khởi nghiệp và lãnh đạo - Kỹ năng quản lý dự án - Kỹ năng đàm phán, thương lượng - Kỹ năng tư duy sáng tạo và phản biện
6.2.2.	KIẾN THỨC NGÀNH	35 tín chỉ	
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	* Bắt buộc (29 tín chỉ) Tiếng Anh chuyên ngành Luật Hiến pháp Việt Nam Luật Hành chính Luật Dân sự Luật Tố tụng dân sự Luật Hình sự Luật Tố tụng hình sự Luật Hôn nhân và gia đình Công pháp Quốc tế Kỹ thuật soạn thảo văn bản	
	<i>Các học phần tự chọn</i>	* Tự chọn (6 tín chỉ) - Kỹ năng đàm phán soạn thảo và ký kết hợp đồng thương mại - Kỹ năng tư vấn pháp luật - Pháp luật tài chính cá nhân và hộ gia đình - Pháp luật kinh doanh bất	

		động sản	
6.2.3	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	41 tín chỉ	53 tín chỉ
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	<p>* Bắt buộc (33 tín chỉ)</p> <p>Luật doanh nghiệp Luật kinh tế quốc tế Luật lao động Luật môi trường Luật chứng khoán Luật thương mại Luật đất đai Luật tài chính Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng Luật ngân hàng</p>	<p>* Bắt buộc (49 tín chỉ)</p> <p>Đồ án tích hợp liên ngành Tư pháp quốc tế Pháp luật kinh doanh bắt buộc Luật hình sự Pháp luật tài chính Pháp luật Đầu tư Pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại Pháp luật hợp đồng trong kinh doanh Pháp luật ngân hàng Pháp luật sở hữu trí tuệ Luật tố tụng hình sự Pháp luật lao động Pháp luật Dân sự Pháp luật doanh nghiệp Pháp luật hành chính luật Thương mại Pháp luật Tố tụng dân sự</p>
	<i>Các học phần tự chọn</i>	<p>* Tự chọn (8 tín chỉ)</p> <p>Luật kinh doanh bảo hiểm Luật phá sản doanh nghiệp Phá sản và giải quyết tranh chấp trong hoạt động kinh doanh Thủ tục đăng ký doanh nghiệp và thủ tục đầu tư Luật thuế Luật hải quan Luật giao dịch điện tử Luật An sinh xã hội Luật Dân sự La Mã Luật Sở hữu trí tuệ</p>	<p>* Tự chọn (4 tín chỉ)</p> <p>Pháp luật kinh doanh bảo hiểm Pháp luật thương mại điện tử Pháp luật cạnh tranh Tiếng Anh chuyên ngành luật</p>
6.3.	THỰC TẬP, KHOÁ	10 tín chỉ	12 tín chỉ

	LUẬN		
6.3.1.	Thực tập tốt nghiệp	4 tín chỉ	4 tín chỉ
6.3.2.	Tự chọn khóa luận hoặc tích lũy thay thế	6 tín chỉ	8 tín chỉ
6.3.2.1	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i>	6 tín chỉ	8 tín chỉ
6.3.2.2.	Học phần thay thế	6 tín chỉ	8 tín chỉ
		<i>Chuyên đề 1 về Pháp luật thương mại (3 tín chỉ)</i> <i>Chuyên đề 2 về lý luận Nhà nước về Pháp luật (3 tín chỉ)</i>	<i>Chuyên đề 1: Pháp luật thuế (3 tín chỉ)</i> <i>Chuyên đề 2: Pháp luật đất đai (3 tín chỉ)</i> <i>Chuyên đề 3: Pháp luật hải quan & xuất nhập khẩu (2 tín chỉ)</i>

*** Nhận xét**

- Tổng số tín chỉ đào tạo của ngành Luật kinh tế, Trường Đại học Hòa Bình là 132 tín chỉ, Trường Đại học Luật Hà Nội là 129 và Trường Đại học Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội là 127 tín chỉ. Như vậy, số tín chỉ không chênh lệch nhiều và theo đúng quy định của Bộ giáo dục và đào tạo về số tín chỉ tích lũy đối với chương trình đào tạo trình độ Đại học.

- Về nội dung Chương trình đào tạo của Trường Đại học Luật Hà Nội đa dạng với nhiều chuyên ngành, nhiều học phần tự chọn. Chương trình đào tạo của trường Đại học Luật- Đại học Quốc gia Hà Nội và Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế của trường Đại học Hòa Bình theo định hướng ứng dụng, tuy nhiên được xây dựng phù hợp với đặc thù và quy mô của từng trường. Cả 3 chương trình đào tạo đều có rất nhiều môn học chung: Lý luận Nhà nước và Pháp luật, Lịch sử nhà nước pháp luật, Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật hình sự và tổ tụng hình sự, ...

Đối với học phần Khóa luận tốt nghiệp, Đại học Hòa Bình có thiết kế học phần thay thế, đảm bảo theo quy định và tạo điều kiện cho người học lựa chọn. Còn Trường Đại học Luật Hà Nội có thể thay thế Khóa luận bằng lựa chọn học phần tự chọn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tương đương với số tín chỉ của Khóa luận.

- So với thiết kế Chương trình đào tạo của ngành Luật kinh tế, Trường Đại học Phenikaa, Chương trình đào tạo của Trường Đại học Hòa Bình có rất nhiều nét tương đồng. Trước hết, về số lượng tín chỉ của 2 Chương trình đào tạo là bằng nhau (132 tín chỉ). Về thiết kế các học phần, Trường Đại học Hòa Bình thiết kế nhiều môn học lựa chọn, song, cả hai Chương trình đào tạo có rất nhiều môn học tương đồng, như: Tiếng Anh 1; tiếng Anh 2; tiếng Anh 3; triết học Mác - Lê nin; kinh tế chính trị Mác – Lênin; chủ nghĩa xã hội khoa học; lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh; kinh tế vĩ mô; inh tế vi mô; lý luận Nhà nước và Pháp luật; luật Hiến pháp; luật

hình sự; pháp luật tài chính; pháp luật Đầu tư; pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại; pháp luật ngân hàng; pháp luật sở hữu trí tuệ; luật tố tụng hình sự; pháp luật lao động; pháp luật Dân sự; pháp luật doanh nghiệp; pháp luật hành chính; pháp luật Thương mại; pháp luật cạnh tranh; tiếng Anh chuyên ngành luật.

5.2. Quốc tế

Tham khảo Chương trình đào tạo ngành Luật của Maastricht University (Hà Lan). Đây là trường được đánh giá là một trong 25 trường đào tạo về kinh doanh tốt nhất thế giới. Chương trình đào tạo Luật của Maastricht University có tổng số 188 tín chỉ. Như vậy, số tín chỉ của Maastricht University nhiều hơn đáng kể so với số tín chỉ quy định đối với các cơ sở đào tạo Luật trình độ cử nhân ở Việt Nam nói chung và trường Đại học Hòa Bình nói riêng. Về thời gian đào tạo cử nhân Luật kinh tế của hai trường là giống nhau (4 năm). Bên cạnh đó, Chương trình đào tạo của trường Đại học Hòa Bình có nhiều môn học gần giống với môn học của Maastricht University, như: ngành Luật Hiến pháp, Luật hình sự, Luật tài sản, Luật tố tụng dân sự, Luật thuế... Đặc biệt, Đại học Maastricht University ưu tiên giảng dạy các môn học Luật hình sự và Luật thuế, chiếm tổng số khoảng 1/3 số tín chỉ (Tổng quan Luật hình sự = 10 tín chỉ; Tổng quan Luật thuế = 3 tín chỉ, luật thuế cá nhân = 7 tín chỉ; Nguyên tắc áp dụng Luật thuế = 10 tín chỉ, Luật thuế chung và chính thức = 13 tín chỉ)... Thiết kế các môn học trong Chương trình đào tạo của trường Đại học Hòa Bình phong phú hơn, phù hợp với tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, pháp luật tại Việt Nam và đúng quy định về số lượng tín chỉ và thời gian đào tạo. Sự thiết kế Chương trình đào tạo có sự khác biệt nhằm phù hợp với tình hình của mỗi quốc gia, song, có sự tương đồng trong thiết kế một số học phần (như đã nêu trên).

6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Bảng 4 Mối quan hệ giữa các khối học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT

Các khối học phần	Số TC	Tỷ lệ (%)	PO1						PO2						PO3				
			1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4	3.5		
Giáo dục đại cương	37	28,0%	x			x	x										x		
Giáo dục chuyên nghiệp	9	6,8%		x							x					x	x		
	35	26,6%			x	x											x	x	
	41	31,0%																	
	10	7,6%	x	x	x	x	x										x	x	
	Tổng	132																	

6.2. Danh sách học phần

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ		
				Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm/Thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá
I. KHỎI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				37		
1	7GDC013	Triết học Mác-Lênin	3	30	15	90
2	7GDC022	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	20	10	75
3	7GDC032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	10	75
4	7GDC042	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10	70
5	7GDC052	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10	90
6	7GDC402	Logic học đại cương	2	20	10	90
7	7CSN143	Kinh tế vi mô	3	35	10	90
8	7CSN153	Kinh tế vĩ mô	3	35	10	90
9	7GDC123	Tin học đại cương	3	15	30	45
10	7GDC133	Tiếng Anh 1	3	11	34	90
11	7GDC143	Tiếng Anh 2	3	11	34	90
12	7GDC153	Tiếng Anh 3	3	11	34	90
Sinh viên chọn 2 trong 4 học phần (6/12 TC)				6		
1	7GDC423	Xã hội học đại cương	3	35	10	90
2	7GDC283	Tâm lý học	3	35	10	90
3	7CSN273	Tâm lý kinh doanh	3	35	10	90
4	7CSN083	Quản trị học	3	35	10	90
Giáo dục quốc phòng - an ninh, Giáo dục thể chất (*) (12 TC)						
1	7GDC168	Giáo dục quốc phòng - an ninh (*)				
2	7GDC174	Giáo dục thể chất (*)				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ		
				Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm/Thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá
II. KHÓI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				95		
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				9		
1	7LKT013	Lý luận Nhà nước về Pháp luật	3	37	8	90
2	7LKT023	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật	3	35	10	90
3	7LKT033	Luật So sánh	3	35	10	90
2.2. Kiến thức ngành				35		
1	7LKT403	Tiếng Anh chuyên ngành	3	11	34	90
2	7LKT043	Luật Hiến pháp Việt Nam	3	35	10	90
3	7LKT053	Luật Hành chính	3	35	10	90
4	7LKT064	Luật Dân sự	3	35	10	90
5	7LKT073	Luật Tố tụng dân sự	3	39	6	90
6	7LKT084	Luật Hình sự	3	35	10	90
7	7LKT093	Luật Tố tụng hình sự	3	40	5	105
8	7LKT143	Luật Hôn nhân và gia đình	2	25	5	60
9	7LKT113	Công pháp Quốc tế	3	37	8	90
10	7LKT123	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	3	25	20	90
Sinh viên chọn 2 trong 4 học phần (6/12 TC)				6		
1	7LKT133	Kỹ năng đàm phán soạn thảo và ký kết hợp đồng thương mại	3	37	8	90
2	7LKT102	Kỹ năng tư vấn pháp luật	3	30	15	90
3	7LKT153	Pháp luật tài chính cá nhân và hộ gia đình	3	30	15	90
4	7LKT163	Pháp luật kinh doanh bất động sản	3	40	5	90

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ		
				Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm/Thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá
2.3. Kiến thức chuyên ngành				41		
1	7LKT183	Luật Doanh nghiệp	3	35	10	90
2	7LKT193	Luật Kinh tế quốc tế	3	30	15	90
3	7LKT203	Luật Lao động	3	30	15	90
4	7LKT213	Luật Môi trường	3	30	15	90
5	7LKT223	Luật Đầu tư	3	40	5	90
6	7LKT233	Luật Thương mại	3	30	15	90
7	7LKT244	Luật Đất đai	3	35	10	90
8	7LKT253	Luật Tài chính	3	35	10	90
9	7LKT263	Luật Cạnh tranh	3	30	15	90
10	7LKT273	Luật Ngân hàng	3	26	19	90
11	7LKT283	Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại	3	30	15	90
Sinh viên chọn 4 trong 10 học phần (8/20 TC)				8		
1	7LKT292	Luật kinh doanh bảo hiểm	2	15	15	60
2	7LKT302	Luật phá sản doanh nghiệp	2	24	6	60
3	7LKT312	Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	25	5	60
4	7LKT322	Luật Chứng khoán	2	20	10	60
5	7LKT332	Luật Thuế	2	20	10	60
6	7LKT342	Luật Hải quan	2	25	5	60
7	7LKT352	Luật Giao dịch điện tử	2	20	10	60
8	7LKT362	Luật An sinh xã hội	2	25	5	60
9	7LKT372	Luật Dân sự La Mã	2	25	5	60

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ		
				Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm/Thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá
10	7LKT382	Luật Sở hữu trí tuệ	2	20	10	60
2.4. Tốt nghiệp			10			
1	7TTN014	Thực tập tốt nghiệp	4	120		80
Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức						
2	7KTNI06	Khóa luận tốt nghiệp	6	180		120
Học phân thay thế			6			
1	7LKT423	Tư vấn thành lập doanh nghiệp	3	30	15	90
2	7LKT433	Tư vấn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại	3	30	15	90

(*Hướng dẫn: Trình bày các học phần theo các khối kiến thức trong chương trình đào tạo, xác định rõ loại tín chỉ, mỗi tín chỉ lý thuyết gồm 15 giờ giảng; 35 giờ tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá; mỗi tín chỉ thực hành gồm 30 giờ thực hành, thí nghiệm thảo luận và 20 giờ tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá*)

6.3. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT được thể hiện trong Bảng 5

TT	Mã HP	Tên học phần	PLO1				PLO2						PLO3					
			1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4	3.5	
1	7GDC013	Triết học Mác - Lênin	K2				S2					A2			A3			3.5
2	7GDC022	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	K2			K3	S3								A3			
3	7GDC032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	K2			K3	S3								A3			
4	7GDC042	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K2				S2		S3			A3			A3			
5	7GDC052	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	K2				S2		S3			A3			A3			
6	7GDC402	Logic học đại cương	K2				S3									A3		
7	7CSN143	Kinh tế vi mô	K2			K3	S2					A2						
8	7CSN153	Kinh tế vĩ mô	K2			K3	S3					A2						
9	7GDC123	Tin học đại cương	K3			K3		S3	S3									
10	7GDC133	Tiếng Anh 1	K2			K2	S2											
11	7GDC143	Tiếng Anh 2	K2			K2	S2		S2									
12	7GDC153	Tiếng Anh 3	K2			K2	S2		S2									
13	7GDC222	Xã hội học đại cương	K2			K3	S2		S3			A1			A2			
14	7GDC412	Tâm lý học đại cương	K2			K3	S2		S3			A2			A1			
15	7CSN273	Tâm lý kinh doanh	K2			K3	S2		S3			A1						
16	7CSN083	Quản trị học	K2			K3	S2		S3									
17	7GDC168	Giáo dục quốc phòng - an ninh (*)																
18	7GDC174	Giáo dục thể chất (*)																
19	7LKT013	Lý luận Nhà nước và pháp luật	K3	K4						S4						S3		A4
20	7LKT023	Lịch sử Nhà nước và pháp luật	K3	K4			S3											A4
21	7LKT033	Luật So sánh	K3	K4			S3					A4						
22	7LKT403	Tiếng Anh chuyên ngành	K2			K3		S3	S3									A4

23	7LKT043	Luật Hiến pháp Việt Nam	K2	K3, K5												A3			
24	7LKT053	Luật Hành chính	K1	K2			S2									A3			
25	7LKT064	Luật Dân sự	K1	K4, K5			S2												A2
26	7LKT073	Luật Tố tụng dân sự	K2, K3, K4				S2												A4
27	7LKT084	Luật Hình sự		K2, K4, K4			S2									A4			
28	7LKT093	Luật Tố tụng hình sự		K2, K4, K4			S2									A4			
29	7LKT143	Luật Hôn nhân và gia đình		K2, K4			S1, S2									A4			
30	7LKT113	Công pháp quốc tế															S2		A4
31	7LKT123	Kỹ thuật soạn thảo văn bản															S2		A4
32	7LKT133	Kỹ năng đàm phán soạn thảo và ký kết hợp đồng thương mại	K2														S3		A3
33	7LKT102	Kỹ năng tư vấn pháp luật	K2														S2	S2	A4, A4
34	7LKT153	Pháp luật tài chính cá nhân và hộ gia đình	K4	K2			S3									A4			
35	7LKT163	Pháp luật kinh doanh bất động sản	K2														S2, S2,		A2

36	7LKT183	Luật Doanh nghiệp				K4		S3		S4	S2	S3						A4
37	7LKT193	Luật Kinh tế quốc tế	K2	K3, K4, K3				S3, S2				S4, S3						
38	7LKT203	Luật Lao động			K4		S3	S2, S3, S4					A4					
39	7LKT213	Luật Môi trường			K4		S3, S4						A4					
40	7LKT223	Luật Đầu tư				K4	S3	S3, S4, S4										A4
41	7LKT233	Luật Thương mại				K4	S3			S4, S3, S4								A4
42	7LKT244	Luật Đất đai				K4	S2, S3, S3, S4											A4
43	7LKT253	Luật Tài chính				K4	S2, S3, S3, S4											A4
44	7LKT263	Luật Cạnh tranh				K4	S2, S3, S3,											A4

6.4. Kế hoạch dạy học

Học kỳ	Tổng số tín chỉ	STT	Mã HP	Tên HP	Số tín chỉ	Số giờ			Tiên quyết	Học trước	Song hành
						Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm/ Thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá			
1	3	1	7GDC013	Triết học Mác - Lênin	3	30	15	90			
2	2	2	7GDC022	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	20	10	75		Triết học Mac-Lê nin	
1	2	3	7GDC032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20	10	75		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	
3	2	4	7GDC042	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10	70		Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học	
4	2	5	7GDC052	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10	90		Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh	
2	2	6	7GDC402	Logic học đại cương	2	20	10	90		Triết học Mac-Lê nin	

2	2	7	7CSN143	Kinh tế vi mô	3	35	10	90	
2	3	8	7CSN153	Kinh tế vĩ mô	3	35	10	90	
1	3	9	7GDC123	Tin học đại cương	3	15	30	45	
1	3	10	7GDC133	Tiếng Anh 1	3	11	34	90	
2	3	11	7GDC143	Tiếng Anh 2	3	11	34	90	Tiếng Anh 1
3	3	12	7GDC153	Tiếng Anh 3	3	11	34	90	Tiếng Anh 1, 2
2	2	13	7GDC222	Xã hội học đại cương	3	35	10	90	
1	2	14	7GDC412	Tâm lý học đại cương	3	35	10	60	
1	2	15		Tâm lý kinh doanh	3	35	10	60	
1	2	16	7CSN092	Quản trị học	3	35	10	60	Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
	6	17	7GDC168	Giáo dục quốc phòng - an minh (*)	6				
	6	18	7GDC174	Giáo dục thể chất (*)	6				
1	3	19	7LKT013	Lý luận Nhà nước và pháp luật	3	37	8	90	
2	3	20	7LKT023	Lịch sử Nhà nước và pháp luật	3	35	10	90	
4	3	21	7LKT033	Luật So sánh	3	35	10	90	
4	3	22	7LKT403	Tiếng Anh chuyên ngành	3	11	34	90	Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3
1	3	23	7LKT043	Luật Hiến pháp	3	35	10	90	Lí luận Nhà nước và pháp luật; Lịch sử Nhà nước và pháp

3	3	24	7LKT053	Luật Hành chính	3	35	10	90	Lí luận Nhà nước và pháp luật; Luật Hiến pháp	luật.	
4	4	25	7LKT064	Luật Dân sự	3	35	10	90	Lí luận Nhà nước và pháp luật; Luật Hiến pháp	Lí luận Nhà nước và pháp luật; Luật Hiến pháp	
4	3	26	7LKT073	Luật Tố tụng dân sự	3	39	6	90	Luật Dân sự Luật Hôn nhân và gia đình.	Luật Dân sự Luật Hôn nhân và gia đình.	
3	4	27	7LKT084	Luật Hình sự	3	35	10	90			Lí luận Nhà nước và pháp luật;
4	3	28	7LKT093	Luật Tố tụng hình sự	3	40	5	90		Luật Hình sự	
5	2	29	7LKT143	Luật Hôn nhân và gia đình	2	25	5	60		Luật Dân sự	
5	3	30	7LKT113	Công pháp quốc tế	3	37	8	90			
7	3	31	7LKT123	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	3	25	20	90		Luật Hành chính; Luật Dân sự; Luật Thương mại	
7	3	32	7LKT133	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và ký kết hợp đồng thương mại	3	37	8	90		Luật Dân sự, Luật Thương mại,	

7	3	33	7LKT102			3	30	15	90	Luật Doanh nghiệp Kỹ thuật soạn thảo văn bản	Luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật Doanh nghiệp Kỹ thuật soạn thảo văn bản
7	3	34	7LKT153	Kỹ năng tư vấn pháp luật	Pháp luật tài chính cá nhân và hộ gia đình	3	30	15	90		Các môn cơ bản
7	3	35	7LKT163		Pháp luật kinh doanh bất động sản	3	40	5	90	Luật Dân sự; Luật Đất đai	
3	3	36	7LKT183		Luật Doanh nghiệp	3	35	10	90		Lí luận Nhà nước và pháp luật; Luật Dân sự
7	3	37	7LKT193		Luật Kinh tế quốc tế	3	30	15	90		Công pháp quốc tế, Luật doanh nghiệp, Luật Thương mại
3	3	38	7LKT203		Luật Lao động	3	30	15	90	Luật Hiến pháp	
4	3	39	7LKT213		Luật Môi trường	3	35	10	90		
6	3	40	7LKT223		Luật Đầu tư	3	40	5	90		Luật kinh doanh
6	3	41	7LKT233		Luật Thương mại	3	30	15	90		Luật Hiến pháp; Luật Doanh nghiệp
3	4	42	7LKT244		Luật Đất đai	3	35	10	90		Luật Hiến pháp
5	3	43	7LKT253		Luật Tài chính	3	35	10	90		Luật Hiến pháp; Luật Dân sự
6	3	44	7LKT263		Luật Cạnh tranh	3	30	15	90		Luật Hiến pháp;

5	3	45	7LKT273	Luật Ngân hàng	3	26	19	90	Luật Dân sự Các môn kiến thức giáo dục đại cương.
7	3	46	7LKT283	Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại	3	30	15	90	Các môn kiến thức giáo dục đại cương.
6	2	47	7LKT292	Luật Kinh doanh bảo hiểm	2	15	15	60	Các môn kiến thức giáo dục đại cương.
6	2	48	7LKT302	Luật Phá sản doanh nghiệp	2	24	6	60	Các môn kiến thức giáo dục đại cương.
6	2	49	7LKT312	Luật Bảo vệ người tiêu dùng	2	25	5	60	Luật Hiến pháp; Luật Cảnh tranh
6	2	50	7LKT322	Luật Chứng khoán	2	20	10	60	Luật Hiến pháp Luật Cảnh tranh Luật Thương mại
6	2	51	7LKT332	Luật Thuế	2	20	10	60	Luật Tài chính Luật hình sự Luật dân sự
6	2	52	7LKT342	Luật Hải quan	2	25	5	60	Luật Thương mại, Luật quốc tế
6	2	53	7LKT352	Luật Giao dịch điện tử	2	20	10	60	Luật Thương mại, Luật quốc tế
5	2	54	7LKT362	Luật An sinh xã hội	2	25	5	60	Các môn kiến thức cơ sở ngành
6	2	55	7LKT372	Luật Dân sự La Mã	2	25	5	60	Các môn kiến thức cơ sở ngành
5	2	56	7LKT382	Luật Sở hữu trí tuệ	2	20	10	60	Các môn kiến thức cơ sở ngành
8	4	57	7TTN014	Thực tập tốt nghiệp	4	120		80	Các môn theo chương trình đào

8	6	58	7KTN106	Khoá luận tốt nghiệp	6	180			120		Các môn theo chương trình đào tạo. Thực tập tốt nghiệp
8	3	59	7LKT423	<i>Tư vấn thành lập doanh nghiệp</i>	3	30	15	90		Các môn theo chương trình đào tạo. Thực tập tốt nghiệp	
8	3	60	7LKT433	<i>Tư vấn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại</i>	3	30	15	90		Các môn theo chương trình đào tạo. Thực tập tốt nghiệp	

6.5. Chiến lược giảng dạy – học tập

Hướng dẫn: Khái quát các chiến lược giảng dạy và học tập chủ yếu của CTĐT (yêu cầu bám sát vào đề cương chi tiết học phần).

Các phương pháp dạy và học nói trên giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra, thể hiện trong Bảng 6

Bảng 6. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra CTĐT và phương pháp dạy-học

Chiến lược và phương pháp dạy học	PLO1				PLO2						PLO3				
	1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4	3.5
Thuyết giảng	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x		
Bài tập tình huống	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x
Tranh luận	x	x	x	x	x			x	x	x		x	x	x	
Thảo luận	x	x	x	x	x			x	x	x		x	x	x	x
Học nhóm	x	x	x	x	x			x	x			x	x	x	
Câu hỏi gợi mở	x	x	x	x	x		x	x	x			x	x		x
Bài tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x		x

(*Hướng dẫn:* Đánh dấu × vào các mục tương ứng)

6.6. Chiến lược và phương pháp đánh giá

- *Thuyết giảng:* giáo viên giảng bài và học viên lắng nghe. Phương pháp này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và đặc biệt hiệu quả khi giảng viên muốn truyền đạt cho học viên những kiến thức cơ bản hoặc giải thích một kỹ năng mới.

- *Bài tập tình huống:* phương pháp này thúc đẩy tư duy học tập sáng tạo, độc lập, bao gồm: giải quyết vấn đề, động não và nghiên cứu, vận dụng lý thuyết đã học vào giải quyết các trường hợp, tình huống cụ thể.

- *Tranh luận:* Phương pháp này khuyến khích học viên học tập thông qua các hoạt động khám phá, đưa ra quyết định, giải quyết vấn đề và tự mình tương tác với người khác.

- *Thảo luận:* giúp học viên trở nên năng động, có trách nhiệm, tương tác tích cực và hợp tác trong nhóm

- *Học nhóm:* Học viên có thể thực hành các kỹ năng lắng nghe, tôn trọng và xem xét các mặt của một vấn đề, tương tác với nhau và sau đó áp dụng các kỹ năng này vào thực tế.

- *Câu hỏi gợi mở:* thúc đẩy tư duy học tập sáng tạo, độc lập, vận dụng lý thuyết đã học vào giải quyết các trường hợp, tình huống cụ thể, tương tác tích cực và hợp tác với giáo viên và các thành viên trong lớp.

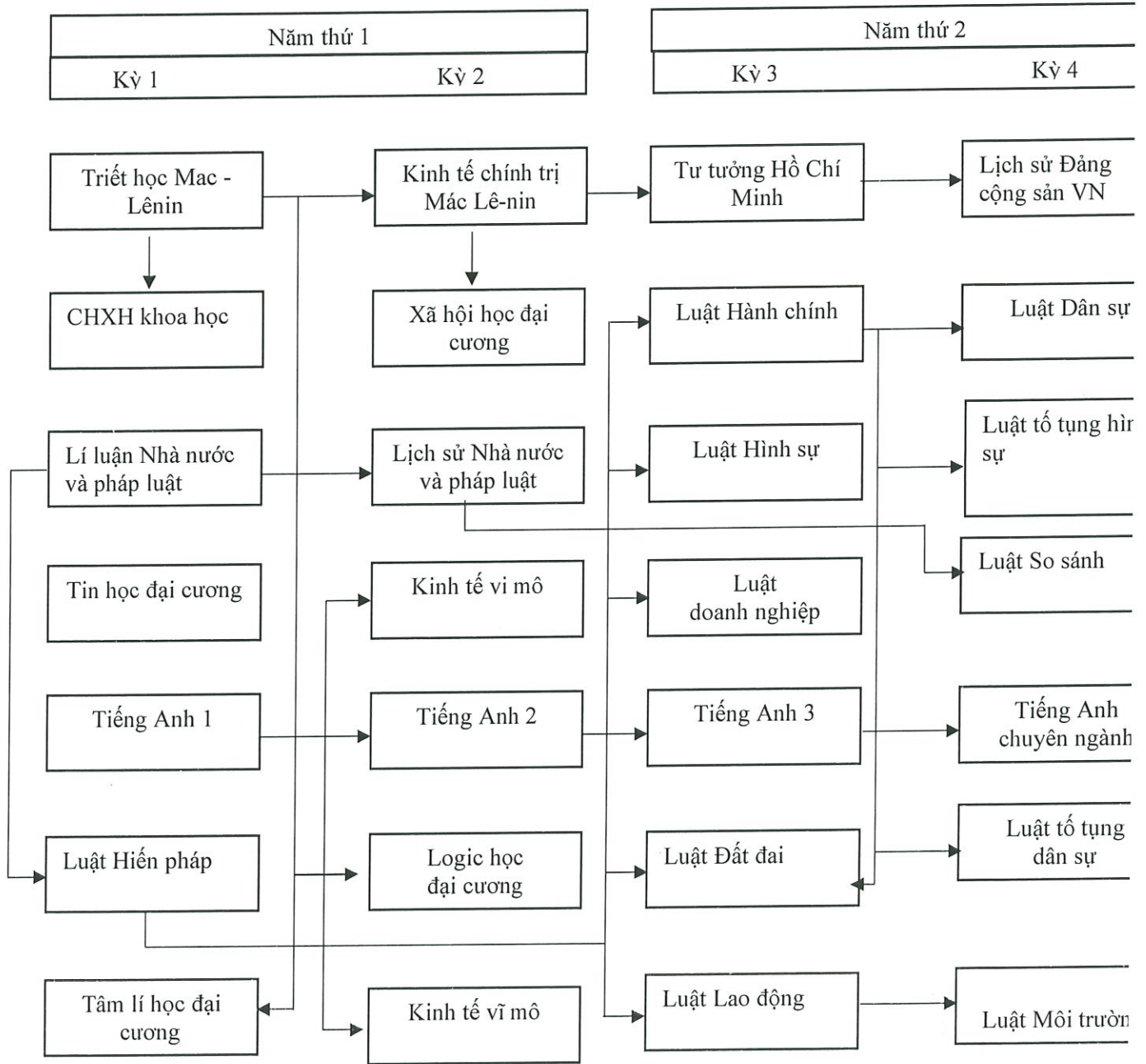
- *Bài tập:* giúp người học làm việc có hệ thống, củng cố kiến thức lý thuyết, vận dụng kiến thức vào giải quyết tình huống mô phỏng thực tế, rèn luyện tư duy sáng tạo, tạo động lực phát triển chuyên môn.

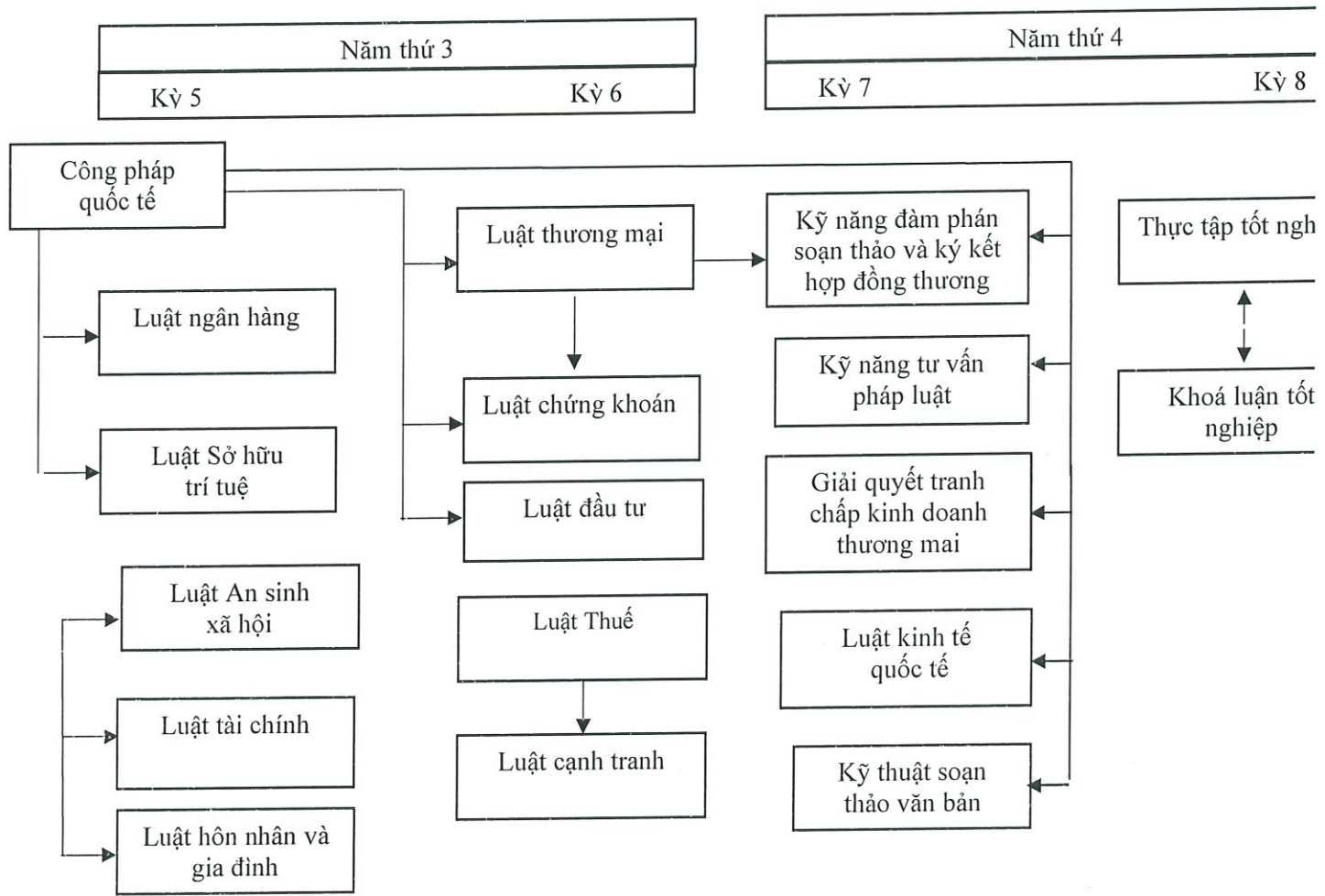
Bảng 7. Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra CTĐT

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo														
	1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	2.6	3.1	3.2	3.3	3.4	3.5
Hoạt động nhóm	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
Trắc nghiệm khách quan	x	x	x	x	x	x		x			x		x		x
Vấn đáp	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x		x
Bài tập tình huống	x	x	x	x	x		x	x		x	x	x	x		x
Tiểu luận	x	x	x	x	x			x		x	x		x		x
Thuyết trình cá nhân	x	x	x	x	x	x		x		x	x	x	x		x
Thuyết trình nhóm	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
Thi tự luận	x	x	x	x	x		x	x		x	x		x		x
Thi trắc nghiệm	x	x	x	x	x	x	x	x			x		x		x
Báo cáo thực tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Khóa luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

{Trình bày rubrics đánh giá cơ bản của chương trình, ví dụ rubrics đánh giá khóa luận (do bộ môn quản lý chương trình xây dựng)}...

6.7. Sơ đồ tiến trình đào tạo





7. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

7.1. Triết học Mác-Lênin

Mã học phần: 7GDC013

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần Triết học Mác-Lênin cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng của Triết học giúp chúng ta nhận biết được thế giới quan và phương pháp luận khoa học của Chủ nghĩa Mác-Lênin. Thông qua môn học, người học biết được lịch sử hình thành, phát triển của triết học Mac – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin đối với đời sống xã hội. Cùng tìm hiểu và tư duy về các nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng như mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật và vấn đề nhận thức. Cùng tìm hiểu về các vấn đề của chủ nghĩa duy vật lịch sử như: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội cho đến triết học về con người.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Sinh viên hiểu được những quan điểm cơ bản của triết học Mác - Lênin về đặc điểm và vai trò của triết học đối với nhận thức và hoạt động thực tiễn, về vật chất và ý thức, các nguyên lý, quy luật, phạm trù, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện

chúng; về học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.

- Phân tích được các vấn đề triết học theo quan điểm của triết học Mác - Lênin.
- Áp dụng được quan điểm của triết học Mác - Lênin để giải quyết các vấn đề thuộc các lĩnh vực chuyên môn.
- Chủ động trong việc lựa chọn các quan điểm về các vấn đề của khoa học theo lập trường của triết học Mác - Lênin.
- Có thái độ phê phán những quan điểm trái ngược với triết học Mác - Lênin về các vấn đề triết học.

7.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Mã học phần: 7GDC022

Số tín chỉ: 2

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Nội dung môn học gồm 6 chương: Chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Kinh tế chính trị Mác - Lênin như đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; từ chương 2 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản về: Hàng hóa thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Biết được các kiến thức cơ bản về hàng hóa thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Hiểu được những kiến thức về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường
- Phân tích được các vấn đề về kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam
- Vận dụng tư duy trừu tượng hóa, biện chứng, logic - lịch sử trong nghiên cứu kinh tế chính trị Mác - Lênin
- Bảo vệ được các quan điểm của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.

7.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mã học phần: 7GDC032

Số tín chỉ: 2

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho người học kiến thức kiến thức cơ bản, hệ thống của chủ nghĩa xã hội khoa học qua việc tìm hiểu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu của môn chủ nghĩa xã hội khoa học. Cụ thể môn học cung cấp nội dung kiến thức như sau: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Biết những tri thức cơ bản nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Hiểu những lý luận cốt lõi về Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học cho sinh viên trong việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội (CNXH) và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

- Có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.

7.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã học phần: 7GDC042

Số tín chỉ: 2

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc chung. Sau khi học xong môn học này, người học sẽ có ý thức trong việc vận dụng những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh vào hoạt động thực tiễn.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Hiểu được những nội dung chủ yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội, xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước Việt Nam, về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức, con người.

- Phân tích được những nội dung chủ yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Áp dụng được những nội dung chủ yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết các vấn đề thuộc các lĩnh vực chuyên môn.

- Chủ động trong việc lựa chọn các quan điểm về các vấn đề của khoa học theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Có thái độ phê phán những quan điểm sai trái với tư tưởng Hồ Chí Minh.

7.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã học phần: 7GDC052

Số tín chỉ: 2

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam được kết cấu với 3 nội dung chính về lịch sử cách mạng Việt Nam từ khi Đảng lãnh đạo. Nội dung thứ nhất trình bày về lịch sử Việt Nam từ 1930 đến 1945. Nội dung thứ hai trình bày về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn 1945 đến 1975. Nội dung thứ ba trình bày về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ 1975 đến hiện nay.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Hiểu được những kiến thức cơ bản về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giai đoạn từ 1930 đến 1945, giai đoạn từ 1945 đến 1975, giai đoạn từ 1975 đến nay.

- Phân tích được các vấn đề về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Áp dụng được những kiến thức cơ bản về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vào việc giải quyết các nhiệm vụ chuyên môn

- Chủ động trong việc lựa chọn các quan điểm về các vấn đề của khoa học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Có thái độ phê phán những quan điểm sai trái về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

7.6. Logic học đại cương

Mã học phần: 7GDC402

Số tín chỉ: 2

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần Logic học đại cương trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Mệnh đề, các phép toán logic; hàm 2 mệnh đề; khái niệm và quan hệ giữa các khái niệm; các công thức, quy tắc suy luận; các phép suy luận, suy diễn; phương pháp chứng minh, bác bỏ và giả thuyết.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Hiểu được về các hình thức của khái niệm, phán đoán và suy luận, các quy luật của tư duy, các quy tắc chứng minh và bác bỏ.

- Phân tích được các hình thức của tư duy logic.

- Vận dụng được các hình thức của tư duy logic để giải quyết các vấn đề thuộc các lĩnh vực chuyên môn.

7.7. Kinh tế vi mô

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần nhằm trang bị những kiến thức cơ bản để nghiên cứu hành vi của các cá nhân, các doanh nghiệp và chính phủ trong điều kiện tài nguyên là khan hiếm. Từ đó giúp lý giải và lượng hóa mối quan hệ giữa các biến số kinh tế, đồng thời giúp xây dựng cách thức ra quyết định sản xuất và tiêu dùng một cách tối ưu nhất cho các chủ thể trong nền kinh tế.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Hiểu những kiến thức cơ bản về kinh tế học vi mô và hành vi và cách thức ra quyết định của các chủ thể trong nền kinh tế, làm nền tảng cho việc xây dựng kiến thức cơ bản về kinh doanh; Hiểu những kiến thức cơ bản về cung cầu, cân bằng thị trường, hành vi người sản xuất, hành vi người tiêu dùng, những thất bại của thị trường, thị trường các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất, góp phần xây dựng nền tảng kiến thức cơ bản và phương pháp luận về kinh doanh;

- Hiểu những kiến thức cơ bản về các chính sách thuế, trợ cấp đối với phía sản xuất và tiêu dùng, tạo cơ sở cho việc vận hành doanh nghiệp trong xu hướng kinh doanh toàn cầu;

- Vận dụng lý thuyết để lý giải các hiện tượng xã hội trong thực tiễn như cung, cầu, cân bằng thị trường, trần giá, sàn giá... giúp ích cho hoạt động kinh doanh thực tiễn của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh trong nước cũng như quốc tế.

- Làm việc nghiêm túc, tư duy linh hoạt, sáng tạo, tích cực vận dụng khoa học kinh tế trong tiêu dùng cũng như trong sản xuất kinh doanh. Kiên nhẫn trong học tập, có trách nhiệm với việc học tập.

7.8. Kinh tế vĩ mô

Mã học phần: 7CSN153

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên các nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô và cách áp dụng chúng trong thực tế. Để làm được điều này, trước hết học phần giúp cho sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản trong kinh tế vĩ mô (sản lượng, thất nghiệp, lạm phát, tỷ giá), sau đó là các mô hình kinh tế vĩ mô nền tảng nhằm giúp sinh viên có thể áp dụng, phân tích các cú sốc vĩ mô trong nền kinh tế và các chính sách đối phó của chính phủ trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Nhớ và hiểu các vấn đề cơ bản kinh tế vĩ mô như cách tính toán GDP, CPI, thất nghiệp; các yếu tố quyết định sản lượng, thất nghiệp, giá cả, lãi suất, tỷ giá hối đoái của một nền kinh tế;

- Hiểu và vận dụng được các mô hình kinh tế vĩ mô để giải thích các vấn đề đang diễn ra trong nền kinh tế;

- Hiểu và phân tích được chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ được áp dụng trong nền kinh tế

- Làm việc nghiêm túc, tư duy linh hoạt, sáng tạo, tích cực chủ động tìm hiểu các vấn đề của nền kinh tế. Kiên nhẫn trong học tập, có trách nhiệm với việc học tập.

7.9. Tin học đại cương

Mã học phần: 7GDC123

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Môn học gồm 2 phần:

- Phần 1: Các khái niệm cơ sở về thông tin, phần cứng và phần mềm máy tính, các ứng dụng và đạo đức nghề nghiệp.

- Phần 2: Kiến thức kỹ năng sử dụng: hệ điều hành, MS office (hoặc Open office) và khai thác một số dịch vụ trên Internet.

Hiểu được các kiến thức cơ bản về thông tin: khái niệm thông tin, dữ liệu, đơn vị đo thông tin, phân loại thông tin, khái niệm xử lý thông tin.

- Nắm được các kiến thức về phần cứng, phần mềm máy tính; Các kiến thức hệ điều hành, một số phần mềm thông dụng như phần mềm hỗ trợ công tác văn phòng và khai thác Internet.

- Biết sử dụng hệ điều hành và cài đặt một số phần mềm tiện ích, phần mềm văn phòng thông dụng, biết cách gửi e-mail, biết cách giải quyết một số sự cố thông thường về phần mềm khi gặp phải.

- Sử dụng thành thạo các phần mềm của Microsoft Office, cụ thể để: soạn thảo văn bản trong Word; tính toán trong bảng tính Excel; biên soạn và trình chiếu các thuyết trình trong PowerPoint

- Biết khai thác các dịch vụ cơ bản trên Internet: tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử. Có ý thức ứng dụng CNTT nâng cao chất lượng sống và làm việc hàng ngày, có phong cách làm việc trong xã hội hiện đại, tin học hóa ngày một cao.

7.10. Tiếng Anh 1

Mã học phần: 7GDC133

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Môn Tiếng Anh cơ sở 1 cung cấp kiến thức về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp và các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh cơ bản tương đương trình độ A1 theo Khung tham chiếu châu Âu tức Bậc 1 theo Khung năng lực Việt Nam.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Nắm được những kiến thức cơ bản về hệ thống chữ cái, hệ thống nguyên âm, phụ âm, kí hiệu phiên âm quốc tế, trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu trong câu trần thuật, và trong câu hỏi Có – Không.

- Có được vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề gần gũi quen thuộc như: bản thân, gia đình, bạn bè, nghề nghiệp, nơi ở, đất nước, quốc tịch, các hoạt động thường ngày, hoạt động giải trí, v.v.

- Nhận diện, nắm bắt và vận dụng được các vấn đề ngữ pháp cơ bản như: cách sử dụng mạo từ (a/an), động từ tobe ở thì hiện tại đơn, đại từ chỉ định this, that, động từ khuyết thiếu can/ can't, động từ have/has, like + ving, thì hiện tại đơn, there is/are, tobe ở thì quá khứ đơn, quá khứ đơn, các loại từ, danh từ số ít, số nhiều, sở hữu cách và một số cấu trúc câu thông dụng, v.v.

- Có khả năng nghe hiểu, đọc hiểu, viết và trả lời lại được các tình huống cơ bản trong đời sống hằng ngày như chỉ đường, hỏi đường, trả lời điện thoại, email, ...

7.11. Tiếng Anh 2

Mã học phần: 7GDC143

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Môn Tiếng Anh cơ sở 2 trang bị cho sinh viên kiến thức và kĩ năng sử dụng tiếng Anh cao hơn ở Bậc 1, làm nền tảng để tiếp tục nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh nhằm tiến tới đạt được trình độ tương đương A2 theo Khung tham chiếu châu Âu (CEFR), tức Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 24 tháng 1 năm 2014 (Khung năng lực) về cả 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Có khả năng hiểu và sử dụng được những câu và những cụm từ được sử dụng thường xuyên liên quan tới nhu cầu thiết yếu hàng ngày (ví dụ như những thông tin rất cơ bản về cá nhân và gia đình, nơi cư trú, học hành, công việc, v.v.)

- Nghe hiểu được những cuộc trò chuyện ngắn, đơn giản về những chủ đề quen thuộc.

- Thực hiện được những nhiệm vụ giao tiếp đơn giản hàng ngày, trao đổi những thông tin trực tiếp về những vấn đề quen thuộc thông thường ở dạng nói và dạng viết; có thể sử dụng những từ ngữ đơn giản, dễ hiểu để mô tả về cuộc sống cá nhân, môi trường sống và làm việc thân thuộc cũng như có thể trao đổi về nhu cầu thiết yếu của cá nhân; có thể đưa ra các yêu cầu hay các chỉ dẫn ngắn gọn.

- Đọc hiểu được đại ý và một số chi tiết nhất định trong các văn bản ngắn, đơn giản, dễ hiểu sử dụng hàng ngày như tiêu đề báo đơn giản, các đoạn mô tả người hay sự kiện quen thuộc, thực đơn, bảng giá tiền; hiểu được các thư từ trao đổi cá nhân hay

các thư từ giao dịch dạng cơ bản thường gặp (ví dụ như thư hỏi và cung cấp thông tin); hiểu được một số biển báo ở nơi công cộng hay nơi học tập và làm việc.

7.12. Tiếng Anh 3

Mã học phần: 7GDC153

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Môn Tiếng Anh cơ sở 3 trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng tiếng Anh tương đương trình độ B1 theo Khung tham chiếu châu Âu (CEFR), tức Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 24 tháng 1 năm 2014 (Khung năng lực) về cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Có khả năng hiểu và sử dụng được những câu và những cụm từ được sử dụng thường xuyên liên quan tới nhu cầu thiết yếu hàng ngày (ví dụ như những thông tin rất cơ bản về cá nhân và gia đình, nơi cư trú, học hành, công việc, v.v.)

- Nghe hiểu được những cuộc trò chuyện ngắn, đơn giản về những chủ điểm quen thuộc.

- Thực hiện được những nhiệm vụ giao tiếp đơn giản hàng ngày, trao đổi những thông tin trực tiếp về những vấn đề quen thuộc thông thường ở dạng nói và dạng viết; có thể sử dụng những từ ngữ đơn giản, dễ hiểu để mô tả về cuộc sống cá nhân, môi trường sống và làm việc thân thuộc cũng như có thể trao đổi về nhu cầu thiết yếu của cá nhân; có thể đưa ra các yêu cầu hay các chỉ dẫn ngắn gọn.

- Đọc hiểu được đại ý và một số chi tiết nhất định trong các văn bản ngắn, đơn giản, dễ hiểu sử dụng hàng ngày như tiêu đề báo đơn giản, các đoạn mô tả người hay sự kiện quen thuộc, thực đơn, bảng giá tiền; hiểu được các thư từ trao đổi cá nhân hay các thư từ giao dịch dạng cơ bản thường gặp (ví dụ như thư hỏi và cung cấp thông tin); hiểu được một số biển báo ở nơi công cộng hay nơi học tập và làm việc

7.13. Xã hội học đại cương

Mã học phần: 7GDC222

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học như: đối tượng, chức năng, quá trình hình thành và phát triển của xã hội học, các khái niệm, các nguyên lý cơ bản xã hội học, các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học, một số lý thuyết và phương pháp xã hội học. Trên cơ sở của các khái niệm cơ bản, sinh viên có thể hiểu được mối quan hệ giữa các cá nhân, cộng đồng và xã hội. Các mối quan hệ xã hội thể hiện ở các cấp độ xã hội khác nhau. Xã hội như một tổng thể có cấu trúc xác định và có thể phân tích theo các tiếp cận cấu trúc, chức năng hay hành động xã hội. Sinh viên có thể hiểu được một cách khái quát về vị trí vai trò của các cá nhân, các nhóm xã hội, các thiết chế, các tổ chức xã hội, các tầng lớp và các giai cấp xã hội trong một xã hội tổng thể. Trên cơ sở những tri thức đó, giáo dục cho sinh viên đạo đức nghề nghiệp xã hội học trong công cuộc xây dựng đất nước ta hiện nay

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Diễn giải, trình bày được một cách sơ lược về sự ra đời và vai trò của của môn

xã hội học, đối tượng và một số phương pháp nghiên cứu cơ bản trong xã hội học.

- Trình bày được các phạm trù và khái niệm cơ bản của xã hội học.
- Trình bày được tầm quan trọng của một số thiết chế xã hội cơ bản.
- Áp dụng các kiến thức xã hội học đã học giải thích các vấn đề xã hội.
- Triển khai một số kĩ năng thu thập xử lí thông tin trong phần phương pháp nghiên cứu xã hội học.

- Vận dụng thành thạo các mô hình sự kiện xã hội, hành động xã hội, tương tác xã hội, mối quan hệ giữa cơ cấu xã hội và chức năng xã hội vào nghiên cứu các vấn đề xã hội.

- Tích cực nghe giảng trên lớp, thảo luận, tham gia đầy đủ các hoạt động ngoại khóa.

- Suy nghĩ độc lập, chủ động có ý kiến hỏi đáp, xem xét, dẫn chứng, lý giải, minh họa... trong thảo luận, nghiên cứu.

7.14. Tâm lý học đại cương

Mã học phần: 7GDC412

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Tâm lý học đại cương cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản của tâm lý học như: tâm lý, tâm lý học, hoạt động, giao tiếp, nhân cách; các phương pháp nghiên cứu cơ bản của tâm lý học như: quan sát, điều tra, trắc nghiệm, thực nghiệm, phỏng vấn...; quá trình hình thành và phát triển tâm lý người; các đặc điểm, qui luật và cơ chế tâm lý của các quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lý con người; phân tích và chứng minh vai trò của các yếu tố cơ bản trong sự hình thành và phát triển nhân cách; dự báo các xu hướng, tiềm năng và tiền đề phát triển của khoa học tâm lý trong thế kỉ XXI.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày được các khái niệm cơ bản khái niệm về lịch sử hình thành và phát triển của tâm lý học, đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học, bản chất, chức năng và phân loại các hiện tượng tâm lý, nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý, các thuộc tính tâm lý cơ bản...

Liên kết được các kiến thức nền tảng, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành với kiến thức chuyên ngành về tâm lý học, ứng dụng được các kiến thức tâm lý học vào thực tế cuộc sống và nghề nghiệp.

Áp dụng được các kỹ năng của Tâm lý học để nhận diện tâm lý, đánh giá tâm lý, làm các trắc nghiệm tâm lý, kỹ năng phân tích quan hệ xã hội, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ra quyết định...

Áp dụng được các phương pháp luận khoa học và các phương pháp trong tâm lý học vào học tập, nghiên cứu và thực hành trong cuộc sống và các lĩnh vực trong cuộc sống

Thể hiện được thế giới quan khoa học, có lối sống lành mạnh, trung thực, có ý thức phục vụ tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Thực hiện đúng và tự xây dựng được các quy tắc đạo đức trong cuộc sống, trong nghề nghiệp và trong nghiên cứu khoa học. Tự xây dựng cho mình một lối sống lành mạnh cả về thể chất và tinh thần.

7.15. Tâm lý kinh doanh

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: tự chọn

a) Mô tả học phần:

Môn học Tâm lý kinh doanh là một lĩnh vực liên ngành kết hợp giữa tâm lý học và quản trị kinh doanh, tập trung vào việc nghiên cứu và ứng dụng các nguyên lý tâm lý học vào hoạt động kinh doanh. Môn học này giúp sinh viên hiểu rõ các yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng, động lực làm việc của nhân viên, và các quá trình ra quyết định trong môi trường kinh doanh. Sinh viên sẽ học cách phân tích hành vi tiêu dùng, phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản lý động lực, cũng như nắm vững các chiến lược giao tiếp và đàm phán. Ngoài ra, môn học còn tập trung vào việc ứng dụng tâm lý học vào marketing để tạo ra các chiến lược tiếp thị hiệu quả và trải nghiệm khách hàng tốt hơn. Với kiến thức từ môn học này, sinh viên sẽ được trang bị các kỹ năng cần thiết để nâng cao hiệu suất làm việc, quản lý sự thay đổi, và phát triển các chiến lược kinh doanh bền vững trong môi trường cạnh tranh toàn cầu.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Hiểu biết về các khái niệm cơ bản của tâm lý học kinh doanh: Sinh viên sẽ nắm vững các khái niệm, lý thuyết và mô hình cơ bản trong tâm lý học kinh doanh. Hiểu rõ vai trò và tầm quan trọng của tâm lý học trong các hoạt động kinh doanh và quản lý;

- Phát triển kỹ năng phân tích hành vi tiêu dùng và ra quyết định: Sinh viên sẽ học cách phân tích và hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng. Áp dụng các lý thuyết tâm lý học để dự đoán và giải thích các quyết định mua sắm của người tiêu dùng;

- Nâng cao kỹ năng lãnh đạo và quản lý động lực: Sinh viên sẽ học cách áp dụng các lý thuyết động lực để thúc đẩy hiệu quả làm việc của nhân viên. Phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản lý, bao gồm giao tiếp, giải quyết xung đột và quản lý sự thay đổi trong tổ chức, công ty.

- Ứng dụng tâm lý học vào chiến lược marketing và giao tiếp kinh doanh: Sinh viên sẽ nắm vững cách sử dụng các nguyên lý tâm lý học để xây dựng và triển khai các chiến lược marketing hiệu quả. Phát triển kỹ năng giao tiếp và đàm phán trong môi trường kinh doanh, sử dụng hiểu biết tâm lý để tạo dựng và duy trì mối quan hệ khách hàng.

7.16. Quản trị học

Mã học phần: 7CSN092

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: tự chọn

a) Mô tả học phần:

Môn Quản trị học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị/ nhà quản trị/ các chức năng cơ bản của quản trị giúp các nhà lãnh đạo trong tổ chức thực hiện tốt các chức năng như: hoạch định, công việc của tổ chức, hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.

Quản trị học không chỉ cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp hay một tổ chức bất kỳ mà còn trang bị các kiến thức cơ sở làm nền tảng cho các môn học khác. Trong khóa học này người học sẽ nhận biết được mục tiêu của quản trị, nhà quản trị, các vấn đề cơ bản như cấp bậc nhà quản trị, vai trò và chức

năng và các kỹ năng quản trị. Song song đó, người học sẽ giải thích được một số khái niệm quản trị như hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra và ứng dụng các chức năng này vào công việc và cuộc sống.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Kiến thức cơ bản và toàn diện về quản trị, nhà quản trị, văn hóa tổ chức và môi trường quản trị, sự phát triển của các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị (chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo và chức năng kiểm tra) và một số vấn đề trong quản trị học hiện đại.

- Khả năng vận dụng kỹ năng giao tiếp, thảo luận, phối hợp làm việc nhóm, tìm tòi và sáng tạo để thu thập thông tin và ra quyết định quản trị, hoạch định, thiết kế cơ cấu tổ chức, lãnh đạo và kỹ thuật kiểm tra.

- Tạo lập ý thức trách nhiệm đối với công việc, tác phong công nghiệp, chịu được áp lực công việc, giải quyết được các vấn đề phát sinh, tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu.

7.17. Giáo dục quốc phòng-an ninh (*)

Mã học phần: 7GDC168

Số tín chỉ: 6 (học phần không tích lũy TC)

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh giữ vai trò chủ chốt trong việc giáo dục ý thức, trách nhiệm của công dân đối với việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, góp phần giáo dục cho sinh viên lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, bồi dưỡng niềm tự hào tự tôn dân tộc.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

Cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác góp phần hình thành ở sinh viên các phẩm chất, năng lực chung được quy định trong chương trình tổng thể, thông qua nội dung môn học hình thành năng lực nhận thức các vấn đề về quốc phòng, an ninh và vận dụng các kiến thức đã học vào cuộc sống.

7.18. Giáo dục thể chất (*)

Mã học phần: 7GDC174

Số tín chỉ: 6 (học phần không tích lũy TC)

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Cung cấp cho người học các kỹ thuật, kỹ năng cơ bản của môn học và phát triển các tố chất vận động. Giáo dục đạo đức cách mạng xã hội chủ nghĩa và tư tưởng Hồ Chí Minh; rèn luyện tinh thần tập thể, ý thức tổ chức kỷ luật, xây dựng niềm tin, lối sống tích cực lành mạnh, tinh thần tự giác học tập, rèn luyện thân thể, chuẩn bị sẵn sàng phục vụ sản xuất và bảo vệ Tổ quốc.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

Cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác góp phần giúp người học nhận thức tầm quan trọng của việc rèn luyện thân thể và phát triển thể chất cho bản thân; nâng cao năng lực nghề nghiệp, tích cực, chủ động tham gia các hoạt động thể dục thể thao của nhà trường và xã hội.

7.19. Lý luận Nhà nước và pháp luật

Mã học phần: 7LKT013

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Môn học Lý luận Nhà nước và pháp luật là một môn học bắt buộc chung trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật. Lý luận Nhà nước và pháp luật là khoa học pháp lý cơ bản có tính chất phương pháp luận nhằm trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về Nhà nước, pháp luật để có thể tiếp cận với các môn khoa học khác cũng như tiếp cận các vấn đề, hiện tượng pháp lý – xã hội nói chung.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Phân tích, đánh giá được các vấn đề pháp luật, xã hội, pháp lý, quy luật phát sinh, tồn tại và phát triển đặc thù của Nhà nước và pháp luật.

- Vận dụng được các quy luật chung, các khái niệm cơ bản về nhà nước và pháp luật vào đời sống thực tiễn, như: những quy luật phát sinh, tồn tại và phát triển đặc thù của Nhà nước và pháp luật, về những mối liên hệ cơ bản, những nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức quyền lực Nhà nước, xây dựng và thực hiện pháp luật.

- Sử dụng được các kiến thức đã học để phát hiện vấn đề, xây dựng được phương pháp tư duy và lập luận logic, đúng đắn, khoa học về Nhà nước và pháp luật.

- Kết hợp được các kiến thức đã học và kỹ năng bản thân để tư vấn, hướng dẫn người khác tuân thủ các qui định của pháp luật.

- Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần làm việc hợp tác, phối hợp với người khác và trong tập thể.

7.20. Lịch sử Nhà nước và pháp luật

Mã học phần: 7LKT023

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Môn học lịch sử Nhà nước và pháp luật gồm 2 phần:

Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam: nghiên cứu những nội dung cơ bản về quá trình hình thành, vận động và phát triển của nhà nước và pháp luật Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Trang bị cho người học một cách toàn diện về quá trình hình thành, xây dựng và phát triển của nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam nhằm góp phần hoạch định đường lối, chính sách trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay.

Lịch sử Nhà nước và pháp luật thế giới: nghiên cứu về quá trình phát sinh, phát triển và thay thế các kiểu hình thức nhà nước và pháp luật trong từng thời kì lịch sử, diễn ra tại các khu vực điển hình trên thế giới.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Phân tích được các vấn đề liên quan đến quá trình hình thành, vận động và phát triển của nhà nước và pháp luật Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.

- So sánh được lịch sử phát triển nhà nước và pháp luật của thế giới và Việt Nam qua các thời kỳ.

- Sử dụng được các kiến thức đã học để phát hiện vấn đề, luận giải các vấn đề cụ thể của các khoa học pháp lý chuyên ngành

- Vận dụng được những tri thức và phương pháp của môn học để nghiên cứu, học tập các môn học khác thuộc chương trình đào tạo.

- Hình thành thái độ nghiêm túc, trung thực và niềm say mê trong việc nghiên cứu hệ thống pháp luật thế giới.

7.21. Luật So sánh

Mã học phần: 7LKT033

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần giúp sinh viên nhận thức và lĩnh hội kiến thức của những nội dung chính sau đây: khái quát và vai trò của luật so sánh, một số vấn đề liên quan đến hoạt động nghiên cứu pháp luật nước ngoài, các hệ thống pháp luật chủ yếu trên thế giới.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Xây dựng được cơ sở phương pháp luận để nghiên cứu những quy luật xâm nhập pháp luật nước ngoài vào pháp luật quốc gia và tiếp thu giá trị pháp lý, những quy tắc pháp luật giữa các hệ thống pháp luật thế giới

- Nhận dạng được hệ thống pháp luật khác nhau được áp dụng tại các quốc gia trên thế giới và trong nước, sự hình thành và phát triển của các dòng họ pháp luật trên thế giới; hệ thống toà án và thẩm quyền giải quyết các vụ việc của toà án, việc đào tạo luật và nghề luật ở một số nước trên thế giới.

- Phát hiện được vấn đề, đánh giá được những hiện tượng pháp lý của các hệ thống pháp luật khác nhau trên thế giới để giải quyết các vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài.

- Sử dụng được các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn có liên quan

- Nâng cao trình độ nhận thức về hệ thống pháp luật của các nước trên thế giới, có khả năng thích ứng với các môi trường làm việc trong nước và quốc tế.

7.22. Tiếng Anh chuyên ngành

Mã học phần:

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần tiếng Anh chuyên ngành là chương trình tiếp nối môn tiếng Anh cơ sở 1, 2 và 3 được xây dựng cho sinh viên đại học hệ chính quy ngành Luật kinh tế. Học phần bao gồm các bài học về các lĩnh vực pháp lý khác nhau bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật sở hữu trí tuệ, Luật cạnh tranh, Luật thương mại và Luật lao động. Mỗi bài học cung cấp cho sinh viên những thuật ngữ pháp lý chuyên sâu về các lĩnh vực nêu trên, tăng cường các kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, nói và viết ở trình độ nâng cao.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Có khả năng hiểu và sử dụng được từ vựng đa dạng và chuyên sâu và kiến thức căn bản về các lĩnh vực pháp luật khác nhau như Luật doanh nghiệp, Luật sở hữu trí tuệ, Luật cạnh tranh, Luật thương mại và Luật lao động.

- Nghe và nhận biết và hiểu được những từ vựng chuyên ngành được nhắc đến trong đoạn hội thoại hay bài nói chuyện, phát biểu, bài giảng... Nghe hiểu được nội dung chính trong những đoạn hội thoại, bài nói chuyện, phát biểu hay bài giảng sâu về chuyên ngành.

- Thực hiện được những nhiệm vụ giao tiếp, trao đổi những thông tin trực tiếp về

những vấn đề ở dạng nói và dạng viết; sử dụng thành thạo từ vựng chuyên ngành để thảo luận, đóng vai, phỏng vấn...;Thuyết trình chuyên sâu về các chủ đề pháp luật. Làm việc hiệu quả với các dạng bài viết trong môi trường làm việc liên quan đến lĩnh vực luật.

- Thông thạo các kỹ năng đọc hiểu (đọc nhanh để tìm ý chính và đọc kỹ để tìm thông tin chi tiết). Đọc và hiểu các văn bản liên quan đến các lĩnh vực pháp luật khác nhau ở mức độ nâng cao như là: bằng độc quyền sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa, tóm tắt vụ án, thư đề xuất, điều lệ công ty, hợp đồng mua bán hàng hóa...

7.23. Luật Hiến pháp

Mã học phần: 7LKT043

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Môn học cung cấp những kiến thức về khoa học luật hiến pháp, ngành luật hiến pháp, chế định về chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, an ninh quốc phòng ..., những vấn đề cơ bản trong tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam trong lịch sử lập hiến Việt Nam và pháp luật hiện hành, tạo nền tảng kiến thức chung cho sinh viên trong nghiên cứu các khoa học pháp lý tiếp theo.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Xây dựng được cơ sở phương pháp luận để nghiên cứu những quy luật xâm nhập pháp luật nước ngoài vào pháp luật quốc gia và tiếp thu giá trị pháp lý, những quy tắc pháp luật giữa các hệ thống pháp luật thế giới

- Nhận dạng được hệ thống pháp luật khác nhau được áp dụng tại các quốc gia trên thế giới và trong nước, sự hình thành và phát triển của các dòng họ pháp luật trên thế giới; hệ thống toà án và thẩm quyền giải quyết các vụ việc của toà án, việc đào tạo luật và nghề luật ở một số nước trên thế giới

- Phát hiện được vấn đề, đánh giá được những hiện tượng pháp lý của các hệ thống pháp luật khác nhau trên thế giới để giải quyết các vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài.

- Sử dụng được các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề thực tiễn có liên quan.

- Nâng cao trình độ nhận thức về hệ thống pháp luật của các nước trên thế giới, có khả năng thích ứng với các môi trường làm việc trong nước và quốc tế.

7.24. Luật Hành chính

Mã học phần: 7LKT053

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Luật hành chính Việt Nam là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về ngành luật hành chính; quản lý hành chính nhà nước; vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp kiểm tra, giám sát đối với hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Những kiến thức này cần thiết cho việc xây dựng, tổ chức thực hiện và hoàn thiện pháp luật trong quản lý hành chính nhà nước; bảo đảm quản lý có hiệu quả và bảo hộ tích cực các quyền, lợi ích hợp pháp của

cá nhân, tổ chức trong quản lý hành chính nhà nước.

Luật hành chính Việt Nam còn cung cấp những kiến thức nền tảng cho việc nghiên cứu các khoa học pháp lý chuyên ngành khác như: Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo; luật tố tụng hành chính; xây dựng văn bản pháp luật; luật đất đai; luật tài chính; luật lao động; luật môi trường; luật hôn nhân và gia đình.

Học phần được thiết kế giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành luật, sau khi sinh viên đã hoàn thành xong các học phần tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật, Luật Hiến pháp Việt Nam.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày được các kiến thức đã học về chính trị, nhà nước, pháp luật và xã hội liên quan đến quản lý hành chính nhà nước;
- Hiểu được mối quan hệ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong việc thực hiện hoạt động quản lý hành chính nhà nước.
- Vận dụng pháp luật vào thực tiễn quản lý hành chính nhà nước; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp trong quản lý hành chính nhà nước;
- Có khả năng đưa ra chính kiến, nhận xét của cá nhân về các hoạt động quản lý hành chính nhà nước đang diễn ra trên thực tế và những ý kiến đề xuất để khắc phục những hạn chế, yếu kém đang tồn tại.
- Có ý thức tôn trọng pháp luật, có quan điểm đúng về nền hành chính ở Việt Nam hiện nay và tích cực đấu tranh bảo vệ công lý.

7.25. Luật Dân sự

Mã học phần: 7LKT064

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Môn học Luật Dân sự gồm 2 phần giới thiệu cho sinh viên các vấn đề của Luật Dân sự như sau:

Phần 1: Hệ thống các khái niệm về đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự, về đặc điểm, nguyên tắc của quan hệ pháp Luật Dân sự; về chủ thể, khách thể, về các căn cứ phát sinh, về nội dung của các quan hệ tài sản và nhân thân; về thay đổi, chấm dứt các quan hệ pháp luật dân sự cụ thể thuộc đối tượng điều chỉnh của luật dân sự. Nghiên cứu khái quát về phần các quy định chung trong Bộ luật dân sự như tài sản, giao dịch dân sự, thời hạn, thời hiệu, đại diện; nghiên cứu về căn cứ xác lập, thực hiện và chấm dứt quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản; nghiên cứu quy định chung về thừa kế, thừa kế theo di chúc, thừa kế theo pháp luật, thanh toán và phân chia di sản.

Phần 2: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghĩa vụ dân sự, hợp đồng nói chung, các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự và trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày được các nội dung thuộc nội dung nghiên cứu của môn Luật Dân sự. Đồng thời, lấy được các ví dụ tương ứng cho từng nội dung nghiên cứu.
- Phân tích được các nội dung cụ thể thuộc nội dung nghiên cứu của môn Luật Dân sự. Đồng thời lấy được các ví dụ tương ứng với các nội dung đã phân tích.
- So sánh, phân biệt được các vấn đề pháp lý có liên quan. Bình luận, đánh giá

được các quy định pháp luật tương ứng với từng nội dung được tiếp cận trong môn học. Đưa ra được quan điểm cá nhân để hoàn thiện quy định pháp luật về nội dung có liên quan.

- Vận dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến các chế định pháp luật dân sự đã được tiếp cận trong môn học trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc chung của pháp luật dân sự.

- Có ý thức tuyên truyền pháp luật, phổ biến kiến thức pháp luật dân sự cho cộng đồng, phổ biến pháp luật về sự bình đẳng giới, chống hành vi phân biệt đối xử về giới cho cộng đồng.

7.26. Luật Tố tụng dân sự

Mã học phần: 7LKT073

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Luật tố tụng dân sự là học phần cơ bản của chương trình đào tạo cử nhân luật, cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý về trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan và tổ chức tại toà án, bảo đảm quyền bình đẳng giữa các đương sự, đặc biệt là quyền bình đẳng về giới trong tố tụng dân sự.

Đối tượng nghiên cứu của học phần là những vấn đề lí luận về luật tố tụng dân sự, nội dung các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan tư pháp, bao gồm: Khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; thẩm quyền dân sự của toà án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời; cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự tại toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của toà án...

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày được khái niệm, nhiệm vụ, nguồn của luật tố tụng dân sự; khái niệm vụ việc dân sự, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của luật tố tụng dân sự; khái niệm, thành phần chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự và địa vị pháp lý của các chủ thể trong tố tụng dân sự là bình đẳng, không có sự phân biệt về giới; các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự.

- Nhớ được trình tự, thủ tục giải quyết các vụ án dân sự tại toà án cấp sơ thẩm, phúc thẩm; trình tự, giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Nhận xét, đánh giá được các quy định pháp luật hiện hành về thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

- Vận dụng kiến thức tố tụng dân sự để tư vấn, xác định giải pháp cho giải quyết tình huống cụ thể. Có đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để tiếp tục theo học các chương trình đào tạo kỹ năng của Thẩm phán, thư ký toà án, luật sư, kiểm sát viên, thẩm tra viên, kiểm tra viên.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò, sứ mạng của người cán bộ pháp lý trong giai đoạn mới; luôn nhạy bén với cái mới, chủ động thích ứng với thay đổi.

- Hình thành niềm say mê nghề nghiệp, tư tưởng không ngừng học hỏi, tích cực đổi mới tư duy và cách thức giải quyết những vấn đề pháp lí.

7.27. Luật Hình sự

Mã học phần: 7LKT084

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Môn học gồm có 2 phần:

Luật hình sự phần chung là học phần chuyên ngành luật quan trọng, được thiết kế dành cho sinh viên; cung cấp lí luận cơ bản về tội phạm, TNHS và hình phạt là cơ sở khoa học để giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn.

Luật hình sự phần các tội phạm là môn khoa học chuyên ngành cung cấp lí luận cơ bản về tội phạm, trách nhiệm hình sự và hình phạt của từng tội cụ thể; là cơ sở khoa học để giải quyết các vụ án hình sự trong thực tiễn.

Học phần này có nội dung gồm 5 vấn đề chính:

1. Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người;
2. Các tội xâm phạm sở hữu;
3. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, các tội phạm về ma túy;
4. Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng;
5. Các tội phạm về chức vụ.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Hiểu được khái niệm luật hình sự và lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam; Khái niệm tội phạm, hình phạt và các khái niệm khác liên quan đến tội phạm và hình phạt;

- Phân tích được khái niệm tội phạm, hình phạt và các khái niệm khác liên quan đến tội phạm và hình phạt; nguồn của luật hình sự và nội dung của các văn bản giải thích luật hình sự;

- Vận dụng được các kiến thức cơ bản để giải quyết được các tình huống cụ thể.

- Hình thành và phát triển kĩ năng thu thập, phân tích thông tin; bình luận, đánh giá các tình tiết, vụ việc, vấn đề của luật hình sự;

- Tự tin, khách quan khi xem xét, phân tích, đánh giá các tình tiết của vụ án hình sự.

7.28. Luật Tố tụng hình sự

Mã học phần: 7LKT093

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Môn học luật TTHS là môn khoa học pháp lí cung cấp những kiến thức lí luận và thực tiễn về TTHS và khả năng áp dụng trong thực tế. Môn học này gồm hai nội dung cơ bản: Những vấn đề lí luận chung về TTHS và những giai đoạn tố tụng cụ thể trong trình tự tố tụng giải quyết vụ án hình sự.

Môn học luật TTHS nghiên cứu các quy định của pháp luật và những quan điểm khoa học về tố tụng hình sự, về trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và một số quy định về thi hành án, quyết định của Tòa án chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và

nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong tố tụng hình sự; hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Hiểu được khái niệm, nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của TTHS; khái niệm các chủ thể khác nhau trong quan hệ pháp luật TTHS và địa vị pháp lí của các chủ thể;

- Hiểu được khái niệm, thuộc tính của chứng cứ, các loại chứng cứ và những vấn đề khác có liên quan đến việc chứng minh; khái niệm, ý nghĩa và căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế khác. Nhận diện được các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế cụ thể;

- Xác định được thẩm quyền, trình tự, thủ tục và các hoạt động cụ thể trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố vụ án hình sự. Căn cứ và nội dung của các quyết định tố tụng trong các giai đoạn này; thẩm quyền, trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động trong giai đoạn xét xử sơ thẩm; xét xử phúc thẩm; xét lại bản án quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; Căn cứ và nội dung của các quyết định tố tụng trong các giai đoạn này

- Vận dụng phù hợp các quy định của luật TTHS để giải quyết các tình huống cụ thể trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò, sứ mạng của người cán bộ pháp lí trong giai đoạn mới, có tinh thần thượng tôn pháp luật, có ý thức đấu tranh với cái xấu, cái tiêu cực, bảo vệ cái tốt, cái tích cực; nhạy bén với cái mới, chủ động thích ứng với thay đổi.

7.29. Luật Hôn nhân và gia đình

Mã học phần: 7LKT143

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Môn học gồm 14 vấn đề với 2 phần chính. Cụ thể là:

Phần lí luận giới thiệu các hình thái hôn nhân và gia đình trong lịch sử; các khái niệm cơ bản như khái niệm hôn nhân, khái niệm gia đình, khái niệm luật hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình; các nguyên tắc cơ bản của luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Phần các chế định pháp lí cụ thể nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành về kết hôn; nghĩa vụ và quyền của vợ chồng; quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con; cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; li hôn; giám hộ giữa các thành viên trong gia đình và quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

Với từng chế định cụ thể chứa đựng nhiều nội dung lồng ghép giới, những nội dung về bảo vệ phụ nữ trong các mối quan hệ hôn nhân và gia đình, nhất là bảo vệ người phụ nữ khi thực hiện chức năng làm mẹ; Bảo vệ trẻ em, đặc biệt trẻ em với tư cách là con trong quan hệ giữa cha mẹ và con nhằm đảm bảo trẻ em có môi trường sống tốt, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, trong đó đáng lưu ý là các nội dung nhằm phòng, chống bạo lực đối với trẻ em, xử lý các hành vi vi phạm quyền của trẻ em.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Hiểu được khái niệm, đặc điểm, lịch sử các quy định pháp luật về hôn nhân và gia đình.

- Phân tích, phân biệt và so sánh được các khái niệm pháp lý liên quan đến từng vấn đề nghiên cứu.

- Vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các vụ việc hôn nhân và gia đình trong thực tiễn trong nước và có yếu tố nước ngoài.

- Hình thành và phát triển năng lực tư duy pháp lý về các quan hệ xã hội thuộc lĩnh vực điều chỉnh của các quy phạm pháp luật hôn nhân và gia đình.

- Hình thành nhận thức đúng đắn về các quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình cũng như pháp luật về hôn nhân và gia đình; Có ý thức tuyên truyền pháp luật, phổ biến kiến thức pháp luật hôn nhân và gia đình cho cộng đồng.

7.30. Công pháp quốc tế

Mã học phần: 7LKT113

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Công pháp quốc tế (hay còn gọi là Luật quốc tế) là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về hệ thống pháp luật quốc tế như vấn đề khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển của luật quốc tế; vấn đề nguồn của luật quốc tế; các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế... Bên cạnh đó, học phần còn trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các ngành và chế định của hệ thống pháp luật quốc tế như: Luật biển quốc tế, Luật Điều ước quốc tế, Luật ngoại giao và lãnh sự... Thông qua việc học tập và nghiên cứu học phần này, người học sẽ có được những kiến thức nền tảng ban đầu về hệ thống pháp luật quốc tế nói chung, từ đó làm cơ sở cho việc nghiên cứu và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể của luật quốc tế.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày được các vấn đề lý luận về luật quốc tế, gồm: Khái niệm; lịch sử hình thành và phát triển của luật quốc tế; chủ thể của luật quốc tế; mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia; cấu trúc nguồn; các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; Nắm được các phương thức thực hiện chủ quyền quốc gia đối với dân cư; Trình bày được khái niệm, phân loại và quy chế pháp lý của lãnh thổ trong luật quốc tế.

- Hiểu được những vấn đề pháp lý cơ bản về cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và các quyền ưu đãi miễn trừ đối với các cơ quan và thành viên các cơ quan này; Nắm được những vấn đề pháp lý cơ bản về hợp tác quốc tế đấu tranh phòng chống tội phạm.

- Vận dụng được các nguyên tắc, biện pháp giải quyết tranh chấp quốc tế vào một số tình huống pháp lý cụ thể.

- Hình thành và phát triển kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể của luật quốc tế;

- Hình thành sự chủ động trong nghiên cứu, bổ sung và củng cố trình độ nhận thức về các vấn đề quốc tế trong bối cảnh hội nhập.

7.31. Kỹ thuật soạn thảo văn bản

Mã học phần: 7LKT123

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Kỹ thuật soạn thảo văn bản là môn khoa học pháp lý ứng dụng, cung cấp những kiến thức cơ bản về văn bản, đặc biệt là kỹ năng soạn thảo văn bản. Môn học được chia thành hai phần:

Phần lí thuyết: Tập trung giới thiệu những vấn đề soạn thảo văn bản theo từng loại văn bản với những nội dung sau: Khái quát về văn bản; Quy trình xây dựng văn bản; Quy tắc sử dụng ngôn ngữ trong văn bản; Cách thức trình bày hình thức và nội dung của văn bản; Soạn thảo một số văn bản điển hình

Phần thực hành: Trên cơ sở lí thuyết, môn học giúp sinh viên vận dụng để soạn thảo được một số loại văn bản thông dụng trong đời sống.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày được các khái niệm, phân loại và nội dung cơ bản về các loại hình giao tiếp bằng văn bản trong học thuật và tại nơi làm việc.

- Hiểu được các yêu cầu đối với các loại văn bản trong học tập và trong công việc và vận dụng được các kiến thức đó khi trình bày văn bản.

- Áp dụng được các quy định về trích dẫn và chống đạo văn khi soạn thảo văn bản.

- Phân biệt và xây dựng được các loại văn bản quản lý cơ bản và một số lĩnh vực khác (ví dụ: văn bản pháp quy, văn bản hành chính, văn bản dân sự...)

- Tự học hỏi phục vụ cho công việc nhằm tạo năng lực làm việc suốt đời.

7.32. Kỹ năng đàm phán soạn thảo và ký kết hợp đồng thương mại

Mã học phần: 7LKT133

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: tự chọn

a) Mô tả học phần:

Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và ký kết hợp đồng thương mại là học phần pháp lý chuyên ngành, cung cấp các khía cạnh pháp lý và những kỹ năng cơ bản, chuyên sâu về đàm phán, soạn thảo và ký kết hợp đồng trong hoạt động thương mại. Ngoài ra, mỗi loại hợp đồng còn được điều chỉnh bởi các luật chuyên ngành, chẳng hạn: hợp đồng bảo hiểm được điều chỉnh bởi Luật kinh doanh bảo hiểm, hợp đồng về nhà ở được điều chỉnh bởi Luật nhà ở, một số hợp đồng trong thương mại được điều chỉnh bởi Luật Thương mại. Hợp đồng được điều chỉnh bởi nhiều ngành luật khác nhau. Có nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định về hợp đồng, trong đó Bộ luật dân sự được coi là luật chung. Ngoài ra, mỗi loại hợp đồng còn được điều chỉnh bởi các luật chuyên ngành, chẳng hạn: hợp đồng bảo hiểm được điều chỉnh bởi Luật kinh doanh bảo hiểm, hợp đồng về nhà ở được điều chỉnh bởi Luật nhà ở, một số hợp đồng trong thương mại được điều chỉnh bởi.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Nắm vững các kiến thức cơ bản về kỹ năng đàm phán và kỹ năng soạn thảo hợp đồng; biết cách thức vận dụng các kiến thức, kỹ năng về đàm phán, soạn thảo các loại hợp đồng và qui định của pháp luật về hợp đồng vào trong các tình huống thực tế để giải quyết các vấn đề đặt ra từ thực tiễn liên quan đàm phán, soạn thảo hợp đồng, giải thích hợp đồng, quản lý hợp đồng.

- Hiểu được bản chất của việc đàm phán, các loại đàm phán cơ bản và các khái niệm chính về chúng.

- Nhận thức cơ bản về kỹ thuật soạn thảo các hợp đồng dân sự, thương mại và hợp đồng thương mại quốc tế để có thể tự mình soạn thảo hoặc kiểm tra việc soạn thảo hợp đồng của các bên và của đồng sự.

- Có khả năng đánh giá, phân tích hoàn cảnh, nhu cầu, chiến lược, vị thế và khả năng tham gia điều hành cuộc đàm phán của bản thân/đơn vị nơi mình công và đối tác.

- Có khả năng soạn thảo hợp đồng, hướng dẫn, phối hợp cùng người khác soạn thảo các hợp đồng nhằm đảm bảo tính hợp pháp, khả thi, đảm bảo được quyền và lợi ích chính đáng của bản thân/đơn vị nơi mình công tác.

7.33. Kỹ năng tư vấn pháp luật

Mã học phần: 7LKT102

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: tự chọn

a) Mô tả học phần:

Học phần cung cấp những nội dung cơ bản của hoạt động tư vấn pháp luật, các yêu cầu của hoạt động tư vấn, các bước tiến hành tư vấn pháp luật trong hoạt động tư vấn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong các vụ án về tranh chấp quyền sử dụng đất, tranh chấp về hoạt động mua bán nhà, vụ án về ly hôn, vụ án về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, việc về thuận tình ly hôn hay hủy kết hôn trái pháp luật, ...

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Hiểu được tổng quan về hoạt động tư vấn pháp luật; các nguyên tắc cơ bản của hoạt động tư vấn pháp luật và thực hành nghề luật;

- Phân tích được các tình tiết trong vụ việc, vụ án cần giải quyết dựa trên kiến thức đã học, từ đó tìm ra phương thức giải quyết vấn đề cho khách hàng.

- Vận dụng được các kỹ năng đã học để giải thích, đánh giá tính hợp lý của luật thực định trong mối quan hệ với lý luận để giải quyết tình huống thực tiễn;

- Nâng cao nhận thức về vai trò của hoạt động tư vấn trong thực tiễn áp dụng pháp luật;

- Rèn luyện kỹ năng thu thập thông tin, nhận thức yêu cầu của khách hàng trong hoạt động tư vấn.

7.34. Pháp luật tài chính cá nhân và hộ gia đình

Mã học phần: 7LKT153

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: tự chọn

a) Mô tả học phần:

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về tài chính cá nhân, tài chính hộ gia đình, các quy phạm pháp luật điều chỉnh tài chính cá nhân và hộ gia đình. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực, ngành nghề có liên quan đến tài chính cá nhân và hộ gia đình.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Áp dụng được những kiến thức pháp luật về tài chính cá nhân và hộ gia đình, nguồn, quản lý và hoạt động tài chính cá nhân và hộ gia đình; phân tích, tổng hợp được đặc trưng cơ bản của mỗi loại hình tài chính cá nhân và hộ gia đình.

- Vận dụng được các kiến thức pháp luật về tài chính cá nhân và hộ gia đình vào

cuộc sống và thực hành nghề luật.

- Hình thành thái độ đúng đắn, trách nhiệm khi làm việc tập thể, sẵn sàng thực hiện hiệu quả công việc trong nền kinh tế thị trường, trong điều kiện làm việc thay đổi, môi trường có nhiều áp lực, cạnh tranh, hội nhập và phát triển.

7.35. Pháp luật kinh doanh bất động sản

Mã học phần: 7LKT163

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: tự chọn

a) Mô tả học phần:

Pháp luật kinh doanh bất động sản là học phần tự chọn đối với sinh viên luật. Đây là học phần chuyên ngành nhằm nghiên cứu chuyên sâu về thị trường bất động sản và pháp luật điều chỉnh thị trường bất động sản.

Học phần cung cấp cho người học tổng quan chung về thị trường bất động sản và những đặc điểm riêng của thị trường bất động sản ở Việt Nam; những quy định của pháp luật về quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bất động sản; đối tượng, phạm vi, điều kiện và các nguyên tắc trong đầu tư, kinh doanh bất động sản; các hình thức kinh doanh bất động sản và kinh doanh dịch vụ bất động sản; quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong kinh doanh bất động sản. Học phần cũng cung cấp cho người học các kiến thức trọng tâm về các loại hợp đồng trong kinh doanh bất động sản.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Hiểu được các kiến thức chung về pháp luật đầu tư, kinh doanh bất động sản; trong đó chú trọng đến tính đặc thù của lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản và đặc điểm riêng của thị trường bất động sản ở Việt Nam.

Phân tích, đánh giá, bình luận những quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ bất động và các loại hợp đồng trong kinh doanh bất động sản

- Nhận định những vướng mắc phát sinh từ thực tiễn thi hành pháp luật về kinh doanh bất động sản cũng như nhận định được xu hướng phát triển mới của thị trường bất động sản ở Việt Nam và xu hướng điều chỉnh pháp luật đối với thị trường này trong thời gian tới.

- Xây dựng kỹ năng tư vấn pháp luật về kinh doanh bất động sản; Xây dựng kỹ năng tư vấn, soạn thảo hợp đồng về kinh doanh bất động sản, kỹ năng giải quyết khiếu nại, tranh chấp trong kinh doanh bất động sản.

- Có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học, trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần làm việc hợp tác, phối hợp với người khác và trong tập thể.

7.36. Luật Doanh nghiệp

Mã học phần: 7LKT183

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Môn học giúp sinh viên nắm bắt những quy định của pháp luật về thủ tục thành lập công ty, các ngành nghề lĩnh vực kinh doanh có điều kiện, các loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, địa vị pháp lý của công ty.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Phân tích, tổng hợp được các kiến thức cơ bản về công ty, địa vị pháp lý của

công ty và phạm vi trách nhiệm của công ty; các loại hình công ty theo pháp luật Việt Nam; điều kiện thành lập công ty; thủ tục đăng ký kinh doanh, kinh doanh có điều kiện, quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong công ty; chế độ tài chính của công ty.

- Vận dụng được các kiến thức pháp lý về lĩnh vực luật doanh nghiệp để thực hiện các công việc chuyên môn tương ứng với yêu cầu đào tạo; giải quyết được các vụ việc thông thường trong lĩnh vực doanh nghiệp; xây dựng được các chính sách pháp luật về doanh nghiệp.

- Hình thành thái độ đúng đắn, trách nhiệm khi làm việc tập thể, sẵn sàng thực hiện hiệu quả công việc trong nền kinh tế thị trường, trong điều kiện làm việc thay đổi, môi trường có nhiều áp lực, cạnh tranh, hội nhập và phát triển.

7.37. Luật kinh tế quốc tế

Mã học phần: 7LKT193

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Môn học luật kinh tế quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế quốc tế.

Môn học bao gồm 2 phần chính: Luật kinh tế quốc tế giữa các quốc gia và luật kinh tế quốc tế giữa các thương nhân.

Đối với môn học này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về:

- (1) Khái niệm giao dịch kinh tế quốc tế và luật kinh tế quốc tế;
- (2) Các nguyên tắc cơ bản của WTO và ngoại lệ;
- (3) Thương mại hàng hoá và các hiệp định của WTO;
- (4) Thương mại dịch vụ và GATS;
- (5) Quyền sở hữu trí tuệ và Hiệp định TRIPs;
- (6) Cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO;
- (7) Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế;
- (8) Pháp luật về thanh toán quốc tế;
- (9) Giải quyết tranh chấp kinh tế quốc tế giữa các thương nhân.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Phân tích, tổng hợp được các quy định pháp luật về kinh tế quốc tế, các quy định điều chỉnh quan hệ giữa các quốc gia và các quan hệ diễn ra chủ yếu giữa các thương nhân; giao dịch kinh tế quốc tế và luật kinh tế quốc tế; nguyên tắc cơ bản của WTO và ngoại lệ; thương mại hàng hoá và các hiệp định của WTO; thương mại dịch vụ và GATS; quyền sở hữu trí tuệ và Hiệp định TRIPs; cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO; pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; pháp luật về thanh toán quốc tế;

- Vận dụng được các kiến thức đã học để giải quyết các tình huống thực tiễn; tham gia giải quyết tranh chấp kinh tế quốc tế giữa các thương nhân.

- Soạn thảo, tư vấn được hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế đơn giản; lựa chọn được phương thức giải quyết tranh chấp kinh tế quốc tế.

- Hình thành thái độ đúng đắn, trách nhiệm khi làm việc tập thể, sẵn sàng thực hiện hiệu quả công việc trong nền kinh tế thị trường, trong điều kiện làm việc thay đổi, môi trường có nhiều áp lực, cạnh tranh, hội nhập và phát triển.

7.38. Luật Lao động

Mã học phần: 7LKT203

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần Luật lao động là học phần nghiên cứu các vấn đề lí luận và thực tiễn xây dựng, ban hành, thực thi các định chế về quan hệ lao động và các vấn đề thuộc lĩnh vực lao động-xã hội. Bên cạnh các vấn đề lí luận chung, các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: Cơ chế ba bên, quản lí Nhà nước về lao động, việc làm, học nghề, quyền công đoàn và vấn đề đại diện lao động, quan hệ HĐLĐ, thỏa ước lao động tập thể, các điều kiện lao động, quản lí lao động trong doanh nghiệp, tranh chấp lao động, dinh công. Song song với việc nghiên cứu các vấn đề pháp lí của Việt Nam, học phần luật lao động còn nghiên cứu các vấn đề lao động quốc tế (trong khuôn khổ các quy tắc pháp lí lao động của Tổ chức lao động quốc tế - ILO) và của khu vực.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Phân tích, tổng hợp được các quy định pháp luật về: hợp đồng lao động; thỏa ước lao động tập thể; bảo hiểm xã hội; tiền lương, tiền công; tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động; kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất.

- Vận dụng được các quy định của pháp luật về lao động để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn đời sống pháp luật, có khả năng đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy, phát hiện vấn đề, lập luận thuyết phục trong cuộc sống và hoạt động nghề luật.

- Soạn thảo được hợp đồng lao động; tư vấn được, lựa chọn được phương thức giải quyết tranh chấp lao động trong cuộc sống và thực hành nghề luật.

- Có khả năng tự học để tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn; có sáng kiến trong quá trình làm việc, có năng lực lập kế hoạch, trách nhiệm, tinh thần hợp tác khi làm việc tập thể và có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau và hội nhập quốc tế.

7.39. Luật Môi trường

Mã học phần: 7LKT213

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức pháp luật về môi trường, như: Một số khái niệm cơ bản về môi trường thuộc các lĩnh vực: kỹ thuật môi trường, địa môi trường, kinh tế môi trường ... để có cơ sở khoa học tiếp cận ở mức có thể hiểu và áp dụng được các văn bản pháp quy kỹ thuật về môi trường và thấy được mối quan hệ khoa học pháp lý về môi trường với các khoa học khác về môi trường.

Giới thiệu cho sinh viên những quy định của pháp luật Việt Nam và luật pháp quốc tế về môi trường, trang bị cho sinh viên những kỹ năng tìm kiếm văn bản pháp luật về môi trường.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Phân tích, tổng hợp được các quy định pháp luật về môi trường, kiểm soát ô nhiễm, suy thoái môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học; giải thích được kiến thức lý luận và thực tiễn pháp luật về giải quyết tranh chấp môi trường.

- Vận dụng được các quy định của pháp luật về môi trường để giải quyết các vấn đề phức tạp nảy sinh trong thực tiễn đời sống, có khả năng đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng tư duy, phát hiện vấn đề, lập luận thuyết phục trong cuộc sống và hoạt động nghề luật.

- Có khả năng tự học để tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn; có sáng kiến trong quá trình làm việc, có năng lực lập kế hoạch, trách nhiệm, tinh thần hợp tác khi làm việc tập thể và có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau, có khả năng đưa ra các kết luận chuyên môn và bảo vệ quan điểm cá nhân trong lĩnh vực môi trường.

7.40. Luật Đầu tư

Mã học phần: 7LKT223

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật đầu tư trong nền kinh tế thị trường, giúp sinh viên có kiến thức toàn diện trong chuyên ngành được đào tạo để khi tốt nghiệp có thể phối hợp kiến thức của môn Luật Đầu tư với các môn học khác. Sự hiểu biết chính sách của Nhà nước và qui định của pháp luật về hoạt động đầu tư kiểm soát của các thành phần kinh tế sẽ giúp cho sinh viên có những quyết định đúng đắn và hợp pháp trong hoạt động đầu tư, đồng thời còn có thể giúp cho sinh viên sử dụng pháp luật để bảo vệ hữu hiệu những lợi ích chính đáng của mình trong khuôn khổ pháp luật.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Phân tích được các qui định của Luật đầu tư về các hình thức và thủ tục đầu tư, các biện pháp bảo đảm, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư.

- Vận dụng được qui định của pháp luật đầu tư vào thực tiễn công tác chuyên môn; giải quyết được các vụ việc, tranh chấp liên quan trong lĩnh vực đầu tư.

- Phân tích, soạn thảo, tư vấn được các hợp đồng giao kết trong lĩnh vực đầu tư và các lĩnh vực liên quan.

- Có phẩm chất đạo đức, sẵn sàng đảm nhiệm công việc tại nơi làm việc; có sáng kiến; có năng lực lập kế hoạch trong quá trình làm việc; có tính kỷ luật cao, tôn trọng đồng nghiệp; có tinh thần hợp tác khi làm việc tập thể và có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau và hội nhập quốc tế.

7.41. Luật Thương mại

Mã học phần: Luật Thương mại

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Môn học giúp sinh viên hiểu những quy định của pháp luật về các hoạt động thương mại theo pháp luật Việt Nam, bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm về thương nhân và các hoạt động thương mại; Các hoạt động thương mại cụ thể; Quyền và nghĩa vụ của các thương nhân trong hoạt động thương mại; Các chế tài

trong hoạt động thương mại.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Phân tích được đặc điểm, quy chế pháp lý về vốn, cơ cấu tổ chức quản lý của từng loại thương nhân. Phân tích được đặc trưng của doanh nghiệp nhà nước, nhóm công ty và thủ tục thành lập, góp vốn, tổ chức lại, thủ tục giải thể, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Áp dụng được các nguyên tắc cơ bản, các quy định của Luật Thương mại để phân tích, tư vấn chuyên môn trong lĩnh vực thương mại

- Vận dụng được các quy định pháp luật thực định để giải quyết các tình huống liên quan đến thực tiễn hoạt động của thương nhân

- Hình thành thái độ đúng đắn về quyền tự do kinh doanh của tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế thị trường. Có trách nhiệm khi làm việc tập thể, sẵn sàng thực hiện hiệu quả công việc trong điều kiện làm việc thay đổi, môi trường có nhiều áp lực, cạnh tranh, hội nhập và phát triển.

7.42. Luật đất đai

Mã học phần: 7LKT244

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần giúp sinh viên nhận thức và lĩnh hội kiến thức của những nội dung chính sau đây: Tính đặc thù của chế độ sở hữu toàn dân đối với đất đai, khái niệm, nguyên tắc cơ bản của Luật đất đai, nội dung quản lý Nhà nước về đất đai, các quyền và nghĩa vụ cơ bản của người sử dụng đất, đặc biệt là các quyền giao dịch và các nghĩa vụ tài chính, chủ thể và hình thức sử dụng đất, tranh chấp đất đai và khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Phân tích được đặc điểm, quy định của pháp luật về đất đai, như: chế độ sở hữu toàn dân về đất đai, quản lý thông tin, dữ liệu về đất đai; điều phối đất đai, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai; xử lý hành vi vi phạm pháp Luật đất đai; giải quyết tranh chấp đất đai.

- Vận dụng được các quy định của pháp luật về đất đai để giải quyết các vấn đề tranh chấp, các vấn đề phát sinh trong thực tiễn đời sống và hoạt động nghề luật.

- Phân tích được, soạn thảo được hợp đồng liên quan đến pháp luật về đất đai, tư vấn được cách giải quyết các vấn đề tranh chấp liên quan đến đất đai

- Có khả năng tự học để tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn; có sáng kiến trong quá trình làm việc, có năng lực lập kế hoạch, trách nhiệm, tinh thần hợp tác khi làm việc tập thể và có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau và hội nhập quốc tế.

7.43. Luật Tài chính

Mã học phần: 7LKT253

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần giúp sinh viên có kiến thức lý luận về lĩnh vực tài chính nói chung và

tài chính công nói riêng và các qui định pháp luật về tạo lập, sử dụng, phân phối quỹ ngân sách Nhà nước cũng như các quy định về kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực ngân sách Nhà nước, các nghĩa vụ tài chính của doanh nghiệp, cá nhân với Nhà nước.

Sinh viên nắm bắt được những qui định của pháp luật tài chính để có thể đưa ra những quyết định liên quan đến lĩnh vực tài chính đúng pháp luật.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

Chuẩn đầu ra môn học:

- Phân tích được đặc điểm, quy định của pháp luật về Tài chính, như: hệ thống tài chính, vai trò của nhà nước trong lĩnh vực tài chính; pháp luật NSNN, chế độ pháp lý về phân cấp, lập, chấp hành, quyết toán NSNN; thu, chi NSNN, chế độ pháp lý các khoản thu, chi NSNN; chế độ quản lý quỹ NSNN và pháp luật về bảo hiểm thương mại, thị trường tài chính và thanh tra tài chính.

- Áp dụng được các nguyên tắc cơ bản, các quy định của Luật Tài chính; có khả năng phân tích, nhận định, tư vấn chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính;

- Vận dụng được các quy định pháp luật thực định để giải quyết các tình huống thực tiễn liên quan đến Luật Tài chính.

- Có tinh thần trách nhiệm làm việc nhóm, tự chủ, nghiêm túc, tích cực trong làm việc độc lập. Hình thành thái độ đúng đắn, sẵn sàng thực hiện hiệu quả công việc trong nền kinh tế thị trường, trong điều kiện làm việc thay đổi, môi trường có nhiều áp lực, cạnh tranh, hội nhập và phát triển.

7.44. Luật Cạnh tranh

Mã học phần: 7LKT263

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần Luật cạnh tranh cung cấp cho người học các kiến thức pháp luật về bảo vệ cạnh tranh trong kinh doanh bằng cách kiểm soát những hành vi xâm phạm trật tự cạnh tranh. Theo đó người học sẽ được tìm hiểu pháp luật về kiểm soát những hành vi hạn chế cạnh tranh (thông qua các hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, làm dụng vị trí độc quyền); pháp luật về kiểm soát hành vi tập trung kinh tế; pháp luật về kiểm soát hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Hơn thế người học còn được tìm hiểu về tố tụng cạnh tranh, các thủ tục miễn trừ và xử lý vi phạm pháp luật cạnh tranh.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Phân tích được đặc điểm, quy định của pháp luật về cạnh tranh; pháp luật về chống cạnh tranh không lành mạnh; pháp luật chống hành vi hạn chế cạnh tranh, pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế và thủ tục tố tụng cạnh tranh.

- Áp dụng được các nguyên tắc cơ bản, các quy định của Luật cạnh tranh để phân tích, đánh giá và tư vấn được về chuyên môn trong lĩnh vực Luật cạnh tranh;

- Vận dụng được các quy định pháp luật thực định để giải quyết các tình huống thực tiễn liên quan đến luật cạnh tranh, tố tụng cạnh tranh.

- Có tinh thần trách nhiệm trong làm việc tập thể, hình thành thái độ đúng đắn, sẵn sàng thực hiện hiệu quả công việc trong nền kinh tế thị trường, trong điều kiện làm việc thay đổi, môi trường có nhiều áp lực, cạnh tranh, hội nhập và phát triển.

7.45. Luật Ngân hàng

Mã học phần: 7LKT273

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Luật ngân hàng là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về quy định pháp lý liên quan đến các chủ thể hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh ngân hàng, tài chính, thị trường chứng khoán.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Phân tích, tổng hợp được các quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực ngân hàng, địa vị pháp lý ngân hàng Nhà nước và các chủ thể kinh doanh ngân hàng và các chủ thể kinh doanh chứng khoán.

- Áp dụng được các nguyên tắc cơ bản, các quy định của luật ngân hàng; có khả năng phân tích, nhận định, tư vấn chuyên môn trong lĩnh vực luật ngân hàng;

- Vận dụng các quy định pháp luật thực định để giải quyết các tình huống thực tiễn liên quan đến luật ngân hàng.

- Áp dụng được kỹ năng đã học để lên kế hoạch nhóm, làm việc nhóm, chịu trách nhiệm nhóm khi học tập học phần luật ngân hàng. Hình thành thái độ đúng đắn, sẵn sàng thực hiện hiệu quả công việc trong nền kinh tế thị trường, trong điều kiện làm việc thay đổi, môi trường có nhiều áp lực, cạnh tranh, hội nhập và phát triển.

7.46. Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại

Mã học phần: 7LKT283

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Kỹ năng giải quyết các tranh chấp thương mại là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức về kỹ năng của các chủ thể tham gia bổ sung những kỹ năng cho người học trong quá trình tham gia giải quyết tranh chấp thương mại ở nhiều tư cách chủ thể khác nhau trong các hình thức giải quyết tranh chấp: thương lượng, hoà giải, trọng tài thương mại và toà án.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Phân tích, tổng hợp được các vấn đề liên quan đến pháp luật giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại: chủ thể tham gia vào giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại: các kỹ năng cơ bản trong giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại; các chủ thể tham gia và các hình thức giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng hình thức thương lượng. Phân tích được các kỹ năng cơ bản trong giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại.

- Áp dụng được được các nguyên tắc cơ bản, các quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại; có khả năng phân tích, nhận định, tư vấn chuyên môn trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại;

- Vận dụng được các quy định pháp luật thực định để giải quyết các tình huống thực tiễn liên quan đến giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại.

- Áp dụng được kỹ năng đã học để lên kế hoạch nhóm, làm việc nhóm, chịu trách nhiệm nhóm khi học tập học phần Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại. Hình thành thái độ đúng đắn, sẵn sàng thực hiện hiệu quả công việc trong nền kinh tế thị trường, trong điều kiện làm việc thay đổi, môi trường có nhiều áp lực, cạnh

tranh, hội nhập và phát triển.

7.47. Luật kinh doanh bảo hiểm

Mã học phần: 7LKT292

Số tín chỉ: 2

Loại học phần: tự chọn

a) Mô tả học phần:

Học phần Luật kinh doanh bảo hiểm cung cấp cho người học các kiến thức pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, như: Khái niệm, bản chất, vai trò và các loại hình của bảo hiểm thương mại; Khái niệm kinh doanh bảo hiểm và các nguyên tắc của hoạt động kinh doanh bảo hiểm; Địa vị pháp lý của các chủ thể thực hiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm gồm: Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và đại lý bảo hiểm; Quan hệ pháp luật kinh doanh bảo hiểm, các điều kiện để trở thành chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật kinh doanh bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của các bên; Khái niệm và những đặc trưng cơ bản của hợp đồng bảo hiểm, nội dung của hợp đồng bảo hiểm, các quy định của pháp luật về hợp đồng bảo hiểm vô hiệu, chấm dứt hiệu lực pháp lý của hợp đồng bảo hiểm; Quy định của pháp luật về hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm dân sự, hợp đồng bảo hiểm tài sản và hợp đồng bảo hiểm con người; Quản lý Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm bao gồm kiểm tra trước khi hoạt động, giám sát trong quá trình hoạt động, xử phạt vi phạm hành chính.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Phân tích được các kiến thức cơ bản về pháp luật kinh doanh bảo hiểm, địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh bảo hiểm, pháp luật về hợp đồng bảo hiểm, quản lý nhà nước trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

- Vận dụng được các quy định pháp luật thực định để giải quyết các tình huống thực tiễn liên quan đến luật kinh doanh bảo hiểm.

- Hình thành thái độ đúng đắn, sẵn sàng thực hiện hiệu quả công việc trong nền kinh tế thị trường, trong điều kiện làm việc thay đổi, môi trường có nhiều áp lực, cạnh tranh, hội nhập và phát triển.

7.48. Luật phá sản doanh nghiệp

Mã học phần: 7LKT302

Số tín chỉ: 2

Loại học phần: tự chọn

a) Mô tả học phần:

Môn học Luật Phá sản doanh nghiệp giúp sinh viên nắm bắt các quy định về pháp luật về phá sản và giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bao gồm những nội dung cơ bản: Khái niệm phá sản; trình tự, thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; các quyền và nghĩa vụ của chủ thể tiến hành phá sản và chủ thể tham gia quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Phân tích được các kiến thức cơ bản về pháp phá sản doanh nghiệp, các quyền và nghĩa vụ của chủ thể tiến hành phá sản doanh nghiệp, nắm được trình tự, thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp; các chủ thể tiến hành và tham gia vào quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp.

- Vận dụng được các quy định pháp luật thực định để giải quyết các tình huống thực tiễn liên quan đến Luật phá sản doanh nghiệp. Áp dụng được kỹ năng đã học để

lên kế hoạch nhóm, làm việc nhóm, chịu trách nhiệm nhóm khi học tập học phần luật phá sản doanh nghiệp.

- Hình thành thái độ đúng đắn, sẵn sàng thực hiện hiệu quả công việc trong nền kinh tế thị trường, trong điều kiện làm việc thay đổi, môi trường có nhiều áp lực, cạnh tranh, hội nhập và phát triển.

7.49. Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Mã học phần: 7LKT312

Số tín chỉ: 2

Loại học phần: tự chọn

a) Mô tả học phần:

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; các thiết chế thực thi pháp luật bảo vệ người tiêu dùng, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hoá dịch vụ đối với người tiêu dùng (NTD); các chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD và phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD và thương nhân, giúp người học vận dụng các quy định của pháp luật về bảo vệ NTD để có thể đưa ra các phương hướng giải quyết tranh chấp và cách thức bảo vệ quyền và lợi ích của NTD.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Phân tích được các kiến thức cơ bản về pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, nhận diện người tiêu dùng và đặc thù của pháp luật bảo vệ người tiêu dùng, trách nhiệm của cá nhân, tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với người tiêu dùng, các quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và thương nhân.

- Vận dụng được các quy định pháp luật thực định để giải quyết các tình huống thực tiễn liên quan đến Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Hình thành thái độ đúng đắn, trách nhiệm làm việc nhóm, sẵn sàng thực hiện hiệu quả công việc trong nền kinh tế thị trường, trong điều kiện làm việc thay đổi, môi trường có nhiều áp lực, cạnh tranh, hội nhập và phát triển.

7.50. Luật chứng khoán

Mã học phần: 7LKT322

Số tín chỉ: 2

Loại học phần: tự chọn

a) Mô tả học phần:

Nội dung môn học gồm những vấn đề chính sau đây: Những vấn đề cơ bản về luật chứng khoán; Pháp luật về chào bán chứng khoán; Pháp luật về tổ chức thị trường chứng khoán; Pháp luật về chủ thể kinh doanh chứng khoán; Pháp luật về kinh doanh chứng khoán; Pháp luật về quản lý Nhà nước đối với thị trường chứng khoán; Pháp luật về xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trên thị trường chứng khoán.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Phân tích, tổng hợp được các kiến thức cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, chào bán chứng khoán, pháp luật về tổ chức và hoạt động của thị trường giao dịch chứng khoán, về đăng ký, lưu trữ, bù trừ và thanh toán chứng khoán, tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán, pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh chứng khoán, quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán, xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Vận dụng được các quy định pháp luật thực định để giải quyết các tình huống thực tiễn liên quan đến Luật chứng khoán.

- Hình thành thái độ đúng đắn, trách nhiệm làm việc nhóm, sẵn sàng thực hiện hiệu quả công việc trong nền kinh tế thị trường, trong điều kiện làm việc thay đổi, môi trường có nhiều áp lực, cạnh tranh, hội nhập và phát triển.

7.51. Luật Thuế

Mã học phần: 7LKT332

Số tín chỉ: 2

Loại học phần: tự chọn

a) Mô tả học phần:

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật thuế. Qua học phần này, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản sau đây: khái niệm, vai trò và cách thức phân loại thuế, bản chất pháp lý của những yếu tố cơ bản cấu thành nên một sắc thuế. Các nguyên tắc và yêu cầu của việc xây dựng hệ thống pháp luật thuế Việt Nam, các đặc trưng cơ bản của các sắc thuế: giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu - xuất khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, nội dung quy định của pháp luật đối với các sắc thuế nêu trên, chế độ pháp lý về xử lý vi phạm pháp luật thuế.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Phân tích được các kiến thức cơ bản về thuế, như: khái niệm về đối tượng nộp thuế, đối tượng chịu thuế, những trường hợp không chịu thuế, căn cứ tính thuế, chế độ miễn giảm trong từng sắc thuế; những quy định của pháp luật về chế độ đăng ký, kê khai, nộp thuế đối với tất cả các sắc thuế trong hệ thống pháp luật thuế Việt Nam, các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực thuế.

- Vận dụng được các quy định pháp luật thực định để giải quyết các tình huống thực tiễn liên quan đến luật thuế.

- Hình thành thái độ đúng đắn, trách nhiệm làm việc nhóm, sẵn sàng thực hiện hiệu quả công việc trong nền kinh tế thị trường, trong điều kiện làm việc thay đổi, môi trường có nhiều áp lực, cạnh tranh, hội nhập và phát triển.

7.52. Luật Hải quan

Mã học phần: 7LKT342

Số tín chỉ: 2

Loại học phần:

a) Mô tả học phần:

Học phần Luật hải quan là một học phần pháp lý cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quy định quản lý Nhà nước đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, về tổ chức và hoạt động của Hải quan.

Học xong môn này, sinh viên nắm được khái niệm, đặc điểm nguyên tắc tiến hành thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan. Nắm được các quy định pháp luật về thủ tục hải quan, trình bày được các quyền và nghĩa vụ của ngành hải quan. Hình thành và phát triển kỹ năng tổng hợp, phân tích, so sánh, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể liên quan đến pháp luật hải quan. Phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng bình luận, tư duy, sáng tạo, tìm tòi, đánh giá và tự đánh giá.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Lựa chọn được các quy định của pháp luật về Hải quan để giải quyết các bài tập tình huống trong quá trình học tập môn học Luật Hải quan.

- Phân tích được các quy định về luật Hải quan, các đặc điểm, nguyên tắc tiến hành thủ tục Hải quan, kiểm tra, giám sát Hải quan, thủ tục Hải quan, các quyền và nghĩa vụ của ngành Hải quan.

- Sử dụng được các quy định pháp luật thực định để giải quyết các tình huống thực tiễn liên quan đến Luật Hải quan.

- Kết hợp được các kiến thức đã học và kỹ năng bản thân để tư vấn, hướng dẫn người khác tuân thủ các qui định của pháp luật về Hải quan.

- Xây dựng được thái độ đúng đắn, trách nhiệm làm việc nhóm, sẵn sàng thực hiện hiệu quả công việc trong nền kinh tế thị trường, trong điều kiện làm việc thay đổi, môi trường có nhiều áp lực, cạnh tranh, hội nhập và phát triển.

7.53. Luật Giao dịch điện tử

Mã học phần: 7LKT352

Số tín chỉ: 2

Loại học phần: tự chọn

a) Mô tả học phần:

Học phần giới thiệu cho sinh viên biết loại hình kinh doanh thương mại điện tử. Giới thiệu pháp luật về giao dịch điện tử, kỹ năng giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử.

Học xong môn này, sinh viên nắm được các loại hình kinh doanh thương mại điện tử đã và đang được áp dụng tại Việt Nam. Hình thành và phát triển kỹ năng tổng hợp, phân tích, so sánh, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể liên quan đến pháp luật về giao dịch điện tử.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Lựa chọn được các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử để giải quyết các bài tập tình huống trong quá trình học tập môn học Luật Giao dịch điện tử.

- Phân tích, tổng hợp, so sánh được các loại hình giao dịch điện tử, phân biệt được các hình thức giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật quốc tế với giao dịch điện tử ở Việt Nam.

- Sử dụng được các quy định pháp luật thực định để giải quyết các tình huống thực tiễn liên quan đến Luật Giao dịch điện tử; xây dựng được hợp đồng giao dịch điện tử phù hợp.

- Kết hợp được các kiến thức đã học và kỹ năng bản thân để tư vấn, hướng dẫn người khác tuân thủ các qui định của pháp luật về luật Giao dịch điện tử.

- Xây dựng được thái độ đúng đắn, trách nhiệm làm việc nhóm, sẵn sàng thực hiện hiệu quả công việc trong nền kinh tế thị trường, trong điều kiện làm việc thay đổi, môi trường có nhiều áp lực, cạnh tranh, hội nhập và phát triển.

7.54. Luật An sinh xã hội

Mã học phần: 7LKT362

Số tín chỉ: 2

Loại học phần: tự chọn

a) Mô tả học phần:

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức, hiểu biết về các chính sách của

Nhà nước thông qua hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực an sinh xã hội: chế độ thai sản, hưu trí, tử tuất, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ trợ cấp, chế độ ưu đãi người có công cách mạng, các đối tượng xã hội để áp dụng trong thực tiễn ở các cơ quan, tổ chức cho đúng với chính sách pháp luật.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Lựa chọn được các kiến thức cơ bản về luật An sinh xã hội, như: bảo hiểm xã hội, ưu đãi xã hội, trợ giúp xã hội, giải quyết tranh chấp an sinh xã hội để giải quyết các tình huống, bài tập liên quan.

- Phân tích, tổng hợp, so sánh được các quan điểm, quy định của tổ chức lao động quốc tế về an sinh xã hội với các quy định pháp luật về An sinh xã hội của Việt Nam.

- Sử dụng được các quy định pháp luật thực định để giải quyết các tình huống thực tiễn liên quan đến Luật An sinh xã hội.

- Kết hợp được các kiến thức đã học và kỹ năng bản thân để tư vấn, hướng dẫn người khác tuân thủ các qui định của pháp luật về luật An sinh xã hội.

- Xây dựng được thái độ đúng đắn, trách nhiệm trong làm việc nhóm, sẵn sàng thực hiện hiệu quả công việc trong nền kinh tế thị trường, trong điều kiện làm việc thay đổi, môi trường có nhiều áp lực, cạnh tranh, hội nhập và phát triển.

7.55. Luật Dân sự La Mã

Mã học phần: 7LKT372

Số tín chỉ: 2

Loại học phần: tự chọn

a) Mô tả học phần:

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về thành tựu văn minh pháp lý của La Mã cổ đại, như: Lịch sử Nhà nước La mã, các vấn đề cơ bản của hệ thống pháp luật La mã, chủ thể của luật La mã, các chế định cụ thể của Luật dân sự La mã (luật tài sản, luật hợp đồng và nghĩa vụ, luật hôn nhân gia đình, luật thừa kế, kiện dân sự).

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Nắm được những kiến thức nền tảng về các chế định cơ bản trong luật tư La Mã như chủ thể của luật tư La Mã, quyền đối vật, quyền đối nhân, quyền thừa kế, quan hệ hôn nhân và gia đình, hình thức tố tụng và phương thức kiện dân sự.

- Phân tích, tổng hợp, so sánh được sự hình thành, động lực phát triển của các chế định và mối liên hệ giữa chúng với nhau. Đánh giá được kinh nghiệm lập pháp trong lĩnh vực luật tư từ cội nguồn và đánh giá mức độ bản sắc của hệ thống pháp luật Dân sự Việt Nam.

- Hình thành và phát triển được tư duy pháp lý phục vụ nghiên cứu khoa học;

- Vận dụng được những học thuyết pháp lý đã học để kế thừa và phát triển trong hoạt động lập pháp.

- Hình thành được thái độ, ý thức tôn trọng, gìn giữ, kế thừa và phát triển những di sản văn hóa pháp lý, ý thức vận dụng các kiến thức đã học để tiếp cận và lĩnh hội các môn học tiếp theo, đặc biệt là môn Luật Dân sự.

7.56. Luật Sở hữu trí tuệ

Mã học phần: 7LKT382

Số tín chỉ: 2

Loại học phần: tự chọn

a) Mô tả học phần:

Luật sở hữu trí tuệ là một ngành luật của mỗi quốc gia. Luật sở hữu trí tuệ bảo vệ quyền tài sản của nhân thân của cá nhân, tổ chức liên quan đến tài sản trí tuệ loại tài sản đặc biệt phát huy từ hoạt động sáng tạo trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, khoa học, sản xuất kinh doanh. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đã được chứng minh là công cụ đắc lực cho phát triển kinh tế, đặc biệt là nền kinh tế tri thức mà Việt Nam đang hướng đến. Việc cộng nhận và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nhằm khuyến khích hoạt động sáng tạo văn hóa, nghệ thuật, kĩ thuật, đổi mới khoa học, công nghệ, bảo đảm phân chia và sử dụng hiệu quả tài sản trí tuệ, hài hòa lợi ích giữa chủ thể sáng tạo, đầu tư và các chủ thể khác xã hội.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Xây dựng được các cách thức và điều kiện chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ; các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

- Phân tích, tổng hợp, so sánh được các quan điểm, quy định về sở hữu trí tuệ của các nước với các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ của Việt Nam.

- Sử dụng được các quy định pháp luật thực định để giải quyết các tình huống thực tiễn liên quan đến Luật Sở hữu trí tuệ

- Kết hợp được các kiến thức đã học và kỹ năng bản thân để tư vấn, hướng dẫn người khác tuân thủ các qui định của pháp luật về luật Sở hữu trí tuệ.

- Xây dựng được thái độ đúng đắn, trách nhiệm khi làm việc tập thể, sẵn sàng thực hiện hiệu quả công việc trong nền kinh tế thị trường, trong điều kiện làm việc thay đổi, môi trường có nhiều áp lực, cạnh tranh, hội nhập và phát triển.

7.57. Thực tập tốt nghiệp

Mã học phần: 7TTN014

Số tín chỉ: 4

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Có mục đích, mục tiêu nghiên cứu rõ ràng cụ thể; nêu được cơ sở lý thuyết có liên quan đến vấn đề nghiên cứu; phân tích một cách cụ thể hiện trạng của vấn đề nghiên cứu tại tổ chức, doanh nghiệp và đưa ra một số giải pháp cụ thể để giải quyết những tồn tại của hiện trạng.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Xây dựng và hình thành được nhận thức đúng đắn về việc nâng cao các kỹ năng trong quá trình tham gia tư vấn pháp luật.

- Phân tích, so sánh, hệ thống, tổng hợp được các kiến cơ bản, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành Luật kinh tế đã học.

- Sử dụng được kiến thức và các kỹ năng để tổ chức, thực hiện, giám sát, kiểm tra công tác chuyên môn nghiệp vụ pháp luật tại các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức hành nghề luật.

- Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết được các vấn đề chuyên môn và các vấn đề có liên quan trong thực tiễn.

- Thực hiện được các thủ tục tố tụng, thủ tục hành chính, giải quyết được công việc chuyên môn nghề luật tại cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức hành nghề luật.

- Thiết lập được các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng công sở như: có kỹ năng giao tiếp, có kỹ năng ứng xử và làm việc nhóm, có kỹ năng soạn thảo văn bản...; làm việc một cách độc lập, tự chủ và tư duy sáng tạo, biết phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn lập pháp.

- Tích cực tham gia các hoạt động rèn luyện kỹ năng tìm tòi, phân tích, đánh giá các tình huống thực tế; Có tinh thần thượng tôn pháp luật; Có phẩm chất đạo đức, tôn trọng đồng nghiệp, có tính kỷ luật cao, sẵn sàng đảm nhiệm công việc tại nơi làm việc

- Có khả năng định hướng, đưa ra các kết luận chuyên môn và có khả năng bảo vệ quan điểm cá nhân. Tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau, môi trường cạnh tranh và áp lực và hội nhập quốc tế.

7.58. Khóa luận tốt nghiệp

Mã học phần: 7KTN106

Số tín chỉ: 6

Loại học phần: bắt buộc

a) Mô tả học phần:

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức và các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học, vận dụng các kiến thức pháp luật kinh tế đã học để hoàn thành đề tài nghiên cứu đã chọn.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Truyền đạt, phổ biến được kiến thức pháp luật, kỹ năng thực hành nghề luật trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể trong lĩnh vực luật kinh tế.

- Phân tích, tổng hợp được một chế định của hệ thống pháp luật kinh tế gắn với thực tiễn thi hành, so sánh, đánh giá được tính hiệu quả của qui trình, thủ tục giải quyết công việc trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.

- Thực hiện được nghiên cứu độc lập chuyên sâu về ngành luật kinh tế. Thực hành kỹ năng nghiên cứu khoa học pháp lý, nâng cao năng lực viết bài luận lĩnh vực pháp lý, kỹ năng lập luận, đánh giá, giải quyết vụ việc pháp lý. Rèn luyện kỹ năng điều tra, khảo sát, thu thập, phân tích, tổng hợp dữ liệu sơ cấp, thứ cấp phục vụ cho nghiên cứu

- Kết hợp được các kỹ năng đơn giản để thực hiện các kỹ năng phức tạp trong thực hành nghề luật. Áp dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để đánh giá được thực trạng vấn đề pháp luật kinh tế nghiên cứu và đề xuất được giải pháp hoàn thiện qui định pháp luật điều chỉnh; Giải quyết được các tình huống pháp lý trong thực tiễn;

- Lập luận, tranh luận, phản biện, bảo vệ được quan điểm đúng và đề xuất được giải pháp để giải quyết các vụ việc liên quan pháp luật kinh tế; Bảo vệ lẽ phải, sự công bằng, thượng tôn pháp luật;

- Tổ chức, thực hiện, kiểm tra, đánh giá được công việc thuộc chuyên môn nghề luật.

- Xây dựng được các ý tưởng, nghiên cứu những quy định pháp luật để hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành.

- Nghiêm túc trong việc nghiên cứu, ý thức về quyền tác giả trong nghiên cứu.

7.59. Tư vấn thành lập doanh nghiệp (Học phần thay thế)

Mã học phần: 7LKT423

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: thay thế

a) Mô tả học phần:

Tư vấn thành lập doanh nghiệp trang bị cho người học các kỹ năng, quy trình, thủ tục thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, giúp người học nhận thức được pháp luật về thành lập doanh nghiệp, đồng thời vận dụng vào giải quyết thực tiễn.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Hệ thống được các kiến thức đã học và áp dụng trong giải quyết các bài tập tình huống, các câu hỏi liên quan đến môn học.

- Phân tích, tổng hợp được các kiến thức cơ bản về doanh nghiệp; điều kiện thành lập doanh nghiệp, các thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, các kiến thức về tư vấn thành lập doanh nghiệp.

- Vận dụng được các kiến thức pháp lý về doanh nghiệp, điều kiện thành lập doanh nghiệp để tư vấn thành lập doanh nghiệp đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tiễn của doanh nghiệp.

- Phân tích, tổng hợp, soạn thảo được nội dung pháp lý, tư vấn giao kết được các hợp đồng liên quan đến thành lập doanh nghiệp.

- Hình thành thái độ đúng đắn, trách nhiệm làm việc nhóm, sẵn sàng thực hiện hiệu quả công việc trong nền kinh tế thị trường, trong điều kiện làm việc thay đổi, môi trường có nhiều áp lực, cạnh tranh, hội nhập và phát triển.

7.60. Tư vấn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại (Học phần thay thế)

Mã học phần: 7LKT433

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: thay thế

a) Mô tả học phần:

Kỹ năng giải quyết các tranh chấp bằng trọng tài thương mại là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức về kỹ năng của các chủ thể tham gia vào hoạt động giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại. Môn học tập trung bổ sung những kỹ năng cho người học trong quá trình tham gia giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại ở nhiều tư cách chủ thể khác nhau với hình thức trọng tài thương mại.

b) Chuẩn đầu ra học phần:

- Phân tích được các kiến thức cơ bản về trọng tài thương mại

- Áp dụng các kiến thức đã học để tư vấn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại.

- Sử dụng được các kiến thức pháp lý về trọng tài thương mại; giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại để tư vấn giải quyết tranh chấp thương mại đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tiễn của doanh nghiệp.

- Phân tích, soạn thảo được nội dung pháp lý, tư vấn giao kết được các hợp đồng liên quan đến giải quyết tranh chấp thương mại.

- Hình thành thái độ đúng đắn, trách nhiệm làm việc nhóm, sẵn sàng thực hiện hiệu quả công việc trong nền kinh tế thị trường, trong điều kiện làm việc thay đổi, môi trường có nhiều áp lực, cạnh tranh, hội nhập và phát triển.

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Những căn cứ xây dựng và phát triển CTĐT:

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương các trình độ của giáo dục đại học;

Căn Cứ Quyết định số: 436/QĐ-TTg ngày 30/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học, giai đoạn 2020 – 2025;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019 V/v phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn LL chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên về LL chính trị của Bộ GD&ĐT;

8.2 Hướng dẫn sinh viên định hướng hoàn thành chương trình:

Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định của Trường Đại học Hòa Bình về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ:

Chương trình đào tạo ngành Luật kinh tế được xây dựng trên cơ sở Bộ Chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, có tham khảo một số chương trình đào tạo của các trường Đại học trong và ngoài nước khác.

Chương trình được thiết kế theo hướng đảm bảo sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành, gắn lý thuyết với thực tế. Bên cạnh đó, Chương trình cũng được thiết kế nhằm tăng cường sự tích cực, chủ động học tập của sinh viên, dành thời gian thích hợp cho sinh viên đi thực tập tiếp cận với thực tế, cập nhật kiến thức mới của chuyên ngành và các kiến thức tin học hiện đại. Các môn học/học phần được thiết kế theo học chế tín chỉ nên Kế hoạch giảng dạy chỉ mang tính chất dự kiến tạm thời. Kế hoạch giảng dạy cụ thể phụ thuộc vào thực tế đăng ký học của các sinh viên.

Chương trình được xây dựng cho 7 học kỳ học tập và 01 học kỳ thực hiện Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp.

Sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận theo quy định của Nhà trường sẽ làm khóa luận. Thời gian làm khóa luận là 6 tín chỉ. Những sinh viên không làm khóa luận sẽ học các học phần thay thế với tổng thời gian là 6 tín chỉ.

Trong quá trình học tập, sinh viên có thể xin học rút ngắn hoặc học kéo dài thời gian theo quy định của Bộ GD & ĐT và của Nhà trường.

Điều kiện tốt nghiệp tuân thủ quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ của trường Đại học Hòa Bình. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc cũng như số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo. Tổng lượng kiến thức tối thiểu là 132 tín chỉ bao gồm cả thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp (không bao gồm học phần Quốc phòng – An ninh và giáo dục thể chất).

Công nhận tốt nghiệp: Những sinh viên hoàn thành chương trình học tập 132 tín

chỉ tích lũy và 12 tín chỉ không tích lũy được Hội đồng xét tốt nghiệp của Nhà trường xem xét công nhận tốt nghiệp với điều kiện:

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 (tính theo thang điểm 4.0) trở lên.
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất.
- Đạt trình độ tiếng anh bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam và công nghệ thông tin trong học tập, hoạt động nghề luật.
- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm cuối.

8.3. Trách nhiệm của Bộ môn/Khoa/Trường

Để sinh viên có định hướng hoàn thành tốt chương trình đào tạo, vào đầu mỗi khóa học, lãnh đạo khoa, giảng viên gặp sinh viên hướng dẫn, trao đổi với sinh viên về mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT, điều kiện tốt nghiệp, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, nội quy học tập, phương thức đánh giá kết quả học tập từng loại học phần và toàn khóa học.

Để sinh viên tiếp thu tốt kiến thức, trong quá trình thực hiện CTĐT, Khoa/Nhà trường xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ, từng năm học và toàn khóa học thỏa mãn yêu cầu môn học, học phần tiên quyết, môn học, học phần học trước và học song song. Khoa, Bộ môn thường xuyên trao đổi với giảng viên phụ trách học phần về chuẩn bị bài giảng và dự giờ giảng.

Khoa và Nhà trường đảm bảo cơ sở vật chất cho việc thực hiện CTĐT: Trước mỗi học kỳ, Nhà trường có trách nhiệm bảo dưỡng, bổ sung trang thiết bị cho các phòng học trong trường, xây dựng kế hoạch cho sinh viên đi thực tập, thực tế tại các cơ sở ngoài trường.

8.4. Trách nhiệm của giảng viên/CVHT, sinh viên

Đội ngũ cố vấn học tập luôn đi sát nắm bắt tinh thần học tập, khó khăn, nguyện vọng của sinh viên để có hướng giúp đỡ, hỗ trợ sinh viên kịp thời.

Sinh viên có trách nhiệm thực hiện tốt nội quy, quy chế học tập, tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa của Nhà trường, của đoàn thể. Khi có khó khăn, sinh viên phản ánh ý kiến qua lớp, qua cố vấn học tập hoặc trực tiếp gặp lãnh đạo khoa, lãnh đạo Nhà trường để giảng viên, khoa, Nhà trường có thể giúp đỡ kịp thời, tạo điều kiện để sinh viên hoàn thành CTĐT đúng tiến độ. *ue*

Nơi nhận:

- CT HĐT (để báo cáo);
- Các PHT (để chỉ đạo);
- Các đơn vị liên quan (để thực hiện);
- Các Khoa/ Bộ môn (để thực hiện);
- Công TTĐT của Trường (để thông báo);
- Lưu VT, P.ĐTĐH&SDH.



NGND.PGS.TS Tô Ngọc Hưng